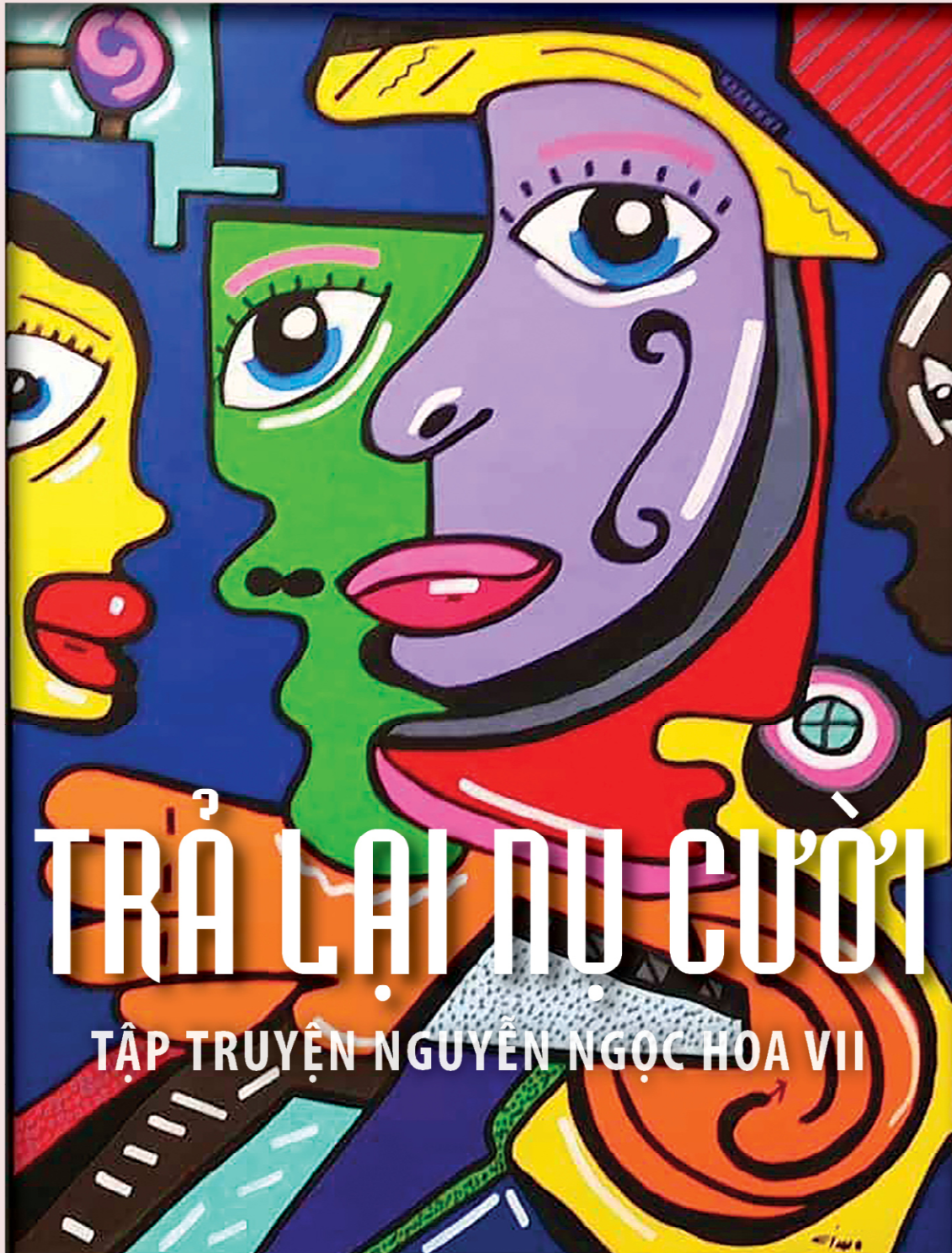


**NGUYỄN NGỌC HOA**



**TRẢ LẠI NỤ CƯỜI**

**TẬP TRUYỆN NGUYỄN NGỌC HOA VII**

**BIỂN NGỌC . 2021**



# MỤC LỤC

Lời Tựa

1. Sông Có Khúc, Người Có Lúc
2. Đi Đâu Mà Vội Mà Vàng
3. Mèo Lại Hoàn Mèo
4. Bông Hoa Lài
5. Điệp Vụ Toàn Hảo
6. Người Thiếu Phụ Luân Lạc
7. Không Đu Dây Tử Thần
8. “Mọi Thứ Tôi Có Được Đều Đã Mất”
9. Vạn Sự Khởi Đầu Nan
10. Trả Lại Nụ Cười
11. Cả Tàu Không Ăn Cỏ
12. Chạy Trời Không Khỏi Nắng
13. Còn Nợ Một Lời Xin Lỗi
14. Mộng hay Thực?
15. Ngôi Nhà Có Hai Đàn Ông
16. Một Người Mỹ An Bình
17. Quê Hương của Con Tôi
18. Hai Lời Khuyên, Một Cuộc Đời
19. Phần Thưởng Quý Báu
20. Lễ Khảm Tháng của Cu Mạc
21. Đi Tìm Quê Hương
22. Cuộc Đời Phỏng Có Bao lâu
23. “Anh Làm Cho Đời Em Sáng Ngời”
24. Bão Tố Đời Mẹ

Tiểu sử Nguyễn Ngọc Hoa

# LỜI TỰA

Tập truyện *Trả Lại Nụ Cười: Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa VII* trên tay quý bạn được viết trong khoảng một năm bắt đầu từ đầu mùa xuân 2020, thời gian mà dịch cúm coronavirus hoành hành khắp thế giới. Chúng tôi đội ơn ơn trên đã phò hộ cho gia đình chúng tôi và bạn bè gần xa được an lành suốt một năm rưỡi vừa qua, và cầu mong mọi người tiếp tục được may mắn như thế trong những ngày sắp tới.

Các truyện ngắn trong tập truyện này đã được phổ biến dưới tiêu đề “loạt truyện Đất Khách Quê Minh” kể lại những câu chuyện chúng tôi trải qua, chứng kiến, hay nghe thuật lại trong khoảng đời tỵ nạn đầu tiên trên đất Mỹ giữa thập niên 1970. Mỗi truyện ngắn là một tác phẩm riêng lẻ đặt liền hoàn với các truyện khác theo thứ tự thời gian, nhưng toàn thể bảy cuốn *Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa I, II, III, IV, V, VI, và VII* phổ biến và ấn hành từ năm 2013 đến nay không hẳn là một trường thiên tiểu thuyết. Chúng tôi viết để kể lại cho bạn bè nghe những câu chuyện của một quãng đời xa xưa và trau dồi Việt ngữ sau những năm dài sống xa quê hương. Nhớ chuyện cũ đến đâu viết đến đó chứ không hề sắp đặt trước bố cục, nội dung, hay nhân vật như các tác giả viết truyện dài.

Để tránh ngộ nhận đáng tiếc, chúng tôi xin nhắc lại một lần nữa: Tập truyện ngắn này không phải là hồi ký, tự truyện, hay tài liệu ghi lại dữ kiện lịch sử. Nhân vật xưng "tôi" được dùng như nhân chứng thuật lại chuyện cũ và không phải chính tác giả. Mọi nhân vật khác đều được dựng nên, tiểu thuyết hóa cho phù hợp với câu chuyện, và có thể không tương ứng với nhân vật có thực ngoài đời nào.

Chúng tôi xin cảm ơn các thân hữu đã góp ý, phê bình, và chỉnh sửa cũng như đã khích lệ chúng tôi trong việc sáng tác. Xin được kể tên vài người là các chị Lưu Phương Lan (nhà văn Phương Lan) và Trần Thùy Mai (nhà văn) và các anh Nguyễn Trọng Dzũng, Nguyễn Đình Hiếu, Nguyễn Nhật Hoàng (báo Trẻ), Nguyễn Thanh Hoàng (nhà văn Phan Hạnh), Nguyễn Xuân Phong, Nguyễn Khắc Phụng, Châu Hiền Quang (nhà thơ Kiều Phong (Toronto)), Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Thiệp (nhà văn Tràm Cà Mau), Nguyễn Xuân Thiệp (nhà thơ), và Nguyễn Công Thuần. Chúng tôi cũng xin cảm ơn tiện nội là kịch tác gia, nhà văn, và đạo diễn Nguyễn Thị Minh Ngọc đã đọc bản thảo và đề nghị tựa các truyện ngắn và khuyến khích chúng tôi xuất bản các tác phẩm đã viết.

Chúng tôi hy vọng, trong một tương lai không xa, sẽ có cơ hội ấn hành và ra mắt độc giả *Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa VIII* đang được phổ biến dưới tiêu đề “loạt truyện Theo Ngọn Mây Tàn.” Mời quý bạn đón xem.

**Nguyễn Ngọc Hoa**  
Ngày Thu phân 2021  
(22-09-2021)



# Sông Có Khúc, Người Có Lúc

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Trong ba ngày *cuối tuần dài* lễ Lao động, tôi và Quỳnh Châu lần lần quanh nhà dọn dẹp đồ đạc và làm quen với nếp sống mới. Tôi mong sớm gặp lại mẹ, cha mẹ đang ở trong trại Đồn Chaffee thuộc tiểu bang Arkansas, và nhà thờ Ba ngôi Lutheran chỉ tiến hành thủ tục bảo trợ sau khi tôi có việc làm bảo đảm cuộc sống kinh tế ổn định của gia đình. Ông bảo trợ Gardner đã lấy hẹn để tôi trực tiếp đến xin việc tại bốn công ty điện và điện tử đã phỏng vấn tôi qua điện thoại lúc tôi ở trong trại Trại Pendleton; ông khuyên tôi,

“Việc làm đầu tiên thường quyết định hướng đi cho cuộc đời nghề nghiệp của một người chuyên nghiệp. Tuy lương bổng và quyền lợi nhân viên (như bảo hiểm sức khỏe và số ngày nghỉ phép) là yếu tố thiết yếu, nhưng quan trọng hơn là anh có yêu thích công việc đó hay không và có cơ hội thăng tiến về lâu về dài hay không. Do đó, anh nên suy nghĩ và lựa chọn kỹ càng.”

“Cháu sẽ ghi nhớ điều bác dặn. Cháu mù tịt về vấn đề này nên trước khi quyết định nhận việc hay không, thế nào cháu cũng phải hỏi ý kiến bác.”

Cho cuộc hẹn đầu tiên, tôi diện đôi giày mới mua và bộ áo quần xem *được* nhất và đi bộ đến trụ sở Công ty Phát thanh Meyers cách nhà năm khu phố. Công ty làm chủ một số đài truyền hình và truyền thanh ở North Dakota và có thể là sở làm lý tưởng cho một kỹ sư điện với kiến thức rộng rãi về điện tử và viễn thông như tôi. Các đài ở Bismarck mang danh hiệu KMYR: KMYR-TV (*ti-vi*), KMYR-FM (*ra-đi-ô FM*), và KMYR-AM (*ra-đi-ô AM*). Tôi ngần ngại bước vào một khu nhà ba tầng chiếm gần nửa khu phố có nhiều cửa ra vào ghi các danh hiệu KMYR khác nhau, hỏi quanh một hồi, và sau cùng tìm thấy quầy thư ký tiếp khách. Người thiếu phụ khoảng trên ba mươi tuổi nhã nhặn hỏi,

“Tôi có thể giúp được gì cho ông?”

“Tôi đến đây để phỏng vấn . . .” tôi ngập ngừng.

“Ông có biết người muốn gặp là ai không?”

“Ông giám đốc kỹ thuật tên Joe mà tôi không nhớ họ,” cái họ Mỹ dài ngoằng và khó đọc làm sao tôi nhớ nổi, tôi tự giới thiệu, “Tôi là người Việt tỵ nạn mới đến Bismarck.”

“Cám ơn ông. Để tôi gọi người ra đón, ông đợi một lát.”

Bà thư ký nhắc ống nói bấm số điện thoại. Không tới năm phút sau, một thiếu nữ trẻ xinh xắn từ trên lầu bước xuống chào tôi và cười thật tươi,

“Chào mừng! Tôi là Loretta phụ tá sản xuất. Chúng tôi đang mong ông, mời theo tôi.”

Tôi ríu ríu theo cô Loretta lên lầu hai và tới một căn phòng bài trí lịch sự, bộ *xa-lông* nhỏ giữa phòng đã có người. Cô mời tôi ngồi đợi ở cuối phòng rồi ra chỉ dẫn hai nhân viên kỹ thuật thu hình cuộc đối thoại của một ký giả trung niên trong bộ *com-lê* hợp thời trang và một bà giáo sư đại học to béo khoảng năm mươi tuổi ăn mặc xuề xòa. Thì ra tôi đã vào nhầm chỗ; đây là phòng thu và truyền hình trực tiếp của đài *ti-vi*. Bà giáo sư là một người phản chiến đã từng

cực lực phản đối chính sách của Hoa kỳ tại Việt nam và đòi chấm dứt quân viện cho Việt nam Cộng hòa để chấm dứt chiến tranh. Bà nói giần tiếng trả lời từng câu hỏi và hùng hồn kết luận, *Các chính trị gia ở Hoa Thịnh Đốn đã khiến gần 60,000 nhân mạng Hoa kỳ hy sinh và tiêu phí cả ngàn tỉ đô la cho cuộc chiến ngu xuẩn. Nay họ lại mở rộng vòng tay đón tiếp những kẻ đã ăn bám vào quân đội Hoa kỳ trong thời chiến tranh. Những người này sẽ là gánh nặng cho xã hội chúng ta, hôm nay và nhiều, nhiều năm tới.*

Tôi nghe mà thấy sôi máu, *con mẹ* này ác độc quá chừng, mong được phỏng vấn kế tiếp, và phác họa trong đầu những điều nên nói. Ngờ đâu cô Loretta bước lại đưa tay mời tôi ngồi vào ghế phỏng vấn thực. Ông ký giả bắt đầu bằng một số câu hỏi dễ để hướng dẫn tôi thuật lại hoàn cảnh tỵ nạn của mình trước khi đưa ra đòn tối hậu, “Anh nghĩ thế nào về phát biểu của bà giáo sư?” Tôi quay người nhìn thẳng vào ống kính máy thu hình,

*Xin quý vị đừng vì chán ghét chiến tranh mà oán hận người tỵ nạn chúng tôi. Cộng sản Bắc Việt xé bỏ Hiệp định Paris 1973 và xâm lăng miền Nam, chúng tôi đã chiến đấu oanh liệt để bảo vệ tự do của mình, nhưng thua trận, tính mạng bị đe dọa, và đến đường cùng mới tới đây. Nhưng chúng tôi có khả năng và sẵn sàng góp sức xây dựng Hiệp chúng quốc Hoa kỳ. Bằng chứng là tôi đến đài truyền hình không phải để dự phần vào cuộc phỏng vấn này mà xin làm kỹ sư.*

Ông Joe (tên tắt của Joseph) trạc dưới bốn mươi, dáng người tầm thước và cục mịch, và giọng nói rồn rảng đứng đón tôi ở cửa phòng với nụ cười rạng rỡ. Tôi lấp vấp xin lỗi,

“Tôi đến nhầm chỗ rồi tình cờ bị kéo vào cuộc phỏng vấn.”

“Không đâu *Ba Hoa*, chính tôi mới phải xin lỗi anh. Cuộc phỏng vấn với bà giáo sư trong chương trình ‘Kiến thức Chính trị’ hàng tuần được dàn xếp từ hai tuần trước, và khi biết tôi sẽ gặp mặt anh, ban giám đốc bỗng có ý kiến đưa anh vào cuộc tranh luận để làm sáng tỏ đề tài đang gây tranh cãi. Tôi đành phải bằng lòng,” và ông biện bạch, “Nguồn sống của công ty phát thanh là tiền quảng cáo, và quảng cáo tùy thuộc vào số khán thính giả mà chương trình có thể thu hút. Trong ngành truyền thông này, nhất Tiếp thị (Marketing), nhì Lập Chương trình (Programming), thứ ba mới đến Kỹ thuật như anh và tôi. Họ mới là kẻ *hô biến* (người cầm trịch đưa ra quyết định), chẳng phải là tụi mình đâu.”

Điều này có nghĩa là ông Joe đứng dưới các vị giám đốc khác và không thể lên cao hơn. Nếu tôi làm dưới quyền ông, cơ hội thăng chức lâu lắm mới xảy ra – khi ông về hưu! Ông tỏ vẻ hài lòng,

“Thực ra, chúng tôi đặt anh vào cuộc phỏng vấn cũng vì muốn thử thách khả năng lãnh đạo của anh. Đối với tôi thì trên phương diện này, anh *đậu với cờ bay phát phới* (thắng lợi rực rỡ).”

“Phải chi tôi biết trước để chuẩn bị,” tôi chép miệng.

“Tôi định gọi báo cho anh biết, nhưng không có số điện thoại.”

“Công ty Northwestern Bell chưa mắc điện thoại cho tôi, có lẽ tại tôi chưa có việc làm,” tôi ngượng ngập thú nhận.

Ông Joe đưa tôi đi quan sát các phần việc của Meyers và cho biết công ty còn có chi nhánh tương tự như KMYR ở ba thành phố North Dakota khác, mỗi chi nhánh mang danh hiệu riêng. (Ở Hoa kỳ, danh hiệu của các đài truyền thanh và truyền hình ở phía tây sông Mississippi đều

bắt đầu bằng chữ “K,” và đài ở phía đông bắt đầu bằng “W.”) Công ty liên kết với Hệ thống Phát thanh NBC; cùng với hai hệ thống ABC và CBS, NBC là một trong ba hệ thống phát thanh độc chiếm thị trường Bắc Mỹ. NBC cung cấp tin tức, các tiết mục ở tầm quốc nội và quốc tế, và phim ảnh giải trí. Các đài địa phương chỉ lo thu thập tin tức và các tiết mục địa phương và lấy quảng cáo. Đứng giữa căn phòng chứa đầy dụng cụ điện tử tối tân, ông Joe hãnh diện,

“Tất cả máy móc và phụ tùng thay thế chúng tôi mua dùng đều do NBC chỉ định. Toàn là dụng cụ mới nhất trên thị trường để NBC có thể tranh đua với hai hệ thống kia trên phương diện kỹ thuật.”

“Như vậy ban Kỹ thuật của ông chỉ có nhiệm vụ bảo trì và sửa chữa?” tôi thất vọng nhưng không để lộ ra ngoài mặt.

“Đúng thế. Chuyện làm không xuể, vì tôi còn có ba thành phố kia phải lo. Do đó mới cần thêm người – là anh.”

Sau cuộc phỏng vấn suôn sẻ và đầy hứa hẹn, lòng tôi hoang mang lưỡng lự. Tôi rất cần việc làm, nhưng chức vụ không có cơ hội tiến thân và công việc bảo trì và sửa chữa không thích hợp với khả năng kỹ sư của tôi. Tôi sẽ quyết định thế nào nếu Công ty Meyers gửi đề nghị nhận làm?

Thay vì về nhà, tôi tới trạm xăng Jimmy’s Mobil (Jimmy là tên người chủ, và Mobil là hãng dầu cung cấp xăng) chơi với thằng Sang, em tôi được nhận vào làm vài hôm sau khi tới Bismarck. Nó lấy đồng *quarter* (25 xu) bỏ vào máy bán nước ngọt tự động mua lon Coca-Cola cho tôi uống rồi chạy ra ngoài tiếp tục làm việc. Công việc tiếp viên trạm xăng tương đối giản dị: Khi một chiếc xe cạp vào một trong bốn cây xăng, nó ghé đầu vào cửa kính tài xế chờ lệnh. Thường khách hàng yêu cầu, “Đổ đầy xăng và soát lại nhớt.” Trong khi cho xăng bơm vào thùng xăng, nó chúi kính trước và sau, kiểm nhớt máy, và nếu khách nhờ, đo áp suất bánh xe xem có đủ mức hay không. Trong lúc làm việc, nó dẻo miệng tán chuyện với khách và buông thêm đôi ba lời ong bướm hẹn hò nếu khách là thiếu nữ trẻ đẹp. Về mục này em tôi giỏi số một.

Trạm xăng có *ga-ra* (garage) có thể sửa chữa hầu hết những chuyện hư xe thường gặp như thay nhớt, vá *lốp* (do tiếng Pháp “envelope” là vỏ bánh xe; khác với xe ở Việt nam, bánh xe Mỹ chỉ có vỏ mà không có ruột), thay hay chúi *bu-gi* (do tiếng Pháp “bougie” là bộ phận đánh lửa để đốt xăng), thay hay *sạc* (charge) bình điện, v.v. Phòng máy rửa xe nằm cạnh *ga-ra*, máy cần có tiếp viên đứng đằng sau điều khiển. Chiếc xe cần trực đậu trong bãi đậu xe thì dùng để đi *câu* xe bị sa lầy hay kẹt tuyết, bị hỏng, hoặc gặp tai nạn. Luật tiểu bang cho phép thằng Sang lái xe cần trực trong lúc thi hành phận sự mà không cần có bằng lái, điều em tôi hài lòng nhất. Ngày Sài Gòn, nó không hề có bằng lái nhưng tự phụ lái xe giỏi và chê tôi có bằng bằng hoàng mà lái dở ẹt.

Sau hai tuần lễ thằng Sang thành thạo với hoạt động của trạm xăng. Nó rủng rinh đồng ra đồng vào: Ngoài tiền lương một đô la bảy mươi lăm xu (\$1.75) một giờ và lương giờ phụ trội trả một lần rưỡi hay gấp đôi, nó thường được khách hàng cho *puốc-boa* (tiếng Pháp “pourboire”) hậu hỉ. Buổi chiều, khi xong việc, nó cùng với đôi ba thằng bạn sang ngồi trong *ba* (bar) bán rượu gần đó uống bia tán chuyện khề khà. Trên đường về nhà, nó ghé siêu thị mua một vỉ mề gà hay tim gà giá rẻ rề vì ít người mua rồi tạt qua tiệm rượu mua một xâu bia Budweiser sáu lon để ban

đêm nhậu nhẹt với ông anh. Mấy đứa bạn đồng sự của nó là thanh niên trẻ mười chín, hai mươi tuổi, học xong trung học thì nghỉ học ít lâu, làm việc ở trạm xăng trong lúc “cố tìm ra mình muốn làm gì,” và rất tin tưởng và kính trọng em tôi.

Buổi tối cuối tuần là dịp vui chơi của chàng cựu sĩ quan pháo binh hào hoa. Ăn diện bánh bao, thằng Sang lui tới các *ba sang* trọng phải trả tiền vào cửa và có giàn nhạc sống và sàn khiêu vũ. Gặp thiếu nữ trẻ đẹp, nó tỉnh bơ ôm hôn lia lịa; mấy thằng bạn luôn miệng giới thiệu, “He comes from Vietnam (Anh ấy là người Việt nam),” khiến các cô yên lòng cho đó là phong tục của người Việt. Nó kể lại, đôi khi gặp cô vừa ý, nó giả vờ ngây thơ,

“Do you want to *fool around* with me tonight? (Đêm nay mình ‘fool around’ với nhau nhé?)”

“Fool around” có hai nghĩa: Một là đi chơi lang bang vớ vẩn, và nghĩa kia là ăn nằm với nhau. Nếu cô kia *xi-nẹc* (do tiếng Pháp “s’énerver” là giận điên tiết) la lối, nó làm bộ ngơ ngác, “Tôi nói gì sai hay sao?” như thể không hiểu rành Anh ngữ. Nhưng nó cười lém lỉnh tiết lộ với tôi, “Đôi khi *tui* gặp may và trúng mối.”

Một thằng bạn thắc mắc về làn da sạm nắng sau những năm dầu dãi trong quân ngũ của nó so với màu da của tôi,

“Tại sao anh anh thì trắng, mà anh thì đen như cục than?”

“Mày *ngu như con lừa* ấy. Bọn Mỹ chúng mày có Mỹ đen và Mỹ trắng, Việt nam tao cũng vậy. Tao là Việt đen, anh tao là Việt trắng, không thấy sao?” Thằng kia gật gù cho là có lý.

Cuộc sống buông thả ham vui của thằng Sang kéo dài hơn hai năm, đến khi tôi thuyết phục nó trở lại đại học. Sau ba năm đèn sách, nó cưới một cô. . . Việt trắng 19 tuổi vừa tốt nghiệp trung học, lặn lừng tấm bằng cử nhân kế toán, và đông tuốt xuống Texas làm công chức tiểu bang. Từ một *dân chơi cầu ba cẳng*, em tôi trở thành một người chồng và người cha chân chỉ hạt bột đến không ngờ. Thế mới biết *sông có khúc, người có lúc!*

**Nguyễn Ngọc Hoa**

Ngày 1 tháng Tư, 2020

# Đi Đâu Mà Vội Mà Vàng

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Bismarck được các người Mỹ gốc Âu châu thành lập bên bờ đông (tả ngạn) sông Missouri năm 1872 và dùng làm thủ phủ của North Dakota khi tiểu bang được lập ra và nhận vào Liên bang Hoa Kỳ năm 1889. Trong tất cả 50 tiểu bang, North Dakota là tiểu bang độc nhất có thủ phủ mang tên một chính trị gia ngoại quốc – Otto von Bismarck (1815 – 1898) của Đức. Ông chủ trương và điều khiển cuộc thống nhất nước Đức vào năm 1871 và làm thủ tướng đầu tiên của quốc gia mới.

Ban đầu, thành phố có tên Edwinton đặt theo tên vị kỹ sư trưởng Edwin Ferry Johnson của Công ty Hỏa xa Northern Pacific; công ty đưa nhân công tới đặt đường xe lửa, lập thị trấn mới, và kêu gọi dân nơi khác đến sinh sống. Một năm sau ngày thành lập, thành phố được đổi tên thành Bismarck; công ty hy vọng mời được Otto von Bismarck sang thăm để lôi cuốn dân nhập cư người Đức đến lập nghiệp và thu hút vốn đầu tư của Đức vào hệ thống hỏa xa của công ty. Lời mời không được ông thủ tướng đáp ứng, và không dựng tên một nhân vật không dính dáng tới lịch sử Hoa Kỳ lại gắn liền với North Dakota.

Hơn 100 năm sau, cuối tháng Tám năm 1975, gia đình tôi theo gót người xưa đến định cư ở Bismarck. Chúng tôi ở đây đã gần hai tuần, các em Bình, Lâm, và Trọng đã trở lại trường, và tôi chuẩn bị cuộc phỏng vấn xin việc lần thứ hai. Lần này với công ty Dale J. Sessions & Cộng sự chuyên trang bị âm thanh, ánh sáng, và các thiết bị khác cho những cơ sở kỹ nghệ và thương mại như xưởng máy, hội trường, rạp hát, và nhà thờ. Tôi đề nghị với ông bảo trợ Gardner,

“Cháu có thể đi phỏng vấn một mình nếu bác kiểm cho cháu chiếc xe đạp cũ làm phương tiện di chuyển.”

“Tôi có mấy chiếc xe đạp trong nhà xe không dùng; để tôi mang lại,” ông trả lời sốt sắng.

Giắt bản đồ thành phố sau túi quần, tôi vừa huýt sáo vừa đạp xe chạy trên con đường thẳng tắp dưới vòm lá xanh tạo thành bởi cành lá hai hàng cây bên đường giao nhau. Tôi lạc quan tin tưởng việc làm đang chờ tôi trước mặt. Với kinh nghiệm và kiến thức học hỏi khi thiết lập phòng Thí nghiệm Vật lý và phòng Máy Điện ở Đại học Minh Đức, hai phòng thí nghiệm hoàn toàn *made in Vietnam* đầu tiên và duy nhất của đất nước, tôi biết mình dư sức điều khiển các công tác thiết trí xem ra không có gì khó khăn hay phức tạp của công ty này. Hai mươi phút sau, tôi đến ngôi biệt thự nằm trên ngọn đồi thoải thoải, thở hổn hển đạp xe vào sân, và ngạc nhiên thấy một người đàn ông khoảng năm mươi tuổi mặc bộ áo quần *ca-ki* thợ thuyền cười tươi đứng chờ,

“Tôi là Dale, chủ công ty này. Mình sang nhà tôi uống cà-phê đã!”

Tôi nhận ra công ty mang tên họ ông Sessions. Một phần của ngôi biệt thự dùng làm trụ sở công ty và phần nhỏ hơn dùng làm nhà ông. Ông đưa tôi vào nhà bếp và pha cà-phê mời tôi uống. Ngồi đối diện với tôi, ông lấy gói thuốc lá trong túi ra mời, tự châm cho mình một điếu, và phà khói ra trước mặt,



“Công ty của tôi nhỏ, chỉ có chừng 20 nhân viên. Khoảng mười nhân viên bên văn phòng lo kế toán sổ sách, liên lạc với khách hàng, ký giao kèo, và lập đề án cho các công trình phải thực hiện. Số còn lại là ba toán thợ có nhiệm vụ lắp ráp thiết bị tại cơ sở khách hàng, mỗi toán do một đốc công đứng đầu.”

Xem ra công ty của ông Sessions nhỏ hơn Công ty Martinet của tôi ở Sài Gòn. Năm năm trước, ngày mới tốt nghiệp kỹ sư, tôi được tiến cử làm cố vấn kỹ thuật cho ông Tín là chủ Công ty Martinet và được ông thương mến và tin cậy. Cuối năm ngoái, trước khi đi Pháp chữa bệnh ung thư, ông bổ nhiệm tôi làm quyền chủ tịch tổng giám đốc (đồng thời là sở hữu chủ). Sau khi ông mất, chức vụ của tôi trở thành vĩnh viễn. Như đọc được ý nghĩ của tôi, ông Sessions gật gù,

“Khi đọc bản tóm lược (bối cảnh học hành và làm việc), ngoài khả năng kỹ thuật vượt trội của anh, tôi đặc biệt chú ý sự việc anh làm chủ một công ty tư nhân ở Việt Nam.”

“Thực ra cháu thừa kế công ty đó chứ chẳng có công trạng gì trong việc thành lập hay mở mang công ty. Công việc hàng ngày do Tổng Giám đốc Điều hành của cháu đảm nhiệm, cháu chỉ phụ trách mặt kế hoạch và chính sách dài hạn.”

“Công ty đó bây giờ ra sao?”

“Một ngày trước khi đi di tản ra khỏi nước, cháu kịp thời giải tán công ty và phân chia tài sản đồng đều cho nhân viên.”

Ông Sessions rít một hơi thuốc lá và ngẩng đầu nhìn lên trần nhà cười lớn,

“Thật đáng phục! Anh chính là người tôi muốn tìm.”

“Cháu chỉ làm điều phải làm mà thôi. Bác muốn thuê cháu làm gì? Cháu không đủ tư cách làm đốc công đâu,” tôi nói đùa.

“Chức vụ dành cho anh tệ hơn nhiều,” ông đùa lại rồi đổi giọng nghiêm trang, “Tôi dự định tám đến mười năm nữa về hưu. Trong thời gian đó, anh giúp tôi điều hành, phát triển, và khuyến khích để trị giá của công ty lên cao. Khi về hưu, tôi bán công ty lại cho anh.”

“Làm sao chắc chắn bác bán lại cho cháu mà không bán cho người khác?”

“Chẳng có gì khó, hợp đồng làm việc sẽ quy định nếu lúc đó còn phục vụ cho công ty anh sẽ có ‘quyền từ chối đầu tiên.’ Chỉ khi nào anh từ chối không mua tôi mới được quyền bán cho người khác.”

Ông Sessions lấy xe hơi đưa tôi đi quan sát “công trường,” nơi một toán thợ đang thiết trí hệ thống ánh sáng cho xưởng máy dụng cụ của công ty ráp máy cày và cung cấp các dịch vụ liên hệ như bán đồ phụ tùng và sửa chữa máy cày; North Dakota là một tiểu bang đứng hàng đầu về nông nghiệp của Hoa Kỳ. Máy dụng cụ là những loại máy dùng để tiện, khoan, mài giũa, và cắt xén kim loại hay các vật liệu cứng khác để chế tạo vật dụng hay đồ phụ tùng cho máy móc khác. Anh đốc công trạc ba mươi tuổi nhanh nhẹn tới chào tôi và trình bày công tác đang làm,

“Xưởng có 90 cỗ máy dựng thành ba hàng dài như ông thấy. Điều canh tân đáng kể của dự án là theo yêu cầu của khách hàng, công ty dùng đèn huỳnh quang thay vì đèn tim đốt cổ điển. Đèn huỳnh quang tuy đắt tiền hơn đèn tim đốt, nhưng sáng hơn và tiết kiệm điện nhiều hơn nên về lâu về dài khách hàng vẫn có lợi.”

Đèn tim đốt là loại đèn chiếu sáng khi tim đèn bị đốt nóng, tim đèn là bộ phận chính phát ra ánh sáng xuyên qua bóng thủy tinh. Đèn huỳnh quang là loại đèn dùng sự phóng điện để kích

thích hơi thủy ngân trong chất khí *argon* hay *neon* để phát ra ánh sáng. Tôi đi quanh xem xét lối chạy dây điện và gắn đèn của thợ, khen đôi ba câu lấy lệ, và hỏi anh đốc công,

“Anh có giữ họa đồ điện thiết kế ở đây không?”

“Dạ có, để tôi lấy ông xem,” anh ta sốt sắng lấy họa đồ trải rộng ra.

“Có điều gì không ổn?” ông Sessions hỏi lớn khi thấy tôi vừa xem vừa lắc đầu.

“Dạ, cháu nghĩ là công trình này vi phạm một lỗi làm kỹ thuật trầm trọng.”

Trước bốn con mắt nghi hoặc của hai người, tôi đành hắng giọng rồi chỉ lên bản vẽ,

“Theo kế hoạch, tất cả đèn ở mỗi hàng máy đều lấy điện từ một *pha*.” “*Pha*” tiếng Anh là “*phase*” dùng để chỉ điện lấy ra giữa một trong ba dây “*nóng*” và dây “*đất*” chung của hệ thống điện tam tướng (ba *pha*) mà công ty điện lực cung cấp cho khách hàng kỹ nghệ.

“Đúng vậy. Số đèn trên các *pha* bằng nhau nên hệ thống điện cân bằng một cách hoàn hảo,” anh đốc công tự hào.

“Vấn đề ở đây bắt nguồn từ đặc tính cố hữu của dòng điện xoay chiều. Điện dùng ở Bắc Mỹ có tần số 60 hertz, nghĩa là trong một giây dòng điện tắt hẳn, lên cao nhất, và tắt lại tất cả 60 lần. Nếu dùng đèn tim đốt, dù dòng điện tắt, tim còn cháy đỏ và tiếp tục phát ra ánh sáng đến khi dòng điện trở lại. Ngược lại, khi dùng đèn huỳnh quang, dòng điện tắt thì sự phóng điện trong chất khí cũng ngưng và đèn tắt ngúm 120 lần một giây.”

“Đèn chớp tắt nhanh như thế thì làm sao mắt thường thấy được mà phải quan tâm?”

Anh đốc công bực dọc gạt ngang, nhưng tôi tiếp tục,

“Nếu dùng trong nhà thờ, rạp hát, hay công sở thì không sao, nhưng đây là cơ xưởng gồm toàn máy quay vận tốc cao. Về mặt quang học, một hiện tượng gọi là hoạt nghiệm sẽ xảy ra: Nếu vận tốc của máy gần bằng hay bằng một bội số của tần số chớp tắt, mắt ta sẽ thấy trục quay dường như di chuyển rất chậm hay ngừng hẳn lại. Sự nhận lầm này có thể đưa tới tai nạn đáng tiếc cho người điều khiển máy,” tôi giải thích.

“Vậy anh nghĩ chúng tôi phải làm sao?” ông Sessions nóng lòng hỏi.

“Không cần phải thay đèn huỳnh quang bằng đèn tim đốt trở lại theo họa đồ nguyên thủy; đó là giải pháp mất tiền vì công ty bác đã mua và gắn các bộ đèn huỳnh quang vào vị trí thích hợp. Giải pháp ít tốn kém hơn nhiều là thay đổi cách cung cấp điện, tức là lối mắc dây: Trên mỗi cỗ máy có ba ngọn đèn huỳnh quang, ta chỉ việc mắc mỗi ngọn vào một *pha* khác nhau là xong.”

Ông Sessions và anh đốc công cùng thắc mắc,

“Làm sao cách mắc dây ấy giải quyết vấn đề?”

“Trong hệ thống điện tam tướng, mỗi *pha* cách *pha* kế tiếp một phần ba (1/3) chu kỳ, tức là tắt và sáng trước *pha* kế tiếp 1/180 giây. Khi một *pha* tắt thì hai *pha* kia vẫn sáng và giữ ánh sáng tỏa ra liên tục. Không còn hiệu ứng hoạt nghiệm!”

“Cám ơn anh đã giúp chúng ta tránh được một vụ nhưc đầu lớn lao. Khi nói ‘chúng ta,’ tôi muốn nói cả anh và tôi,” ông Sessions vỗ vai tôi.

Trở về trụ sở, ông Sessions đưa tôi vào văn phòng riêng và đưa đề nghị sửa soạn từ trước,

“Công ty sẽ nhận anh với chức vụ phụ tá tổng giám đốc, tức là phụ tá cho tôi. Hợp đồng làm việc có hiệu lực ba năm, mỗi ba năm sẽ tái tục, và ghi điều khoản ‘quyền từ chối đầu tiên’

như tôi nói với anh. Công ty nhỏ ngân sách eo hẹp nên chỉ trả lương anh 750 đô la (\$750) một tháng trong năm đầu tiên. Tôi cũng báo trước là anh và tôi là giám đốc sở hữu chủ nên sẽ làm việc không giới hạn vào một ngày tám tiếng hay một tuần năm ngày như nhân viên khác, và chúng ta chỉ lấy nghỉ hè khi công việc thực sự ngại ngốt,” và ông nói gần như nài nỉ, “*Ba Hoa*, số lương đó thấp hơn mức lương kỹ sư trên thị trường, nhưng tôi nghĩ triển vọng làm chủ công ty bù đắp thích đáng cho sự thiệt thòi trong giai đoạn đầu.”

So với lương giờ một đồng bảy mươi lăm xu (\$1.75) của thằng Sang ngoài trạm xăng, \$750 một tháng là một số tiền đáng kể. Nhưng rõ ràng ông Sessions muốn sử dụng tài năng của tôi và bắt làm việc bất kể giờ giấc mà không đền bù xứng đáng, trả lương tôi kém hơn kỹ sư người Mỹ trung bình. Phải chăng tại tôi là dân tỵ nạn chân ướt chân ráo tới xứ sở này? Lòng tự ái và tính bướng bỉnh chột bùng dậy, tôi cau mày đứng lên và cố lấy giọng lễ phép nhất,

“Cám ơn bác đã tiếp đãi và cho cháu cơ hội thăm viếng công ty. Nhưng hoàn cảnh gia đình hiện tại không cho phép cháu chấp nhận đề nghị của bác.”

Tôi đạp xe về nhà trong nắng chiều cuối hè vàng nhạt và cảm thấy bằng lòng với chính mình. Tuy tôi không kiếm được việc làm như mong mỏi, tài nghệ của tôi được công nhận; không còn nghi ngờ gì nữa. Hoa kỳ là xứ sở của cơ hội và sẽ có thiếu gì việc làm tốt đẹp hơn, và tôi không cần

*Đi đâu mà vội mà vàng,  
Mà vấp phải đá mà quàng phải dây.  
(Ca dao)*

Chín năm sau, một công ty có phạm vi hoạt động khắp vùng Bắc Mỹ mua lại Dale J. Sessions & Cộng sự với giá trên 15 triệu đô la. Bỏ lỡ thời cơ làm chủ một công ty đáng giá, tôi lạch ạch làm kỹ sư kế hoạch cho công ty tiện ích và tự an ủy số mình chỉ đi làm công ba cọc ba đồng *chắc như gạo bỏ hũ* mà thôi.

***Nguyễn Ngọc Hoa***  
*Ngày 15 tháng Tư, 2020*

# Mèo Lại Hoàn Mèo

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Hai tuần đầu tiên ở Bismarck đối với tôi là một thời gian dài. Tôi phải đương đầu với những đổi thay đột ngột, làm những việc chưa từng làm, học hỏi nhiều điều mới lạ trong cuộc sống mới, và bắt gặp vài cảm giác lạ chưa hề trải qua. Những ngày qua, mỗi khi bước qua cửa vào nhà, tôi thấy mình tự nhiên nghiêng đầu qua một bên và cúi thấp xuống. Ở lều vải nhà binh trong hơn ba tháng trôi giạt từ đảo Guam đến trại Trại Pendleton, mỗi lần vén tấm bạt cửa bước vào lều tôi đã nghiêng đầu như thế để khỏi chạm mặt vào chóp cửa lều. Tôi nói chuyện này với Quỳnh Châu, nàng cười ngả nghiêng,

“Ông *dông* của em thành vật thí nghiệm Pavlov lâu rồi mà bây giờ mới hay.”

“Pavlov là ai? Có phải là anh bò cũ nào đó của em ở Stanford không?” tôi giả vờ không biết để trêu nàng.

“Trong đời em chỉ có một ông bò, không cũ cũng chẳng mới là chồng đây,” nàng bấu môi gi tay vào ngực tôi và thách thức, “Anh mà không biết Pavlov là ai thì em sẽ chạy liền xuống bếp rót ly sữa ực một hơi cho anh coi.” Nàng ghét uống sữa tươi và xem đó là một cực hình, trong lúc tôi muốn nàng uống mỗi ngày một ly để “thăng Thịn đủ calcium lớn lên trong bụng mẹ.”

“Ngày trước, sách Vạn vật đệ tứ (lớp 9) của anh có dạy thí nghiệm Pavlov về phản xạ có điều kiện: Mỗi lần cho con chó ăn, Pavlov rung chuông để kích thích dịch vị tiết ra trong dạ dày của chó. Về sau, ông không cho chó ăn nhưng rung chuông và vẫn thấy dịch vị tiết ra.”

Ivan Petrovich Pavlov (1849 – 1936) là nhà sinh lý học người Nga nổi tiếng về công trình nghiên cứu điều kiện hóa cổ điển như thí nghiệm cho chó ăn và rung chuông. Năm 1904, ông đoạt giải Nobel về sinh lý học hay y khoa và là người Nga đầu tiên được giải thưởng này. Ở Tây phương, người ta dùng kết quả nghiên cứu của Pavlov trong tâm lý trị liệu, và ở các nước Cộng sản, chính quyền chuyên nhất áp dụng nó trong lãnh vực tuyên truyền, tẩy não, hay thẩm vấn nghi phạm và ép phải nhận tội. Quỳnh Châu giải thích trường hợp của tôi,

“Điều kiện hóa cổ điển là liên kết một tác dụng kích thích có sẵn tự nhiên (tiếng chuông) với một tác dụng vô điều kiện (mùi vị thức ăn) để tạo ra phản xạ có điều kiện (dịch vị tiết ra). Việc anh bước vào cửa được liên kết với sự kiện cửa lều thấp hơn đầu người và tạo ra phản xạ nghiêng đầu thấp xuống.”

“Thì ra cái thói tật *ba lạp* của anh cũng có tên khoa học *khoa hiếc* đàng hoàng,” tôi bật cười; “*ba lạp*” (do tiếng Pháp “*palabre*”) là tầm bậy tầm bạ, không có gì quan trọng.

“Chồng em còn mắc phải một phản xạ khác không đẹp để cho lắm. Ban đêm đang ngủ, khi nghe một tiếng động lớn, anh giật mình thức dậy, nhồm người nhảy ào ra khỏi giường như để tìm nơi trú ẩn, trong tình trạng nửa mê nửa tỉnh la lớn, ‘*Đê em* thăng Việt Cộng,’ và dớn dác nhìn quanh một hồi rồi nằm xuống giường ngủ lại,” nàng dùng chữ “*đê em*” (đ. m.) để chỉ tiếng chửi thề của tôi.

“Anh nhiễm cái thói kỳ cục đó từ sau Tết Mậu Thân (1968) hàng đêm Việt Cộng pháo kích bừa bãi vào các khu đông dân cư, phá sập nhà cửa, và gây nhiều thương vong. Trời kêu ai nấy dạ, nhiều gia đình buổi tối cha mẹ vợ chồng con cái còn sum vầy, sáng ra người chết banh

xác kẻ bị thương kêu la. Bọn Cộng ngưng pháo kích từ năm 1973 mà đến nay anh còn bị ám ảnh trong giấc ngủ, *khổ đời vậy đó!*” tôi ngưng nghỉ giải thích.

Ba thập niên sinh ra và lớn lên trong chiến tranh và bốn tháng sống bành bồng qua nửa vòng trái đất còn ghi hằn dấu vết trong tâm hồn tôi. Nhưng nay không phải lúc moi lại ký ức quá khứ mà phải tập trung tinh thần lo cho tương lai. Sau hai lần phỏng vấn, tôi chưa hy vọng kiếm được công việc mong muốn. Tôi còn có hẹn với hai hãng điện lực cùng đặt bản doanh ở Bismarck, nhưng có mục đích, cơ cấu tổ chức, và khách hàng phục vụ khác hẳn nhau.

Một hãng là Công ty Tiện ích Montana-Dakota (MDU) thành lập năm 1924 hơn nửa thế kỷ trước và do các nhà đầu tư làm chủ dưới hình thức cổ đông, tức là người có cổ phần. MDU cung cấp điện và hơi đốt cho khách hàng trong phạm vi thị xã của nhiều thành phố ở North Dakota và ba tiểu bang chung quanh. Hãng kia là Hợp tác xã Điện lực Basin (“Basin”; “basin” tiếng Anh nghĩa là lưu vực) là cơ quan bất vụ lợi chuyên sản xuất điện, tải đi, và bán sỉ cho các hợp tác xã điện nông thôn (rural electric cooperative, hay REC) ở North Dakota và tám tiểu bang khác. *Basin* mới thành hình năm 1961 trước đây mười mấy năm.

Mãi đến giữa thập niên 1930, trước khi Hoa kỳ phát triển chương trình điện hóa nông thôn, mười nhà ở thôn quê thì chín nhà không có điện, nông dân vắt sữa bò bằng tay dưới ánh sáng lù mù của đèn dầu hôi, và bà vợ nấu ăn bằng lò đốt củi và giặt áo quần bằng tấm ván giặt. Các công ty điện lực tư như MDU không cung cấp điện ra vùng quê xa tỉnh vì tốn kém nhiều và không có lợi. Năm 1937, các tiểu bang bắt đầu thành lập REC là những tổ chức do khách hàng dùng điện làm chủ, hoạt động trên nguyên tắc bất vụ lợi, và được chính phủ liên bang trợ giúp và cho vay tiền nhẹ lãi để xây dựng phương tiện phân phối điện. Ngày nay hầu hết mọi nhà ở thôn quê đều có điện. Khi biết tôi có hẹn với *Basin*, ông bảo trợ Gardner chỉ dẫn,

“Trụ sở *Basin* cách nhà anh có năm, sáu khu phố, nhưng anh coi chừng đi nhầm văn phòng. *Basin* xây trụ sở chưa xong và hiện thuê mấy tầng lầu cao nhất trong tòa nhà Bảo hiểm Providence, các tầng dưới là hãng bảo hiểm.”

Tôi được đưa lên lầu sáu và tới một văn phòng trước cửa gắn bảng tên “F. K. Durant.” Một người đàn ông trạc ba mươi lăm, ba mươi sáu tuổi đầu hói ngồi sau chiếc bàn giấy lớn. Ông nói tiếng Anh hơi lơ lớ chậm rãi và rõ ràng và chìa tay mời tôi ngồi ở chiếc ghế trước mặt,

“Tôi là Frank Durant, giám đốc sở Truyền Điện. Ông giám đốc sở Sản xuất, người nói chuyện với anh qua điện thoại trước đây, hôm nay cần có mặt tại công trường xây cất nhà máy phát điện nên không thể gặp anh.”

“Xin ông cho biết chức vụ công ty cần tuyển dụng trực thuộc sở nào, Truyền Điện hay Sản xuất?” tôi đánh bạo hỏi.

“Công ty đang phát triển mạnh nên sở nào cũng cần người. Sở Truyền Điện cần nhân viên cấp bách hơn nên tôi được chỉ định tiếp anh.”

Tôi thoáng thấy bằng kỹ sư của một đại học Pháp và bằng cao học (Master) của Học viện Kỹ thuật Massachusetts (MIT) mang tên Pháp của ông giám đốc – François Kalle Durant – treo trên tường trái của văn phòng; MIT là đại học kỹ thuật Hoa kỳ nổi tiếng nhất thế giới. Ông chỉ lên tấm bản đồ hệ thống điện vùng Trung Tây Hoa kỳ bên tường phải,



“*Basin* đang xây cất một đường dây điện rất cao thế từ trung tâm tiểu bang North Dakota đến đông nam tiểu bang South Dakota dài hơn 300 dặm Anh (chừng 500 km). Đường dây được thiết kế ở điện thế 500 kV (kilovolts, tức là 1,000 volt) nhưng ban đầu sẽ hoạt động ở 345 kV. Trong tương lai, khi nhu cầu tải điện lớn hơn, chúng tôi sẽ nâng cấp lên 500 kV mà không phải chi tiêu thêm phí tổn lớn.”

“Ở trường kỹ sư, tôi học tường tận phương pháp tính toán sức tải điện và thiết kế các đường dây cao thế,” tôi vội vàng nêu lên cho ông biết.

“Giai đoạn thiết kế và tính toán tất cả đã xong xuôi,” ông gạt ngang và tiếp tục trước khi tôi kịp nói thêm, “Công ty đã thuê một hãng cố vấn kỹ thuật đo đạc và vẽ trắc đồ cho suốt cả 300 dặm đường dây đi, đặt mua thép dùng làm trụ điện từ bên Ý, và giao việc xây cất cho nhà thầu đáng tin cậy và nổi tiếng nhất thế giới ở tỉnh Québec bên Gia Nã Đại. Phải cực kỳ thận trọng vì ở điện thế 500 kV một lỗi lầm nhỏ cũng có thể khiến đường dây cháy rụi. Chúng tôi cần tuyển một kỹ sư có ít nhất năm năm kinh nghiệm trong ngành điện lực để làm quản đốc dự án. Người này sẽ ra công trường, theo sát toán thợ nhà thầu từng bước để chắc chắn họ xây cất đúng thiết kế và tiêu chuẩn, và đồng thời giải quyết tại chỗ các vấn đề xảy đến bất ngờ.”

Ông Durant lảo liên nhìn tôi,

“*Ba Hoa*, tôi hiểu anh biết nhiều về kỹ thuật điện hơn các ứng viên khác. Nhưng đó chỉ là kiến thức suông học được từ trường học và sách vở. Với chức vụ chúng tôi đang cần, anh thiếu hẳn kiến thức làm (know-how), người Pháp chúng tôi gọi là ‘savoir-faire,’ tức là kinh nghiệm thu thập khi anh bắt tay vào việc, tập dượt mỗi ngày mỗi thành thạo hơn, và đạt tới mức hoàn hảo mong muốn.”

“Xin ông nói biết rõ hơn về ý định của ông,” tôi cố nén nỗi lo ngại.

“Với ý nghĩ như vậy, thay vì nhận anh làm kỹ sư, tôi đề nghị anh nhận chức vụ phụ tá kỹ thuật thấp hơn. Anh sẽ thi hành mọi nhiệm vụ cần thiết mà giám đốc và các kỹ sư giao phó, như thế tận dụng kiến thức rộng rãi của anh. Sau vài năm làm việc và chứng tỏ khả năng của mình, anh có quyền xin ứng tuyển lên bất cứ chức vụ nào trống trong công ty. Đây là cách *đặt chân vào cửa* của rất nhiều người cần việc làm lần đầu như anh.”

“Ông quên loại kiến thức thứ ba, quan trọng hơn hai loại kia. Đó là kiến thức sống người Pháp các ông gọi là ‘savoir-être’ gồm những đặc tính liên quan đến nhân cách, phong cách, cách làm việc, sự thích thú trong công việc, quan hệ với cộng sự chung quanh, v.v. Loại kiến thức này là ưu điểm của tôi mà ông chưa xét tới. Phải tổng hợp cả ba loại kiến thức mới tạo nên khả năng toàn diện của một nhân viên phục vụ xí nghiệp.”

Tôi nhớ lại bài học Quản trị Xí nghiệp ở trường kỹ sư và nhắc nhở để mong cứu vãn tình thế.

Ông Durant không bằng lòng,

“Tôi không bắt đồng ý kiến với anh, nhưng tôi đánh giá và tuyển người theo điều kiện riêng của tôi.”

“Nếu nói về quá trình học hành, tôi không thua kém gì ông, nếu không nói là trội hơn,” tôi chỉ tay lên các tấm bảng trên tường và mím môi, “Ông để cả buổi chiều nói chuyện với tôi mà không hỏi một câu về chuyện gì tôi có thể làm cho công ty. Tôi không hề có cơ hội chứng tỏ rằng với kiến thức kỹ thuật sâu rộng của một kỹ sư và óc quan sát sắc bén và trí phán đoán chính xác của một nhà khoa học, tôi có khả năng nhận diện bất cứ sơ suất nào trong dự án 500 kV để bảo đảm đường dây dựng nên hoàn hảo.”

“Đừng quên anh là người Việt, tôi là người Pháp. Anh là ứng viên xin việc, tôi là giám đốc thuê người. Không thể *so sánh táo với cam*,” ông đổi sang giọng châm biếm.

Tôi nổi sùng, *thằng Tây* này khinh người quá đáng. Ở xứ này không có nghề hay việc gì xấu hay đáng hổ thẹn, nhưng tôi không thể cho phép mình bị coi rẻ xem thường. Tôi đứng dậy nhún vai và nói bằng tiếng Pháp,

“Anh François, anh đã phạm thì giờ của anh và tôi. Anh có thành kiến với người Việt chúng tôi và đã quyết định số phận tôi từ trước; tôi hiểu người Pháp các anh lắm.”

Tôi để lại cảm giác bực bội ở văn phòng anh François và trên đường về nhằm giờ tan sở đáp lại lời chào hỏi thân thiện của những người đi làm ra. Về nhà, tôi hôn lên má Quỳnh Châu,

“Anh ‘rót’ rồi! Bị *Basin* chê là dân An nam tóc đen da vàng.”

“Chồng ơi, đừng thất vọng mà hãy nhớ chuyện ‘*Tái ông thất mã, an tri họa phúc*’ (Ông lão ở biên giới mất ngựa, biết đâu là họa hay phúc),” nàng an ủi tôi.

“Như trong chuyện ngụ ngôn ‘*Mèo lại hoàn mèo*,’ anh thất nghiệp lại hoàn thất nghiệp và có ‘được’ hay ‘mất’ gì đâu mà em lo,” tôi kể lại chuyện xin việc hồi chiều và kết luận, “Anh không muốn làm việc dưới quyền một anh *Phú Lang Sa* thứ thiệt.”

“Đúng ra đó là một thiệt thòi lớn của *Basin*. Anh là người duy nhất mà em biết có thể thấy được những điều người khác không thấy. Đôi khi có những việc sờ sờ trước mắt mà không ai để ý, đến khi anh chỉ ra thì ờ lên, ‘Dễ quá, sao mình không nhận ra?’”

Quỳnh Châu hiểu rõ tính gàn bướng của chồng nên không nói ra nửa lời trách móc. Nhưng tôi biết mình đã bỏ qua một cơ hội có công ăn việc làm. Tự hứa với lòng lần sau sẽ cư xử ra . . . người tỵ nạn.

**Nguyễn Ngọc Hoa**

Ngày 6 tháng Năm, 2020

# Bông Hoa Lài

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Hôm nay tôi và Quỳnh Châu mới có dịp đi quanh thám hiểm thành phố. Chiều Chủ Nhật, đường phố vắng tanh. Chúng tôi đạp xe dưới vòm cây trên đường dốc thoải, đi qua bảy, tám khu phố, và đến *capitol* của North Dakota là khu nhà chính quyền trung ương tiểu bang làm việc với tòa nhà chính là ngôi tháp hình hộp 21 tầng. Nằm giữa thảo nguyên, ngôi tháp là “nhà chọc trời” cao nhất North Dakota, đứng trên sân thượng có thể thấy cảnh vật xa đến hàng chục dặm Anh. Bãi cỏ xanh mướt trước *capitol* rộng mênh mông với lối đi hai bên nằm dưới bóng cây.

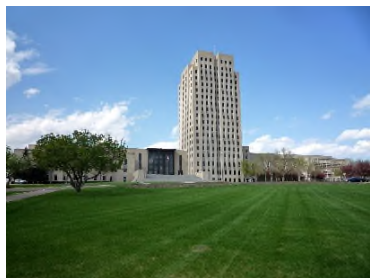
Trên bãi cỏ, trẻ em đá banh và thả diều, thiếu niên lớn hơn thì ném *frisbee* (đĩa nhựa để ném bắt chơi) với nhau hay dạy chó nhảy bắt đĩa bằng mõm, và các cặp nam nữ nằm kề nhau chuyện trò thân mật. Bầu trời xanh không vẫn một đám mây, nắng chiều cuối hè vàng nhạt pha vào màu áo quần xanh đỏ, và tiếng cười đùa lẫn trong tiếng gió thềm thì. Cảnh thanh bình khiến tôi xúc động, tôi siết chặt tay Quỳnh Châu,

“Mai mốt anh sẽ dẫn ‘thằng Thìn’ mình lên đây thả diều và chạy chơi như mấy đứa nhỏ kia.”

“Dạ, nếu là ‘bé Long’ anh cũng dạy con thả diều *nghen*,” nàng thốn thức trên vai tôi; “bé Long” là tên nàng gọi con đầu lòng tương lai của chúng tôi thay cho “thằng Thìn” nếu là con gái.

Chúng tôi vừa về đến nhà thì một chiếc xe hơi màu đỏ chói chạy vào đậu trong *driveway* (lối xe đi từ ngoài đường vào sát nhà hay cửa *ga-ra*), và một cặp vợ chồng người Việt bước ra, hai đồng hương đầu tiên tôi gặp từ ngày đến đây. Ông chồng trạc tứ tuần dáng béo tốt cục mịch nói giọng Nam rồn rảng, “Ê đạp xe đi chơi *dzui* quá *hén*.” Bà vợ có khuôn mặt đầy đặn phúc hậu, dáng cao và sang, và trông trẻ hơn chồng yêu kiều bước lại nắm tay Quỳnh Châu,

“Mấy bữa rày chị tính tới thăm em mà *lu bu* gì đâu, chiều nay chở tụi nhỏ đi xi-nê về mới tới được.”



Quỳnh Châu gặp cặp vợ chồng này ở Đại học Cộng đồng Bismarck (BJC) hôm nàng đưa Bình đi ghi tên nhập học, họ đưa cậu con đầu lòng đi xin học. Nếu bà vợ duyên dáng và lịch sự bao nhiêu thì ông chồng kênh kiệu và trịch thượng bấy nhiêu. Không đợi mời, ông vào nhà thản nhiên ngồi phịch vào chiếc ghế *xa-lông* lớn giữa phòng khách, ngả ngửa lên lưng ghế, và tréo mảy đưa chân lên cao,

“Tao là *Mai Tren*. Tụi tao có mặt ở đây từ đầu tháng Bảy, nhưng tao không thích giao du với dân Việt nam ưa lộn xộn. *Bả* năn nỉ lắm tao mới tới đây.”

“*Ảnh* tên là Trần Văn Mỹ, hay Mỹ Trần mà *ảnh* thích đọc theo tiếng Anh không bỏ dấu. Đây là anh *Ba Hoa*, chồng cô Quỳnh Châu đó anh,” bà vợ hình như đã quen với hành động kỳ cục của chồng.

Quỳnh Châu xin phép xuống nhà bếp làm cơm chiều, bà vợ đi theo nàng. Tôi hỏi cho có chuyện, “Cậu con ‘ông’ năm nay mấy tuổi, học gì trên BJC?” nhập nhằng dùng đại danh từ “ông” có thể dùng gọi bậc trưởng thượng, hay nói với kẻ ngang hàng mà không muốn “mày tao.” Được nước, ông mừng rỡ nhồm đậy,

“Thằng con tao 18 tuổi, nó học bác sĩ chứ không như con em mày học y tá quèn đâu.” Bình học ngành điều dưỡng ở BJC.

“BJC là đại học cộng đồng, có phải là trường y khoa dạy bác sĩ đâu ‘ông’ ơi,” tôi nói móc.

“Con tao học tiền y khoa (pre-medical), sau này ra bác sĩ sai con em mày chạy có cờ cho coi,” ông khoái chí cười khà khà.

Ở đại học Mỹ, tiền y khoa là chương trình dự bị cho sinh viên vào học trường y khoa, không phải là một ngành chuyên khoa. Sinh viên thường theo chương trình cử nhân sinh học và lấy các môn học cần thiết để thi MCAT (Medical College Admission Test) trường y khoa đòi hỏi khi họ nộp đơn xin học. Các cuộc tuyển chọn rất gắt gao, và tỉ lệ nhận vào trường rất thấp. Dù biết con đường đi tới lời thề Hippocrates của cậu sinh viên chân ướt chân ráo bước vào ngưỡng cửa đại học dài đằng đẵng và lắm chông gai, tôi cố gắng nhẫn nại,

“Bên nhà cậu ‘chuẩn bác sĩ’ học trường nào?”

“Nó học trường Tây – Jean Jacques Rousseau, vừa đậu *Bắc đơ*, và sửa soạn đi Tây học bác sĩ thì *bỏ chạy*,” ông nhăn nhó than thở như . . . thật; “*Bắc đơ*” (tiếng Pháp “Bac II”) là “*Baccalauréat*,” tức là bằng Tú tài toàn phần, và trường Jean Jacques Rousseau trên đường Hồng Thập Tự được chuyển giao cho bộ Quốc gia Giáo dục Việt nam Cộng hòa và trở thành Trung tâm Giáo dục Lê Quý Đôn từ năm 1967, tám năm nay.

“Sao lạ vậy, ‘ông’ có lộn không? Tú tài Pháp luôn luôn tổ chức khoảng giữa tháng Sáu, lúc gia đình ‘ông’ xếp hàng ăn cơm nhà bàn *lưu lo* trong trại tỵ nạn, làm sao thi với cử?” tôi cười khì.

“À quên, nó học *terminale* (lớp 12 chương trình Pháp). Nó đậu Bac I (Tú tài I) năm ngoái,” ông gượng vớt vát.

Tôi thấy không cần nể nang cái ông *cha căng chú kiết* này,

“‘Ông’ phét lác vừa vừa thôi chứ, *Tây nó cười cho thú mĩ*. Tụi Tây bỏ hẳn vụ thi Tú tài I từ năm 1965, hồi thằng con ‘ông’ học chưa hết lớp ba, mẹ còn chưa cho phép ở trường tám mùa.”

“Mày là *kỹ sư trường đua* biết mẹ gì? Cả hai vợ chồng mày thất nghiệp dài người phải ăn bám bọn nhà thờ Tin lành; không như tao đây, tới nơi hôm trước, hôm sau đi làm liền. Tao làm giám đốc kế toán, tụi Mỹ phục lẫn tôn làm sư tổ,” ông sừng sộ chỉ mặt tôi.

“*Kỹ sư trường đua*” là lối nói khinh miệt chỉ kỹ sư tốt nghiệp ở Việt nam như tôi vì trường kỹ sư nằm đối góc với trường đua ngựa Phú Thọ, trường đua đóng cửa từ thời Đệ nhất Cộng hòa.

Không nói không rằng, tôi đứng dậy bước vào phòng đóng cửa nằm đến khi Quỳnh Châu gọi ra ăn cơm chiều.

Tối hôm đó, chúng tôi tiếp hai người khách khác: bà Jane trong họ đạo nhà thờ Ba ngôi Lutheran dạy BJC, và Brian trưởng ban của bà và là đồng môn cũ của Quỳnh Châu ở Đại học Stanford. Sau khi uống nửa tách trà, Brian mở lời,

“Cô Pearl, chúng tôi đã đến nước đường cùng, mong cô giúp cho.” “Pearl” (nghĩa là ngọc quý, tức là “Châu”) là tên bạn đồng học gọi Quỳnh Châu ở Stanford.

“Nếu làm được, tôi sẽ cố gắng hết sức,” nàng sốt sắng.

“BJC có chương trình dạy lớp đêm để tạo cơ hội cho người lớn ban ngày đi làm mà muốn đi học, hay cung ứng cho sinh viên trẻ vì lý do nào đó không thể đến lớp ban ngày. Tuần rồi, anh tâm lý gia làm việc cho bệnh viện Saint Paul phụ trách hai lớp Tâm lý học bất ngờ đổi việc dọn đi tiểu bang khác, chúng tôi bối rối vì không có giáo sư thay thế. Tôi biết cô thừa khả năng giảng dạy hai lớp nhập môn này,” Brian khẩn khoản nhìn nàng.

“Ở Sài Gòn, tôi dạy lớp tương tự nên chắc không cần sửa soạn lâu. Nhưng để tôi nói chuyện riêng với chồng,” nàng ra hiệu cho tôi ra sau nhà bếp.

Tôi hãnh diện ôm lấy nàng,

“Cô vợ dễ thương tài quá là tài! Sao em không nhận lời cho rồi mà hỏi anh làm *chi*?”

“*Dzậy* mới kêu là khôn vặt, em biết chồng thế nào cũng bằng lòng nên mới bày đặt hỏi ý kiến cho chồng *dzui* lòng *chớ*!”

Nàng chu mỏ nói đùa rồi nắm tay tôi kéo ra ngoài và gọi khách bằng tên nhạt thời đi học,

“‘Brian Nông gia,’ tôi nhận lời. Anh hay chị Jane có sẵn sách và tài liệu giáo khoa cho tôi dùng chứ?”

“Dĩ nhiên. Xin nói ngay là chúng tôi mời cô dạy với tư cách giáo sư thỉnh giảng và trả thù lao theo số giờ dạy. Mỗi tuần cô dạy hai đêm, mỗi đêm ba tiếng đồng hồ. Thù lao lãnh vào cuối lục cá nguyệt không phải là số tiền đáng kể,” Brian lấy ra bản hợp đồng đã soạn sẵn.

Vài tuần sau, Quỳnh Châu nói chuyện với tôi về con ông *Mai Tren*,

“Cậu ta tên Trần Văn Quý, nhưng ‘ông già’ không thích tên Việt nên gán cho cái tên Mỹ *Quiet* (yên tĩnh). Nó học lớp đêm của em; không biết vì ghi tên trễ lớp ban ngày hết chỗ, hay cố tình xin chuyển qua để mong lấy điểm cao.”

“Em thấy nó học hành thế nào?”

“So với đám sinh viên già đầu trong lớp rời xa sách vở đã lâu thì *Quiet* khá nhanh trí và chăm chỉ. Thằng nhỏ tương đối thông minh, nhưng có lẽ khó thành công.”

“Sao vậy?”

“Ở Sài Gòn *Quiet* học chưa xong lớp 11 trường Nguyễn Bá Tòng trên đường Bùi Chu mà sang đây bị ông già *chơi ngon* đẩy đi ‘học bác sĩ.’ Vừa thiếu căn bản vừa kém Anh ngữ mà lại noi gương cha lúc nào cũng tự cho mình giỏi hơn sinh viên Mỹ, tinh thần hiếu học và tìm tòi vì vậy suy giảm nhiều.”

Ông bà có hai cậu con khác. Đứa út tên Đức, ông đổi ra *Duke* (quận công). Đứa giữa tên Phúc, cái tên mà hầu hết người Mỹ trước khi đọc đều buột miệng than, “Oh, my God (Ồi Trời ơi)!” vì



nghe rằng “Phuc” phát âm giống như một tiếng tục tĩu; cậu biến thành *Fudge* (kẹo mềm hay chuyện vớ vẩn tầm phào). Trong niên giám điện thoại, ông *Mai Tren* là người Nhật: *Miyamoto Tran*.

Ngày Sài Gòn, khi còn quân đội Hoa Kỳ, ông thầu giặt ủi quần áo lính Mỹ ở căn cứ Long Bình, và nhờ đó cô em họ phụ việc cho ông quen và lấy anh trung sĩ người Mỹ quê ở North Dakota. Năm 1973, vợ chồng cô em họ về Mỹ mở tiệm *dry cleaning* (giặt khô, dân Sài Gòn quen gọi là tiệm “hấp tẩy nỉ xệ”) làm ăn. Họ bảo trợ gia đình ông ra khỏi trại tỵ nạn và cho ông làm chân nhận áo quần dơ cần giặt ủi của khách hàng. Việc làm do chương trình huấn nghệ CETA (người Việt đọc là “xê-ta”), tức là Đạo luật Bao quát về Nhân dụng và Huấn nghệ năm 1973 của chính phủ liên bang, tài trợ. CETA cung cấp việc làm trong thời gian từ 12 đến 24 tháng cho người lợi tức kém hay thất nghiệp lâu ngày, do đó ông phát phờ làm việc cho em rể mà lãnh lương của . . . Tổng thống Ford.

Quỳnh Châu trở nên thân thiết với bà vợ – chị Mỹ. Như chị đối với em, chị chỉ bảo nàng từng li từng tí từ cách nấu ăn, đến nuôi con, may vá, và ngay cả hớt tóc cho tôi ở nhà. Năm đầu chị được CETA cho đi học nghề uốn tóc; trong tuần nghỉ một ngày, chị lại nhà tôi chơi và cùng Quỳnh Châu nấu đồ ăn trưa cho tôi và ông đi làm về ăn. Lúc này, ông cư xử khá hòa hoãn với tôi, nhưng vẫn phách lối hỗn xược và thích chửi mắng những người Việt khác. Hầu như ai cũng đòi đánh ông vỡ mặt đôi ba lần.

Sau một năm, tiệm *dry cleaning* cho ông nghỉ việc vì CETA ngưng trả tiền cho ông học nghề nhận quần áo. Ông chuyển qua làm cho xưởng dây chuyền lắp ráp của hãng ráp máy cày, làm *ca* đêm và do thói khoác lác ta đây hơn người, bị đùn cho công tác cầm cái búa nặng. Mỗi chiều trước khi đi làm, ông dùng một dải *gạc* (do tiếng Pháp “gaze” là vải thưa khử trùng dùng băng bó) dài, bó chặt cánh tay phải để khỏi bị sưng phồng lên sau tám tiếng đồng hồ vận dụng quá sức.

Mùa đông bốn năm sau, *Quiet* tốt nghiệp cử nhân sinh học và gửi đơn xin học đi khắp nơi, nhưng chỉ được Trường Y khoa Đại học California, Irvine ở nam California duy nhất mời tới phỏng vấn. Sau khi chuyến bay của hãng Hàng không Northwest chở *Quiet* rời Bismarck, phi trường chuyển tiếp là Denver bất thần đóng cửa vì bão tuyết, và *Quiet* kẹt ở phi trường. Ông lo lắng gọi điện thoại viễn liên tới quầy vé Northwest ở Denver và nhờ nhân viên gọi tìm (bằng loa ở chỗ đông),

“Gọi tìm Bác sĩ *Quiet* Tran, xin đến quầy vé Northwest để tiếp xúc với người nhà.”

Ông gọi suốt ngày mà không nói chuyện được với con, phi trường đông đầy mà “bác sĩ” tiếng Anh tiếng U yếu nghe không ra. *Quiet* được phỏng vấn, nhưng trường y khoa không nhận, đành bỏ mộng làm bác sĩ sang giàu cha cậu ước ao bấy nhiêu năm. Kiếm không ra việc làm, *Quiet* để thêm hai năm học cao học và sau khi tốt nghiệp vất vả lắm mới bắt được một chân cán sự phòng thí nghiệm trong nhà máy chế hóa nước của thành phố.

Ông *Mai Tren* và chị Mỹ rời khỏi Bismarck lúc nào không hay. Năm 1985, tôi tình cờ gặp chị trong một siêu thị Á đông ở nam California, chị cho biết hai người đã chia tay đường ai nấy đi. Tôi không dám nói với chị đã có lần tôi ví chị là *bột lọc cho ngẫu vọc* trong cuộc hôn nhân,

*Con vợ khôn lấy thằng chồng dại,  
Như bông hoa lài cắm bãi cứt trâu.*

(Ca dao)

Mừng cho “bột lọc” thoát khỏi tay “ngẫu”! Làm sao chị làm *bông hoa lài* trong bấy nhiêu năm dài? Đàn bà Việt nam mình nhẫn nhục *để sợ*.

***Nguyễn Ngọc Hoa***

*Ngày 20 tháng Năm, 2020*

# Điện Vụ Toàn Hảo

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Mấy tuần qua, mỗi khi nói chuyện với người mới quen, tôi đều bị hỏi xin số điện thoại và cứ phải ngượng nghịu trả lời, “Tôi chưa có điện thoại,” khiến người hỏi đâm ra ách náy và xin lỗi. Tối Chủ Nhật, sau khi Quỳnh Châu nhận lời dạy lớp đêm trường Đại học Cộng đồng Bismarck (BJC), anh Brian giáo sư BJC và bạn đồng môn cũ của nàng lấy trong cặp ra cái phong bì,

“Cô Pearl, để tỏ lòng biết ơn, nhóm giáo sư BJC quyên góp số tiền đặt cọc cần dùng để Northwestern Bell đến gắn điện thoại vào nhà cho cô. Khi vào lớp dạy, cô làm ơn cho sinh viên biết số điện thoại và giờ giấc có thể gọi khi họ cần hỏi bài vở.”

Hôm sau, tôi và Quỳnh Châu đi bộ xuống phố tới trụ sở công ty Điện thoại Northwestern Bell cách nhà chừng mười khu phố. Công ty là một trong hơn bốn chục công ty khai thác địa phương của Hệ thống Điện thoại Bell. Hệ thống độc quyền cung cấp dịch vụ điện thoại ở Bắc Mỹ gần 100 năm nay và thường bị dân chúng gọi nhạo là *Má Bell*. *Má Bell* còn có hệ thống Viễn tuyến AT&T điều hành dây đi xa nối các hệ thống địa phương và cung cấp dịch vụ gọi viễn liên, công ty Western Electric chế tạo dụng cụ viễn thông, và phòng thí nghiệm Bell Labs nghiên cứu và phát triển kỹ thuật.

Công ty Bell địa phương cho khách hàng thuê điện thoại chứ không bán. Hóa đơn hàng tháng gồm tiền thuê điện thoại, dịch vụ gọi địa phương (trong một vùng giới hạn, nơi tôi ở có đường kính khoảng 60 dặm Anh), và dịch vụ gọi viễn liên của AT&T. Giá biểu mỗi phút gọi viễn liên tùy thuộc nơi gọi tới (trong hay ngoài tiểu bang, và nếu ngoài tiểu bang thì xa hay gần), giờ gọi (giờ làm việc, buổi tối, hay ban đêm), và ngày gọi (ngày thường, thứ Bảy, Chủ Nhật, hay ngày lễ). Northwestern Bell bắt phải đóng tiền cọc trước khi mắc điện thoại để phòng trường hợp khách hàng bỏ đi mà không trả tiền.

Phòng trưng bày có đủ thứ đủ kiểu điện thoại, nhưng đối với tôi sự lựa chọn khá dễ dàng: điện thoại quay phải trả tiền ít nhất. Với chiếc máy này, muốn quay một con số, số 7 chẳng hạn, phải thò ngón tay trở vào lỗ tròn trên vị trí ghi số 7, quay theo chiều kim đồng hồ nghe rò rò gần trọn vòng đến khi ngón tay chạm vào cây cản bằng kim loại, và lấy ngón tay ra đợi mặt quay trở về vị trí ban đầu rồi mới quay con số tiếp. Khi quay đủ các con số, điện thoại sẽ tự động gọi điện thoại bên kia.



Bà nhân viên tiếp khách hàng trực tứ tuần nhỏ nhẹ khuyến dụ chúng tôi dùng điện thoại bấm nút vừa nhanh vừa tiện có tên thương mại là điện thoại “Touch-Tone” mới ra đời vài năm gần đây. Tôi thích quá gần xiêu lòng thì Quỳnh Châu nhẹ nhàng lắc đầu, nhắc tôi tiền thuê hàng tháng hơn gấp đôi điện thoại quay. Tiếp theo, bà nhân viên hỏi,

“Ông bà thích điện thoại màu nào? Không phải trả tiền màu.”

Tôi chọn màu trắng, nhưng trong lòng thấy kỳ kỳ. Tôi quen nghĩ màu là một phần của sản phẩm, công ty Bell lại xem nó là sản phẩm phụ bán riêng, dù không tính tiền trong trường hợp này. Câu hỏi kế tiếp càng làm tôi thấy có một điều gì bất ổn,

“Ông bà có muốn ‘unlisted’ nghĩa là không in tên và địa chỉ trong niên giám điện thoại không? Nếu muốn, mỗi tháng phải trả thêm một đô la năm mươi xu (\$1.50).”

Thật không sao hiểu nổi. Công ty tính tiền để không in tên tôi, tức là không cung cấp dịch vụ. Quỳnh Châu kéo tôi sang một bên giải thích,

“Chồng nhớ nền kinh tế thị trường của Hoa Kỳ dùng giá cả để điều hòa số lượng sản xuất (cung) và tiêu thụ (cầu). Sự chênh lệch giữa cung và cầu sẽ khiến giá cả thay đổi, và nhờ đó cung và cầu trở lại cân bằng. Các công ty tư tự do ấn định giá sản phẩm hay dịch vụ căn cứ trên khả năng và sự sẵn lòng trả tiền của khách hàng. Đối với ‘màu’ hay ‘unlisted’ chẳng hạn, họ định giá dựa vào sự kiện anh có đủ tiền hay không và sẵn lòng mua với giá đó hay không, chứ giá thành để làm ra sản phẩm không quan trọng.”

Bài học kinh tế nhập môn này, tôi đã biết từ năm đầu học đại học khi đọc *ké cua* Kinh tế của mấy thằng bạn học Luật ở trong Đại học xá Minh Mạng, nhưng bây giờ mới vỡ lẽ. Trong lúc hai vợ chồng bàn tính xì xỏ, một ông khoảng ba mươi lăm, ba mươi sáu tuổi mặc bộ *com-lê* màu đậm, thắt cà-vạt chỉnh tề bước lại bắt tay tôi làm quen,

“Tôi là Cliff Nesser. Nghe anh chị nói tiếng Việt làm tôi nhớ lại những ngày tuyệt vời ở Việt nam. Hồi đó tôi làm cố vấn cho cảnh sát ở Đà Lạt.” “Cliff” là tên tắt của Clifford.

“Chắc ông nói tiếng Việt giỏi lắm?” tôi đoán chừng.

“*Chút chút thôi. Đủ để không bị mấy thằng lính ba gai gạt!*” ông trả lời bằng tiếng Việt khá sõi khiến chúng tôi đảo tròn mắt ngạc nhiên.

“*Bên Việt nam ông có vợ nhỏ không?*” Quỳnh Châu buột miệng hỏi đùa bằng tiếng Việt.

“Đừng, đừng nói bậy. *Vợ tôi bà biết bà cắt cu tôi đó,*” mấy tiếng đầu là tiếng Anh, nhưng phần sau là giọng Nam kỳ chính hiệu con nai.

Cuộc giao dịch hoàn tất, bà nhân viên cho hẹn để thợ đến nhà tôi gắn điện thoại. Ông Cliff mời chúng tôi sang quán ở góc đường bên kia uống cà-phê. Quỳnh Châu nhắc lại câu hỏi đùa, ông cười nửa miệng,

“Ở cái thành phố đại học dân chúng có học thức như Đà Lạt, khó lòng mà làm chuyện lẳng nhăng đó. Tôi đọc tờ *Bismarck Tribune* (Bismarck Diễn đàn) thấy nói anh chị là giáo sư đại học, chắc biết Kỹ sư Đình trông coi Lò Nguyên tử Đà Lạt? Ông ấy chơi rất thân với tôi.”

Hồi xưa ở ngoài Huế, ông Đình học trường Khải Định (Quốc Học) và nổi tiếng học giỏi. Ông được học bổng của Quốc trưởng Bảo Đại đi Hoa Kỳ du học ngành kỹ sư điện, tốt nghiệp cao học, và hồi hương làm việc cho Nguyên tử lực cuộc và được bổ nhiệm cầm đầu Trung tâm Nguyên tử

Đà Lạt, hay “ Lò Nguyên tử Đà Lạt.” Lò có công suất 250 kW (kilowatt, hay một ngàn watt) và dùng nhiên liệu là một loại Uranium-235 khó dùng để chế tạo vũ khí với mục đích nghiên cứu canh nông và sản xuất đồng vị phóng xạ dùng trong y khoa và kỹ nghệ. Lò hoạt động từ tháng Hai năm 1963 và đến năm 1968, sau biến cố Mậu Thân, thì ngưng.

Tôi gặp mặt ông Đình lần đầu cuối hè năm đệ tam niên trường kỹ sư, khi lớp chúng tôi đi du khảo nhà máy thủy điện Đa Nhim ở Đơn Dương phía đông nam Đà Lạt, và chương trình gồm thêm tiết mục viếng thăm Trung tâm Nguyên tử. Ông nói năng nhỏ nhẹ và tận tình chỉ dạy cách điều hành lò nguyên tử, lúc đó không hoạt động. Bài thuyết trình của ông hấp dẫn hơn bài giảng *Nút-le* ở trường. “Nút-le” do tiếng Pháp “nucléaire” là nguyên tử là tên chúng tôi gọi đùa môn Kỹ thuật Nguyên tử mới học lục cá nguyệt vừa qua – “nút” vào rồi lại “le” ra vì trúc trắc khó nhớ.

Vài năm sau, thỉnh thoảng tôi gặp ông Đình khi lên Đà Lạt dạy lớp Điện tử học cho phân khoa Khoa học của viện Đại học Đà Lạt; tôi dạy thay cho vị giáo sư bảo trợ luận án tiến sĩ kỹ sư. Ngoài trách nhiệm trông coi Trung tâm Nguyên tử của chính phủ, ông Đình giảng dạy và giữ chức vụ then chốt của phân khoa Chánh trị Kinh doanh và của viện đại học. Tôi xem ông là kỹ sư đàn anh và kính trọng như bậc thầy.

Khi tôi bản khoản về số phận của Lò Nguyên tử sau khi Đà Lạt thất thủ đầu tháng Tư năm nay (1975), ông Cliff cười trấn an,

“Người Mỹ chúng tôi không thể để cho kẻ thù chiếm đoạt số nhiên liệu nguyên tử đó.”

“Thật vậy sao, làm sao lấy đi?” tôi ngăn người.

“Hoa kỳ viện trợ lò nguyên tử, nhưng cho thuê dài hạn các thanh nhiên liệu uranium; nhiên liệu này dùng kỹ thuật tân tiến nhất mà Nga xô cũng chưa biết. Hợp đồng thuê chấm dứt ngày 31 tháng Mười Hai năm 1974, khi chính phủ Việt nam Cộng hòa (‘VNCH’) thông báo không còn đủ khả năng trả tiền thuê. Nhiên liệu quý giá ấy thuộc về Hoa kỳ,” ông cười nhẹ rồi từ tốn thuật lại chuyển công tác cuối cùng của ông tại thành phố hoa viên.

Ngày 24 tháng Ba, bộ trưởng bộ Ngoại giao Hoa kỳ gửi công điện mật đến tòa đại sứ tại Sài Gòn ra lệnh bằng bất cứ giá nào cũng không để các thanh nhiên liệu lọt vào tay Cộng sản. Nếu không thu hồi được thì phải rót bê-tông chôn vĩnh viễn để không ai có thể lấy ra dùng, hay cùng lắm thì đặt chất nổ phá hủy. Hai chuyên gia nhiên liệu nguyên tử thuộc phòng Thí nghiệm Quốc gia Idaho ở Idaho Falls thuộc tiểu bang Idaho được gửi tới Sài Gòn bằng máy bay thương mại. Toán chuyên viên đặc biệt của Không quân Hoa kỳ cũng được cấp tốc phái sang trợ giúp. Ông Cliff chỉ huy nhân viên tại Việt nam, huy động mọi phương tiện có thể kiếm được, và điều hành cuộc hành quân phối hợp để thực hiện sứ mạng.

Mười giờ 45 phút sáng 30 tháng Ba, máy bay vận tải của hãng Air America chở đoàn đặc nhiệm đáp xuống phi trường Cam Ly, một phi trường nhỏ nằm sát thành phố Đà Lạt mà lúc đó đã tràn ngập dân chúng tìm đường chạy loạn. Air America là hãng máy bay dân sự chuyên chở hành khách và hàng hóa do CIA (sở Trung ương Tình báo Hoa kỳ) ngầm làm chủ và điều hành. Phi công ngừng phi cơ ở cuối phi đạo cho đoàn đặc nhiệm dỡ dụng cụ xuống và hẹn trở lại đón vào một giờ chiều ngày hôm sau.



Các kỹ thuật gia nhận ra trong thời gian ngắn ngủi này họ không thể thực hiện giải pháp an toàn nhất (tránh phóng xạ) là trộn bê-tông, nâng lên miệng lò cách sàn nhà hơn sáu thước, và rót vào bể lò đường kính khoảng hai thước để chôn chặt các thanh nhiên liệu đời đời. Do đó, chỉ có cách tháo gỡ. Trước tiên, họ dựng tường chắn để ngăn phóng xạ, và để giảm thiểu thời gian bị đưa ra nơi có phóng xạ, chia thành từng nhóm bốn người làm việc luân phiên. Ở mỗi phiên, một người làm thì ba người kia nấp che mình sau tường chắn. Để lấy lên nhiên liệu nằm ở đáy bể lò sâu gần bảy thước, họ không dám phí thì giờ dùng cánh tay rô-bô và cần trục vương vít mà liều mạng dùng tay thả móc câu xuống, móc vào các thanh nhiên liệu, và kéo lên từng thanh một.

Tin tình báo cho biết Cộng quân chỉ cách Đà Lạt mười cây số, đại đội địa phương quân VNCH bảo vệ vòng đai bên ngoài đã bỏ trốn, và ông Cliff cùng với viên thiếu tá Không quân chuyên viên chất nổ tính toán lượng TNT cần dùng. Nếu Việt Cộng tấn công vào, ông sẽ ra lệnh phá hủy lò và mở đường máu bảo vệ đoàn đặc nhiệm chạy tới nhà an toàn của CIA chỉ một mình ông biết địa điểm. Tình huống quyết liệt ấy không xảy ra vì các kỹ thuật gia hoàn thành nhiệm vụ lúc hai giờ sáng ngày 31. Ông Cliff cười hãnh diện,

“Các thanh nhiên liệu được đưa về Hoa kỳ cùng ngày hôm đó. Hai ngày sau, bọn *Vi Xi* (VC) mới vào Đà Lạt.”

“Đáng phục thật! Chuyện gay cấn hơn phim gián điệp,” tôi xuýt xoa.

“Thật ra, sứ mạng không thành công hoàn toàn: Đoàn đặc nhiệm còn phải lấy về một cái bình chứa 80 gram plutonium. Nhưng chú tâm vào việc tháo gỡ nhiên liệu, mấy ông kỹ thuật gia lấy nhầm và hí hửng mang lên máy bay bình chứa polonium là chất phóng xạ không thể dùng chế tạo vũ khí như plutonium.”

“Sao nhầm lẫn lạ lùng vậy?” Quỳnh Châu chưa tin.

Ông Cliff cười tủm tỉm,

“Vì không dễ gì mà tìm ra cái bình chứa chất plutonium kia. Tám mươi gram plutonium là một lượng nhỏ bé, cần đến một trăm lần như thế mới chế tạo được quả bom nguyên tử thô sơ nhất, nhưng nếu lọt vào tay quân khủng bố thì rất phiền phức. Phóng xạ plutonium thoát ra ngoài không khí sẽ đe dọa sức khỏe của dân chúng toàn thành phố. Vì vậy, sau ngày Việt Cộng tấn công vào Đà Lạt và Trung tâm Nguyên tử vào dịp Tết Mậu Thân, ông Đình yêu cầu tôi cất giữ giùm ở một nơi kín đáo. Ở Đà Lạt có nơi nào kín đáo hơn nhà an toàn của chúng tôi?”

“Rốt cuộc ông có lấy đem đi được không?” tôi nôn nóng hỏi.

“Gần một tháng sau chuyến công tác, tôi di tản khỏi Sài Gòn bằng trực thăng ra Đệ thất Hạm đội Hoa kỳ và vô ý đánh rơi cái bình bằng thép xuống đáy Nam hải (biển Đông). Độ sâu sáu ngàn thước!” ông trả lời ỡm ờ.

Thì ra vai trò cố vấn cảnh sát Đà Lạt của ông Cliff chỉ là bức bình phong. Nhiệm vụ chính là bảo vệ Lò Nguyên tử, một điệp vụ ông thi hành toàn hảo đến ngày cuối cùng của cuộc chiến.

**Nguyễn Ngọc Hoa**

*Ngày 3 tháng Sáu, 2020*

# Người Thiếu Phụ Luân Lạc

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Sau gần ba tuần ở Bismarck, tôi là kẻ cuối cùng trong gia đình còn vô công rồi nghề, suốt ngày thần thờ đi ra rồi lại đi vào như con kiến trong bài đồng dao,

*Con kiến mà leo cành đa,  
Leo phải cành cộc, leo ra leo vào;  
Con kiến mà leo cành đào,  
Leo phải cành cộc, leo vào leo ra.*

Tôi thấp thỏm ngóng trông Công ty Tiện ích Montana-Dakota (MDU) gọi phỏng vấn. Lúc mới đến, tôi được anh bạn Charlie mới quen mời dự buổi họp hàng tháng của chi hội Bismarck của IEEE (Hội Kỹ sư Điện và Điện tử thế giới) và gặp ông Wally Kresber (Wally là tên tắt của Wallace) phó tổng giám đốc công ty. Ông là sếp lớn của Charlie và đã phỏng vấn tôi qua điện thoại lúc tôi ở trong trại Trại Pendleton. Ông là chi hội trưởng chủ tọa buổi họp, xấp xỉ năm mươi, người cao lớn mạnh mẽ, và ăn nói bật thiệp. Hôm ấy, diễn giả thuyết trình đề tài kỹ thuật trong chương trình bận việc vào giờ chót không đến được, Charlie đề nghị tôi lên “nói vài lời” về nền giáo dục và kỹ thuật tại Việt nam.

Tôi trình bày sơ lược quá trình học hành và nhiệm vụ của mình rồi từ đó khai triển thành bài nói chuyện không sửa soạn trước. Trong phần hỏi đáp, cử tọa thích thú tìm hiểu luận án tiến sĩ kỹ sư của tôi, một dự án nghiên cứu phương pháp truyền sóng *ti-vi* của đài Truyền hình Việt nam từ Sài gòn lên Đơn Dương, một thị trấn nằm dưới thung lũng sâu và ở phía đông nam Đà Lạt. Họ rất ngạc nhiên khi biết tôi là đồng tác giả hai bài khảo cứu khoa học đăng trong tạp chí kỹ thuật xuất bản định kỳ của hội gọi là *IEEE Transactions*, điều mà chưa kỹ sư Bismarck nào làm được. (Ba mươi bảy năm sau, khi tôi về hưu sau thời gian làm việc cho MDU, tôi vẫn là nhân viên duy nhất trong lịch sử 90 năm của công ty đã viết khảo cứu đăng trong tạp chí có uy tín khắp thế giới này.) Trước khi ra về, ông Wally bắt tay tôi,

“Tôi rất mong muốn có được anh trong ban tham mưu kỹ thuật của công ty. Chúng tôi hiện có vấn đề nội bộ chưa giải quyết xong và sẽ mời anh viếng thăm trong thời gian gần nhất.”

Nhân buổi chiều đi bộ xuống phố ngang qua trụ sở trung ương của MDU cách nhà tôi ba khu phố, tôi thấy “vấn đề nội bộ” ông Wally nói hai tuần trước. Trên vỉa hè rộng, chừng một chục người đàn ông và đàn bà chậm rãi và im lặng xếp hàng một đi thành vòng từ đầu này của trụ sở sang đầu khác. Họ mang trước ngực hay cầm đưa lên cao tấm bích chương ghi “Chi bộ IBEW số Xyz Đình công”; IBEW là Nghiệp đoàn Công nhân Ngành Điện Quốc tế. Lúc đó nhằm giờ tan sở, tôi thấy Charlie bước ra cười nói vui vẻ với bạn đồng nghiệp. Tôi hỏi Charlie,

“Sao người ta đình công mà anh làm việc như thường?”

“Chỉ công nhân tổ chức thành nghiệp đoàn mới bãi công. Các kỹ sư và nhân viên không có quyền điều đình tập thể và được xếp vào bậc chỉ huy lãnh lương tháng hay năm như tôi vẫn làm việc mà không *cross the picket line* (băng qua hàng rào người biểu tình), tức là vi phạm lệnh bãi công. Ở Việt nam không có bãi công hay sao?” Charlie trả lời.

“Tôi chỉ lấy làm lạ khi thấy ở đây người ta đình công ôn hòa và có trật tự. Nếu chỉ có nghiệp đoàn đình công, tại sao ông Wally chần chừ chưa chịu phỏng vấn nhận tôi làm?” tôi thắc mắc.

“Anh *Ba Hoa* ơi, trong lúc công nhân cấp dưới bãi công, nhân viên bậc chỉ huy phải đứng ra gánh thêm công việc để dịch vụ cho khách hàng không bị ảnh hưởng. Ai nấy đều bận rộn *lên quá đầu*, lấy đâu ra thì giờ để chỉ đường đi nước bước cho anh trước khi anh quen việc bắt tay làm dự án?”

\* \* \*

Hôm nay chiều thứ Bảy một công việc vặt bất ngờ đến với tôi. Ông hàng xóm Francis Carson thuê thẳng Trọng em út hàng tuần cắt cỏ sân trước và sân sau và dọn dẹp rác rưởi và cành lá quanh nhà, nhưng thẳng bé ham chơi bỏ đi đá banh với bạn. Không muốn em mình bị mang tiếng thiếu trách nhiệm, tôi mặc bộ áo quần tơi tả nhất và mang giày *ba-ta* sang làm giùm nó. Ông hơi ngạc nhiên, nhưng không nói gì, và đi theo tôi chỉ dẫn cách sử dụng máy cắt cỏ và một số dụng cụ khác tôi chưa dùng bao giờ. Nhờ đó, tôi và ông trò chuyện với nhau cả buổi chiều. Ông năm nay 55 tuổi, có chân trong ban trị sự nhà thờ Ba ngôi Lutheran, và đang làm giám đốc cửa hàng bách hóa J. C. Penney, công ty bán lẻ lớn ngang hàng với Sears.

Khi cắt máy cắt cỏ và dụng cụ làm vườn vào trong cái *ga-ra* ba ngăn lớn bằng căn nhà ở, tôi thấy chiếc xe Volkswagen Beetle do Đức chế tạo đậu trong ngăn trái cùng. Đó là loại xe bình dân thông dụng khắp thế giới, Sài gòn cũng có dăm ba chiếc. “Beetle” tiếng Anh là con bọ cánh cứng, nhưng tôi *xem mặt mà bắt hình dong* gọi là xe con cóc vì hình thù nó giống *cậu ông Trời* hơn. Tôi biết ngôi biệt thự lớn chỉ có hai vợ chồng ông Francis ở nên hơi ngạc nhiên,

“Chiếc Beetle của ai mà cháu thấy còn mới tinh khôi?”

“Vợ chồng tôi đặt mua định tặng cho con gái nhân ngày nó tốt nghiệp trung học, nhưng nó không còn ở nhà,” ông buồn dàu dàu.

“Cô ấy ở đâu, sao bác không tìm về?”

“Không biết nó ở đâu, và dù có tìm thấy nó cũng không về. Nhà tôi buồn phiền mà sinh ra đau yếu mấy năm nay là vì vậy,” được dịp tâm sự, ông thuật lại chuyện cô con gái cưng bỏ nhà ra đi.

Patricia, gọi tắt là Patty, là con một được cha mẹ nuông chiều rất mực và muốn gì được nấy. Cô là học sinh trung bình, ở trường ít có bạn, và ở nhà không mấy khi mở lòng nói chuyện với cha mẹ. Ngày vừa tròn 18 tuổi, trước khi tốt nghiệp trung học, cô ra ngân hàng rút sạch tiền trong quỹ để dành cho cô đi học đại học rồi biến mất, để lại bức thư buộc tội cha mẹ “không xứng đáng được hưởng gia sản kếch xù hiện tại.” Thuê người dò tìm, ông bà mới biết Patty gia nhập nhóm khủng bố bí mật gọi là Quân Giải phóng Cộng sinh (SLA); nhóm này tự nhận mình là du kích quân thành thị có sứ mạng san bằng giai cấp, lật đổ chế độ tư bản Hoa Kỳ, và thay thế bằng xã hội chủ nghĩa theo kiểu Marx-Lenin. SLA ăn cướp nhà băng, giết người, và phạm nhiều tội bạo hành khác. Ông Francis chỉ chiếc xe,

“Patty chưa bao giờ thấy chiếc Beetle, nó sẽ nằm đó đợi con gái tôi trở về. Bao lâu cũng đợi, miễn là chúng tôi còn sống đến ngày đó.”

“Bác thương con và bền lòng tin yêu – thật đáng phục,” tôi cảm động thực tình.

“Chúng tôi tin tưởng Chúa an bài mọi việc, mỗi việc người sắp xếp đều có lý do, và người luôn luôn sáng suốt. À, có một việc tôi muốn hỏi anh, bà phụ tá giám đốc của tôi có cô con dâu người Việt, anh có phiền lòng nếu tôi cho bà ấy số điện thoại của anh không?” ông đổi sang đề tài khác.

“Dạ không sao, cháu đang mong gặp người đồng hương đây,” tôi nức lòng đồng ý.

Tối hôm đó, tôi vừa ăn cơm xong thì chuông điện thoại reo. Nhắc ống nghe chưa kịp nói “Hello” tôi đã nghe tiếng đàn bà nói giọng Huế oang oang ở bên kia,

“Anh *Ba Hoa* đó hả? Em tên là Manh, nghe tin có người Việt mình tới em mừng hùm kêu anh liền đây.”

“Cô sang lâu chưa?” tôi cũng mừng.

“Dạ em qua đây bốn năm rồi mà chưa gặp người Việt *mô* hết. *Chừ* anh chị rảnh cho em tới thăm *hi?*” cô hỏi giục giã.

“Giờ thì tiện. Cô có ngòi viết đó không, lấy giấy ghi địa chỉ của tụi tôi *nghen.*”

“Anh nói địa chỉ với *bà gia* em đây, bà sẽ chở em tới.” “*Bà gia*” là bà nhạc, tức là mẹ chồng hay mẹ vợ.

Manh trạc hai mươi ba, hai mươi bốn tuổi, người đầy đà, mặt tròn và thô, và tóc cắt ngắn. Vừa bước vào cửa, nàng há hốc mồm chỉ tay vào mặt tôi,

“*Tưởng* ai xa lạ *chớ té ra* là anh *Ba Hoa* hồi *nớ* hay tới chơi với chị Bé em.”

“Bé nào, sao tôi không nhớ đã gặp cô bao giờ?” tôi sửng sốt.

“Dạ ‘Bé’ là tên ở nhà của chị Ngọc Thanh, chị là con út của ông bà tướng Hữu mà đôi lần anh và bác sĩ Long tới nhà ăn cơm. Anh không biết em vì em là *người ở*, em đứng sau bếp lâu lâu kiểm chuyện chạy lên *ngó chừng* (dòm lén) khách để sau đó *chọc quê* chị Bé,” Manh cười to.

Hồi đó, Ngọc Thanh là cô trình dượt viên tuổi Canh Dần (1950) trẻ đẹp giỏi tiếng Pháp, ăn nói duyên dáng, và quen khắng khít với chú Long em họ của mẹ, nhưng chuyện hai người không thành. Tôi giới thiệu nàng với thằng Hiệu bạn học cùng lớp kỹ sư, nhưng rồi cũng không thành, và nàng lập gia đình với một kiến trúc sư theo đuổi nàng đã lâu. Tôi thắc mắc,

“Sao tôi không thấy cô trong đám cưới Ngọc Thanh?”

“Khi đó em không còn ở cho ông bà tướng mà ra ngoài Vũng Tàu bán *ba* (bar) cho lính Mỹ. Không biết trời xui đất khiến làm *răng* mà em gặp thằng Gary, *hấn ve* (tán) em bằng tiếng Mỹ em không hiểu nửa chữ. *Hấn* nhờ người thông dịch hỏi lấy em, em ừ chịu *ưng*, và năm 1971 theo *hấn* về đây.”

Manh ngồi bệt dưới thảm phòng khách trước chiếc ghế *xa-lông*; nàng khoe sự hiểu biết về người Mỹ,

“*Lúc nớ* em có mang thằng con đầu. *Bà gia* em là *mạ* thằng Gary thương em *vô số* anh ơi. Bà hết hồn khi thấy em ngồi *chò hỏ*, vì Mỹ không biết ngồi như *rúa*. Ngồi thử bị *bổ* (té) ngửa chổng cẳng, bà cười bể bụng luôn.” “*Chò hỏ*” hay chồm hồm là cách ngồi mông không sát đất, hai chân co lại trước ngực.

“*Vậy hả?*” tôi chưa hề biết điều đó.

“*Khi* em vô nhà thương đẻ thằng nhỏ mới thấy lạ *cách chi*. Vừa đẻ con xong là mấy con y tá lôi dậy đi tắm và bắt đi lui đi tới ngoài hành lang. Không như ở làng quê em, *liền bà nằm*

*chỗ* phải nằm *xếp ve* một chỗ cả tháng trời, mỗi ngày hai bận *nằm lửa*, tức là hong người bằng bếp than để dưới *giường cũ* có vạc tre cho cứng cáp. Mỹ làm *chi* cũng khác người mình.”

“Anh Gary làm gì? Anh chị còn cháu nào nữa không?” Quỳnh Châu hỏi thăm.

Mặt Mạnh trầm xuống, nụ cười trên môi biến mất,

“Lúc mới về Mỹ *hấn mần* (làm) thợ máy trong xưởng sửa xe của ông chú. Khi em có mang con nhỏ thứ hai, *hấn* bỗng trở chứng. Tối ngày than chán đời, khóc lóc đau khổ vì đã trải qua chiến tranh ác nghiệt. *Hấn* rượu chè say be bét không thèm đi *mần* và bỏ luống con cái nhà cửa. Em tức mình *chưởi* cho một mách, *hấn lên cồ lộng mộc* (sùng sộ hung hăng) *đập* (đánh) em. Em *đập* không lại ôm hai đứa con chạy tới nhà bà già cầu cứu, *hấn* rượt theo rồi bị bà già kêu cảnh sát tống cổ vô tù.”

“Ông già chồng chị đâu mà không thấy nói?” Quỳnh Châu ngắt lời.

“Bà già *để* (ly dị) lâu rồi, ông đi *mô* em không biết. Bà nói tại ông già mà thằng Gary *chừ* mới nửa khùng nửa điên như *rúa*. Hồi *hấn* đi học, ban ngày ông đi *mần*, tối về nốc rượu say mèm, và không ngó ngàng *chi* tới thằng con một. Học xong trung học, *hấn* bắt mần với cha, không thèm đi học tiếp, và tình nguyện đi lính rồi qua Việt nam.”

Mạnh thở dài và tiếp tục nói về người chồng bất thường,

“Ở tù ra, *hấn* bỏ nhà ra đi sống *cù bơ cù bất* làm người không cửa không nhà *mô* đó dưới miền Nam. Dù *chi* đi nữa, *hấn* là chồng và người thân độc nhất của em trên đời *ni*. Cầu Trời cho *hấn* hết *bịnh* và hồi tâm trở về đây. Em chờ *hấn* cho tới khi chết em mới hết chờ.”

“Chị không còn bà con thân thích nào khác hay sao?” Quỳnh Châu ái ngại.

“Hồi em ở cho nhà chị Bé, *ba mạ* em ở làng quê ngoài Huế. *Chừ* không biết *ba mạ* ở *mô* hay sống chết ra *răng*.”

“Nếu có địa chỉ cũ của ba má chị và tìm cách hỏi tìm, thế nào cũng dò ra tin tức chị ơi,” Quỳnh Châu khuyên Mạnh.

“Anh chị đừng cười, em không biết đọc hay biết viết nên có biết *thơ* từ hay địa chỉ *chi mô*. Em lấy thằng Gary mà hai năm sau em mới biết tên họ *hấn*. Đi *mô* em cũng phải kêu bà già chở vì không thi được bằng lái xe,” *người thiếu phụ luân lạc* cười ngượng ngập, nụ cười an phận của nàng khiến tôi xót xa.

Người Việt mình hay nói *Trời chẳng phụ ai*. Tôi tin nếu người ở nhà một lòng thương yêu, sẵn lòng tha thứ, và kiên trì chờ đợi, kẻ ra đi rồi đây sẽ trở về với người thân. Nhất định như thế.

**Nguyễn Ngọc Hoa**

Ngày 17 tháng Sáu, 2020

# Không Đu Dây Tử Thần

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Ngày còn nhỏ ở Huế tôi nghe người lớn nói sáng ra ngõ gặp đám ma thì hên mà gặp đám cưới thì xui. Sáng nay, đứng trong nhà bếp trông ra bãi đậu xe của nhà thờ Ba ngôi Lutheran, tôi “gặp” cả đám ma lẫn đám cưới lần lượt đi vào nhà thờ làm lễ và lẫn thẩn tự hỏi hôm nay mình sẽ hên hay xui. Buổi chiều, tôi gặp cả hai. Hên là nhận được thư cha gửi từ trại tỵ nạn Đồn Chaffee ở tiểu bang Arkansas cho biết mẹ vẫn khỏe và cha không hợp thủy thổ nên bị ho đêm. Tin mẹ khỏe là cả một niềm vui lớn. Xui cũng là thư cha,

*Cha mẹ mừng khi biết các con định cư yên ổn và có công ăn việc làm. Nhưng mẹ các con rất buồn là các con ăn ở sung sướng mà quên công ơn sanh thành dưỡng dục, không tiến hành việc bảo trợ cha mẹ ra, và nhất là để cha mẹ thiếu thốn và nhục nhã với người chung quanh. Nếu biết các con như vậy, cha mẹ đã không tính đi North Dakota lạnh lẽo để gần gũi và săn sóc các con, mà xuống Texas ở với thằng Triết an dưỡng tuổi già.*

Cha nặng lời trách móc dù thừa biết nhà thờ Ba ngôi chỉ tiến hành thủ tục bảo trợ cha mẹ sau khi tôi có việc làm, hiện tại chỉ một mình thằng Sang có việc, và nó mới làm tiếp viên trạm xăng có hai tuần lễ. Triết là em kế thằng Sang, sang Hoa kỳ du học năm 1972, mới học năm thứ ba mà phải bỏ học đi làm thợ tiện để sinh sống, thuê *apartment* (căn phòng ở *bin-đinh*) ở chung với bạn, và không đủ khả năng (và trong thâm tâm không muốn) đưa cha mẹ ra sống chung. Do đó, cực chẳng đã cha mới chịu lên North Dakota với chúng tôi, lũ con “bất hiếu bất mục” (lời của cha) ngày Sài gòn không ở lại theo ý cha mà từ biệt ra đi trước.

Tôi thu nhặt các món tiền nhỏ trong nhà, kể cả tiền ăn trưa ở trường của Bình và tiền túi của Lâm và Trọng, được tất cả 55 đô la (\$55) rồi đạp xe ra trạm xăng Jimmy’s Mobil (Jimmy là tên người chủ) đưa thư cho thằng Sang xem. Nó cau mày,

“Anh để mặc kệ ‘ông già’ đi. Mấy tháng mình ở trong trại tỵ nạn không có tiền chết thằng Tây nào đâu?”

“Mình có bạn bè không giúp chuyện này cũng đỡ dần chuyện khác. ‘Ông già’ suốt đời chỉ biết bài bạc, về hưu hết quyền hành chẳng ma nào thềm ngó ngang tới, và ngoài ‘bà già’ ra ông là người *đơn thân độc mã*. Giờ anh cần 50 đồng, mày rán xoay xở giùm anh,” tôi nài nỉ.

“*Tui* còn không tới mười đồng để ăn trưa,” nó lắc đầu.

“Mày hỏi ông chủ mượn trước tiền lương, cuối tuần lãnh lương trả lại.”

“Anh vô gặp ông Jimmy nói giùm *tui* đi.”

Tôi gặp ông Jimmy, và bà vợ ông cũng ngồi ở đó; họ là người trong họ đạo nhà thờ Ba ngôi. Bà có dáng người to lớn quá khổ, khuôn mặt nghiêm trang, nhưng giọng nói dịu dàng và khả ái; thằng Sang nói bà thương nó như con và thỉnh thoảng ghé trạm xăng để “chắc chắn ai nấy đều đối xử đàng hoàng” với nó. Khi tôi nói vấn đề việc mình cần, bà hỏi,

“Hai anh em định gửi cho ông bà cụ bao nhiêu tiền?”

“Tụi cháu định gửi chừng 100 đô la,” tôi ngượng ngùng nói.

“Tôi có ý kiến như thế này, xin hai cháu cho vợ chồng tôi tặng ông bà cụ món tiền ấy,” bà đề nghị.

“Tụi cháu không dám làm phiền hai bác,” tôi lắc đầu.

“Hay là chúng tôi cho hai cháu mượn đỡ khoản tiền ấy, khi nào sẵn tiền trả lại cũng được,” ông Jimmy xen vào.

“Dạ không tiện đâu. Xin bác ứng trước cho thằng Sang 50 đô la, cháu chỉ cần từng đó,” ý tôi đã quyết.

Theo đúng phép tắc mẹ dạy từ hồi nhỏ, tôi viết một bức thư dài “*xin cha mẹ nhận cho chúng con món tiền nhỏ này để tạm chi dùng trong những ngày dài chờ đợi trong trại. Chúng con rất biết ơn.*” Tôi ra ty Bưu điện cách nhà hai khu phố mua bưu phiếu \$100 gửi cho cha, lệ phí mua bưu phiếu và tiền tem gửi thư mất không tới \$2, và còn \$3 tôi trả lại cho Bình.

\* \* \*

Tôi về rồi, bà vợ ông Jimmy gọi điện thoại cho ông Nielsen mục sư trưởng và ông Gardner chủ tịch ban trị sự của nhà thờ Ba ngôi than phiền nhà thờ không làm tròn bổn phận bảo trợ và để cho chúng tôi bị thiếu thốn. Do đó, tôi không ngạc nhiên khi thấy ông Gardner tới thăm với vẻ mặt nghiêm trọng,

“Anh chị và các em có cần gì không? Xin cứ cho biết, tôi sẽ cố gắng hết mình.”

“Dạ tụi cháu không cần gì cả,” tôi thản nhiên đáp.

“Anh cần tiền để chi dùng lật vật không?” ông hỏi tới.

“Hôm qua thì cần một ít, nhưng nay đã giải quyết xong rồi. Anh em cháu đã trải qua hoàn cảnh khó khăn hơn nhiều. Hiện tại mọi thứ đều ổn thỏa, bác đừng lo,” tôi thấy hãnh diện với chính mình.

“Tôi biết có một nguồn tài chánh là *welfare* của chính phủ. Tôi có thể đưa anh đi xin,” ông thở dài; *welfare* là tiền trợ cấp dành cho “gia đình Mỹ có con phải nuôi.”

“Cám ơn bác, nhưng cháu chưa thấy đến lúc mình cần xin *welfare*.”

Cuối tuần đó đài truyền hình loan tin Công ty Tiện ích Montana-Dakota (“MDU”) và nghiệp đoàn công nhân ngành điện đã đi tới thỏa hiệp tạm thời về lương bổng, quyền lợi nhân viên, và tình trạng làm việc. Đầu tuần tới, hội viên nghiệp đoàn sẽ bỏ phiếu chấp thuận kế ước ba năm đã đề nghị, và cuộc đình công đầu tiên trong lịch sử 50 năm của công ty sẽ kết thúc. Chiều thứ Ba, thư ký của ông phó tổng giám đốc Wally gọi điện thoại mời tôi chiều thứ Năm đến gặp ông.

Trụ sở trung ương của MDU cách nhà tôi ba khu phố. Văn phòng ông Wally ở lầu năm, ông ngồi sau chiếc bàn giấy lớn và ngăn nắp, trước mặt có chiếc bàn tròn với ba chiếc ghế làm chỗ tiếp khách. Ông Wally giới thiệu người đàn ông trung niên mặc *com-lê* cà-vạt chỉnh tề đang ngồi đợi,

“Đây là Jack, giám đốc Trung tâm Điều hợp Điện năng (“TTĐHĐN”).”

“Rất hân hạnh,” tôi cúi đầu bắt tay ông Jack.

“Tôi bận đi họp, Jack sẽ đưa anh đi thăm cơ sở công ty. Khoảng hai tiếng đồng hồ, anh trở lại đây rồi mình nói chuyện,” nói xong ông vội vã bước ra khỏi văn phòng.

Ông Jack đưa tôi tới TTĐHĐN ở lầu bốn và với giọng nói sang sảng rõ ràng, trình bày cặn kẽ hệ thống điện của MDU. Ông chỉ lên bảng mạch điện chiếm nguyên cả bức tường rộng và cao gần chằng chịt ký hiệu các nhà máy phát điện, trạm biến thế, và đường dây truyền điện cao thế và trung thế,

“Biểu đồ này chỉ gồm điện thế từ 66 kV (kilovolt, hay 1,000 volt) đến cao nhất là 345 kV. Không có điện thế thấp hơn vì đó là hệ thống phân phối thuộc trách nhiệm của mười ty địa phương. Các ty chuyên lo việc trực tiếp cung cấp điện cho khách hàng ở North Dakota và ba tiểu bang chung quanh. Trung tâm chúng tôi phối hợp việc sản xuất điện tại nhà máy và tải điện đến trạm biến thế để phân phối.”

Ông Jack chỉ vào các nút tròn màu xanh hay đỏ mang mũi tên và có thể lấy ra dùi chõ,

“Đó là vị trí các thiết bị đóng/mở điện. Nút màu xanh ghi ‘đóng’ hay ‘mở’ là tình trạng hoạt động bình thường của mạch điện. Nút màu đỏ ghi ‘mở,’ tức là không có điện đi qua, là nơi thợ đang bảo trì hay sửa chữa đường dây.”

Tôi liên tưởng đến câu chuyện nghe kể ngày học trường kỹ sư về một kỹ sư điện khóa đàn anh rủ ro ra lệnh đóng điện trong khi thợ đường dây còn làm việc khiến toán thợ bị thiệt mạng. Ghi sâu tai nạn này trong lòng, khi dạy Thực tập Máy Điện tôi đặt vấn đề an toàn lên hàng đầu và thấy có bốn phạm phải khiến trách nặng nề các sinh viên không tuân thủ điều lệ an toàn để họ ghi nhớ. Tôi hỏi ông Jack,

“Ở địa điểm đang sửa chữa, ai sẽ ra lệnh đóng điện trở lại?”

“Để bảo đảm sự an toàn của toán thợ, chỉ nhân viên chỉ huy công tác đã ra lệnh mở điện mới có quyền ra lệnh đóng,” ông chỉ lên một chiếc nút đỏ trên tường, “Tại đây anh thấy ghi tên họ viết tắt của tôi là ‘JEC,’ Jack E. Casper. Chỉ có tôi mới có quyền ra lệnh đóng.”

Lúc chúng tôi trở lại văn phòng ông Wally, ông đã ngồi đợi sẵn. Tôi chờ đợi cuộc phỏng vấn chính thức tiếp theo, nhưng ông cầm tờ giấy tóm tắt đề nghị đã được sửa soạn trước và nói ngay,

“Chúng tôi nhận anh làm kỹ sư tham mưu. Sáu tháng đầu tiên là thời gian tập sự, anh sẽ đi qua một số nha sở khác nhau để làm quen với các hoạt động kỹ thuật của công ty. Sau đó, anh được phép lựa chọn trong số những chức vụ còn khuyết. Lương khởi đầu là 950 đô la một tháng và sẽ điều chỉnh theo khả năng và nhiệm vụ mới. MDU cố gắng hiến quyền lợi nhân viên đầy đủ để nhân viên sống và làm việc thoải mái. Thí dụ, công ty trả tiền bảo hiểm sức khỏe cho anh và gia đình, và sau một năm, cho anh mỗi năm nghỉ phép hai tuần, sau năm năm ba tuần, và sau 15 năm bốn tuần.”

Tôi tính nhầm trong đầu, lương tháng Sang một đồng 75 xu (\$1.75) một giờ, hay vào khoảng \$300 một tháng, thì không tới một phần ba con số ông Wally đề nghị. Tưởng tôi còn lưỡng lự, ông mỉm cười trấn an,

“Chúng mình còn thêm sáu tháng để xét lại lương bổng. Ngoài ra, nếu anh còn đi phỏng vấn chỗ khác, xin cứ việc. Nếu người ta đề nghị lương cao hơn, anh gọi cho tôi biết và tôi sẽ trả ngang với họ.”

“Dạ không phải thế. Cháu mong nhận việc sớm nhất,” tôi nghĩ tới cha mẹ và lính quỳnh trả lời.



“Hôm nay là thứ Năm, thứ Hai đầu tuần tới anh bắt đầu. Anh thấy sao?”

Đúng một tháng sau khi đặt chân đến Bismarck và năm năm từ ngày tốt nghiệp kỹ sư điện và bị Công ty Điện lực Việt nam . . . chê không nhận, tôi lại trở thành nhân viên điện lực. Đúng là cái số làm “ông Tây nhà đèn”!

\* \* \*

Sau sáu tháng tập sự, tôi chọn phục vụ nha Điều hành Hệ thống Điện, nha bao gồm cả TTĐHĐN, và làm việc cạnh ông Jack gần 20 năm đến lúc ông về hưu. Sau vài năm trong chức vụ kỹ sư kế hoạch, tôi được ông Wally tin cậy, tham khảo ý kiến khi có dự án mới do các vị giám đốc thuộc quyền ông đề nghị, và giao phó nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển những dự án do ông đề ra. Các phó tổng giám đốc kế nhiệm cũng theo gót ông sử dụng khả năng kỹ thuật của tôi theo cách tương tự.

Mười năm sau, mùa hè 1986, tôi trợ lực TTĐHĐN và phụ trách một dự án ngắn hạn trông coi sửa chữa một đường dây rất cao thế 345 kV. Đường dây là đường huyết mạch dẫn điện từ nhà máy đến trung tâm tiêu thụ điện ở North Dakota. Hôm ấy là ngày nóng nhất trong năm, máy điều hòa không khí chạy *xả giàn*, và mức tiêu thụ điện vọt lên cao. Nếu đường dây không hoạt động, MDU phải mua điện của các công ty bạn với giá cắt cổ 120 ngàn đô la một giờ để đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Một ngày đường dây *mở* tổn chừng một triệu đô la.

Để tiết kiệm tiền cho công ty, toán thợ đường dây tình nguyện làm “nóng,” nghĩa là họ sẽ sửa chữa trong lúc đường dây vẫn tải điện. Đường dây có ba *pha* (phase) tức là ba dây dẫn điện, nếu người thợ chỉ treo mình lơ lửng trên một *pha* thì điện thế người ấy là 345 kV, giống như con chim đậu trên một dây dẫn điện không hề hấn gì. Tuy nhiên, anh ta phải cực kỳ cẩn thận, không thể sơ suất một mảy may. Đụng phải hai dây dẫn điện kia, chạm nhầm dây đất (có điện thế zero), hay va vào dụng cụ hay máy móc kim loại tiếp xúc với mặt đất sẽ biến anh và bạn đồng đội thành vật dẫn điện và có thể cháy thành than.

Tôi không thể để toán thợ chịu rủi ro nguy hiểm tận mạng như thế nên nhất định cúp điện để họ làm cho an toàn. Ông Wally và ông Jack cùng với anh giám đốc nha Điều hành Hệ thống Điện là *sếp* trực tiếp của tôi đứng quan sát trong TTĐHĐN và lo lắng nếu tình trạng này kéo dài ngân sách điều hành và bảo trì sẽ bị thiếu hụt. Ba người, người nào cũng có thể *override*, tức là phủ quyết hay gạt bỏ, quyết định của tôi, nhưng không ai nhúng tay vào.

Công việc hoàn tất trong dưới sáu tiếng đồng hồ. Trên máy liên lạc vô tuyến, ông đốc công già cười hề hà với tôi, “Tụi tôi về phố . . . ông phải đi uống bia với tụi tôi . . . Tôi bao.” Ông biết tôi đã không cho phép toán thợ giỡn mặt với tử thần trên dây điện rất cao thế.

**Nguyễn Ngọc Hoa**

Ngày 24 tháng Sáu, 2020

# “Mọi Thứ Tôi Có Được Đều Đã Mất”

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Rời khỏi trụ sở Công ty Tiện ích Montana-Dakota (MDU), tôi ba chân bốn cẳng chạy về nhà tìm Quỳnh Châu,

“Chồng em có việc làm rồi! Ba ‘thằng Thìn’ hết thất nghiệp rồi!”

“Mừng chồng yêu, mừng cho gia đình mình!” nàng rơm rớm nước mắt rồi dường như chợt nhớ ra điều gì, nàng đứng lui nửa bước nghiêng đầu nhìn vào mặt tôi, “Ông kỹ sư *đẹp trai* của em cần có áo quần mới để đi làm. Chồng không nên ăn mặc lù xì quá, mấy cô thư ký tóc vàng mắt xanh trong sở cười cho *mất mặt anh hùng*.”

“Ai cười nấy hờ mưì cái răng, anh đi làm chớ có phải đi dự đại hội thời trang đâu mà lo. Mình nghèo mình mặc đồ cũ, ăn cắp ăn trộm gì của ai mà sợ,” tôi gạt ngang.

“Anh gọi điện thoại cho ông Gardner liền đi, báo tin cho ông mừng,” nàng cười chúm chím một cách bí mật.

Ông bảo trợ Gardner chúc mừng tôi và nói,

“Tôi đã nói chuyện với Francis hàng xóm của anh và nhờ anh ấy dàn xếp đưa anh đi mua sắm áo quần mới.” Thì ra Quỳnh Châu đã bàn tính chuyện này với ông Gardner; nàng chu đáo không thua gì mẹ.

“Nhưng cháu không có tiền và không muốn nhờ vả về tiền bạc trong lúc này. Cháu tính đợi lãnh lương rồi mới sắm sửa,” tôi giãy nảy không chịu.

“Francis làm giám đốc cửa hàng bách hóa J. C. Penny rất lớn dưới phố. Anh ấy sẽ có cách giúp anh, anh tin tôi đi.”

Chiều thứ Sáu, sau giờ ăn trưa ông Francis sang đón tôi. Vào cửa hàng J. C. Penney, gặp nhân viên nào ông cũng hãnh diện giới thiệu tôi là người Việt tỵ nạn được nhà thờ Ba ngôi Lutheran bảo trợ và sắp làm kỹ sư cho MDU. Ông đưa tôi đến phòng Tín dụng để tôi điền đơn xin thẻ tín dụng, ông chấp thuận ngay tại chỗ và giải thích,

“Thẻ này cho phép anh mua hàng hóa và dịch vụ ở bất cứ cửa hàng J. C. Penny nào mà không phải trả tiền ngay. Hôm nay, chúng ta dùng thẻ để anh mua sắm.”

“Vậy là cháu có thể mua hàng mắc chịu. Nhưng làm sao trả tiền, lỡ cháu không đủ tiền trả thì sao?” tôi nhớ mình nợ tiền vay ngân hàng lúc các em mới đi học, và không biết bao giờ mới lãnh lương.

“Tháng này anh chưa phải lo. Bắt đầu từ tháng sau, công ty gửi hóa đơn về nhà cho anh. Anh không phải trả hết một lần, nhưng tùy theo khả năng cần trả càng nhiều càng tốt vì số tiền nợ lại sẽ tính lời với lãi suất rất cao.”

Tôi hiểu ra và nhận xét,

“Thẻ tín dụng tiện lợi thực, nhưng nếu không cẩn thận mà mua sắm bừa bãi thì mang nợ cả đời.”

“Anh nói đúng, công ty cấp thẻ tín dụng để khuyến dụ anh mua hàng càng nhiều càng tốt chứ không phải vì tốt bụng với anh. Ở xứ này không có gì miễn phí, và không ai cho không ai cái gì cả. Anh nhớ điều đó,” ông Francis nói với nét mặt nghiêm trang.

“Cháu học về kinh tế và hiểu rằng trong nền kinh tế thị trường của Hoa Kỳ, khi ai nấy đều tối đa hóa lợi nhuận của mình thì toàn thể xã hội sẽ đạt tới mức tối ưu. J. C. Penny là cơ sở thương mại dĩ nhiên cần kiếm lợi tối đa. Vấn đề là làm sao cháu dùng thẻ theo cách lợi nhất cho mình.”

Cầm chiếc thẻ tín dụng tạm thời (thẻ chính thức bằng plastic in nổi số thẻ và tên họ sẽ gửi về nhà sau), tôi hơi lo về chuyện nợ nần nhưng cảm thấy một thoáng tự hào, mình mua mình trả chứ không xin xỏ ai. Hôm nay là lần đầu tiên tôi đi mua áo quần may sẵn bán ngoài tiệm. Ngày còn bé, ngoài áo quần cũ thừa hưởng của anh Quang thả xuống, mỗi năm tôi có hai bộ áo quần mới mẹ đặt may và để sẵn, đến ngày tựu trường và mừng một Tết mới được mặc. Khi tôi lên trung học, mẹ mua vải đưa trước cho tiệm may quen gần nhà, tôi chỉ việc đến đo ni tắc và đợi ngày tới lấy về. Khi lên đại học và đi làm, tôi đến vải tiệm may có tiếng ở Sài Gòn, chọn lựa mẫu vải và kiểu quần áo thịnh hành trưng bày trong tiệm, đặt may rồi hẹn ngày đến trả tiền lấy về. Giày mang đi học hay đi làm cũng vậy, tôi đặt đóng ở tiệm giày quen theo cỡ chân với kiểu giày và loại da mong muốn.

Ông Francis đưa tôi đến khu bán quần áo đàn ông, tôi hoảng kinh nhận ra áo sơ-mi cũng như quần dài, chiếc nào chiếc nấy *to tổ chảng*, tôi “bơi” bên trong vẫn còn rộng. Thí dụ, quần đàn ông nhỏ nhất có vòng thắt lưng 34 inch, trong lúc vòng thắt lưng khiêm tốn của người Việt trung bình như tôi chỉ chừng 28 inch. Đành sang khu bán đồ con trai tuổi *choai choai*. Lục lọi áo quần máng trên năm, sáu cái giá dài, tôi tìm được một số quần áo mặc vừa, nhưng kiểu may, loại vải, và màu sắc khó coi. Không có áo sơ-mi cổ cứng để mang cà-vạt, tôi mua cà-vạt đen (ở Việt nam tôi dùng mang đi đám ma) với cái móc plastic để móc nút cà-vạt vào cổ áo trông như đồ chơi. Không có *com-lê* cả bộ, tôi mua áo *vest chửi nhau* với mấy cái quần dài. Đứng trước gương trong phòng thử, tôi thấy mình lạ hoắc và trông . . . không giống ai.

Rời khu con trai với hai bao áo quần trẻ em tạp nham, tôi theo ông Francis đến khu bán giày. Tôi không biết cỡ giày mình, ông ra lệnh cho cô bán hàng lấy máy đo bàn chân tôi,

“Đây là máy Brannock do một anh chàng tên Charles F. Brannock ở Nữ Ước sáng chế năm 1925. Anh là kỹ sư có thể tìm hiểu nguyên tắc hay tính chất của máy, còn hàng bán giày chúng tôi chỉ cần anh đặt bàn chân lên máy rồi điều chỉnh các cần đo và đọc cỡ giày anh nên mang.”



Cô bán hàng đo chân tôi rồi cho biết giày tôi cỡ tám rưỡi (8½) D. Cỡ 8½ là chiều dài tính bằng inch từ gót chân đến đầu ngón chân xa nhất. “D” là ký hiệu chỉ bề rộng của giày. Cô dịu dàng nói thêm,

“Trong cách xếp hạng cỡ giày Mỹ, ‘D’ là bề rộng tiêu chuẩn hay trung bình, ‘C’ là hẹp, và ‘E,’ ‘EE’ (hay ‘2E’), và ‘EEE’ (hay ‘3E’) là cỡ rộng hay rất rộng. Nếu ông giúp bà nhà chọn cỡ giày, xin nhớ là bề rộng tiêu chuẩn của giày đàn bà là ‘B,’ chứ không phải ‘D’ như ông đâu nhé.”

Phần lớn những kiểu giày bày trên kệ và mấy chiếc bàn thấp đều thô kệch dềnh dàng hay màu mè phô trương, không có kiểu nào thanh nhã như các *mốt* (mode) Âu châu ở bên nhà. Ông Francis cầm đưa lên một chiếc giày mũi nhọn có các lỗ thủng nhỏ chạy thành hình cánh chim rẽ ra hai bên tới gần gót giày,

“Đây là giày *wingtip* (đầu cánh chim) rất thông dụng trong giới doanh nghiệp, anh thấy sao?”

Tôi nhìn xuống chân ông Francis, đó là kiểu giày ông mang. Theo lời khuyên của ông, tôi chọn hai đôi *wingtip*, một đôi màu đen và một đôi màu vỏ dà để thay đổi theo màu quần. Mất nguyên cả buổi chiều mua sắm nhưng tôi không mua được món nào vừa ý. Nếu ngày Sài Gòn tôi tự hào với tủ quần áo chọn lọc và cách ăn mặc hợp thời trang, hôm nay chỉ biết *than ôi, thời oanh liệt nay còn đâu*.

Sáng thứ Hai, tôi trình diện ở trụ sở MDU và bắt đầu cuộc đời đi “làm sở Mỹ” mà áy náy bồn chồn vì bộ vận trẻ em của mình. Đôi giày *wingtip* lại quá chững chạc, tương phản ngộ nghĩnh với bộ áo quần bên trên. Tôi biết các bạn đồng nghiệp mới thấy rõ điều này vì đến cuối ngày trước khi chia tay ra về, anh bạn Charlie khen, “Đôi giày đẹp, *Ba Hoa* anh khéo chọn lắm!”

\* \* \*

Khoảng một tuần sau, trong bữa cơm tối tôi kể chuyện thẻ J. C. Penney với các em. Mắt thẳng Sang sáng rỡ,

“Mai anh đi mua giùm *tui* bộ *stereo* (máy hát âm thanh nổi) vừa nghe *ra-đi-ô* vừa nghe đĩa hát. Tới kỳ lương *tui* trả tiền lại cho anh.”

“Mày có đĩa đâu mà mua máy?” tôi hỏi gặng để can nó đừng mua.

“Mấy thằng bạn ngoài trạm xăng hứa cho một lô đĩa hát mà *tui* không có máy nên cứ làm bộ ta đây không thèm. Mà *tui* mua máy cho cả nhà nghe chớ đâu phải một mình *tui*!”

“Được rồi, mai mày ra J. C. Penny với anh,” tôi chịu thua.

“À, hôm trước anh *Ba Hoa* ‘bóc lột’ tiền ăn trưa của em để gửi cho cha mẹ, giờ anh phải đền lại cho ‘công chúa’ bằng cái *T-shirt* (áo thun ngắn tay). Luôn tiện, anh mua cho chị Châu một cái để tỏ lòng . . . hiếu thảo với vợ,” Bình thừa dịp đòi nợ.

“Tụi em cần quần lót,” Lâm và Trọng nhao nhao.

Chiếc thẻ tín dụng đầu tiên ấy giải quyết một số nhu cầu cấp bách của chúng tôi. Sau khi trả xong món nợ vay ngân hàng, tôi được xem có thành tích trả nợ đàng hoàng, tức là “điểm tín dụng cao,” và mời nộp đơn xin thẻ tín dụng VISA của ngân hàng. Khác với thẻ J. C. Penny, thẻ VISA có thể dùng ở bất cứ nơi nào chịu nhận thẻ, từ cửa hàng bách hóa đến nhà hàng ăn, hãng

du lịch bán vé máy bay, công ty cho thuê xe hơi, và khách sạn. Nhà buôn được lợi là bán hàng hóa hay dịch vụ dù khách chưa sẵn tiền mua, và nhận ngay tiền ngân hàng ứng trước. Bù lại, ngân hàng ăn ba phần trăm huê hồng. Chủ thẻ như tôi, nếu cuối tháng trả trọn số tiền mắc nợ thì kể như dùng thẻ VISA vay tiền miễn phí. Miễn là trả hết; có lần tôi ký chi phiếu trả tiền vô ý ghi thiếu một xu (1¢), tháng sau thấy hóa đơn cộng thêm tiền lời 29 phần trăm tính trên tổng số nợ tháng trước.

Hệ thống “tín dụng” thương mại chi phối mọi khía cạnh của đời sống Hoa kỳ. Hệ thống này cho phép những người ban đầu túng thiếu như tôi có được những món cần thiết bằng cách mua chịu. Những gia đình trung lưu có thể có xe hơi, nhà cửa, và các tiện nghi khác bằng cách vay tiền ngân hàng và trả góp hàng tháng. Xe hơi là phương tiện di chuyển không thể thiếu, và làm chủ một căn nhà là giấc mơ của mọi gia đình Mỹ. Nhờ đó, người làm việc hưởng thụ cuộc sống đầy đủ và thoải mái, cửa hàng bán chạy hàng hóa, và ngân hàng phồn thịnh nhờ thu tiền lời. Chỉ cần người vay nợ có lợi tức vững vàng, không *vung tay quá trán* ăn xài quá sức mình, và thanh toán hóa đơn hàng tháng đầy đủ và đều đặn.

Trong bốn năm cuối thập niên 1970, nền kinh tế Hoa kỳ suy thoái bốn đợt, mức thất nghiệp lên tới tám phần trăm, lạm phát 18 phần trăm một năm, và công nhân bị hăng xướng sa thải. Đối với nhiều người Mỹ, mất việc là khánh kiệt, là *tán gia bại sản*, và là mất tất cả. Không trả tiền vay mua xe, nhà băng *kéo* xe. Không trả tiền vay mua nhà, nhà băng xiết nhà. Thiếu thốn mọi thứ về vật chất, vợ chồng sinh ra gấu ó cãi cọ ngày đêm, rớt cuộc gia đình tan rã, và chị vợ chia tay mang con ra đi.

Tôi dùng máy *stereo* của thằng Sang nghe đĩa nhạc và cảm thông nỗi sầu não của cảnh khánh tận thời trước qua bản nhạc đồng quê nổi tiếng “All I Got's Gone” (*Mọi thứ tôi có được đều đã mất*),

*Whole lot of people bought automobiles,  
Didn't know how they's a-gonna feel,  
Rode around so grand and proud,  
Notes come due, couldn't pay it out.  
All they got's gone, all they got's gone.*

*I went to the bank to borrow some money,  
I tell you right now, didn't find it funny,  
The banker said he had none to loan,  
Get your old hat and pull out home.  
For all we got's gone, all we got's gone.*

(Có khối người đi mua xe hơi,  
Không biết họ sẽ cảm thấy làm sao,  
Chạy quanh sao thấy cao sang và hãnh diện,  
Đến kỳ trả nợ, không tiền trả,  
Mọi thứ họ có được đều đã mất, mọi thứ họ có được đều đã mất.

Tôi ra nhà băng mượn một ít tiền,  
Phải nói ngay, có gì tức cười đâu,  
Chủ băng nói không có gì cho vay,

Chụp chiếc mũ cũ đội và rút lệ về nhà.

Vì mọi thứ ta có được đều đã mất, mọi thứ ta có được đều đã mất.)

Bản nhạc này được Ernest Van "Pop" Stoneman (1893 – 1968) thu đĩa năm 1934. Ông là một nhạc sĩ thu đĩa hàng đầu trong thập niên 1930, thời gian đầu tiên nhạc đồng quê được phổ biến thương mại và cũng là thời gian cuộc đại khủng hoảng kinh tế toàn cầu xảy ra.

Nếu người Pháp có câu tục ngữ “*Tiền bạc không tạo nên hạnh phúc*” (L'argent ne fait pas le bonheur) thì ở Mỹ mất việc có thể đồng nghĩa với chịu trăm cay ngàn đắng nhìn hạnh phúc đội nón ra đi. Trong 37 năm làm việc ở xứ này, chưa một lần tôi bị cho nghỉ việc. Không phải người Việt tỵ nạn nào cũng may mắn như tôi.

***Nguyễn Ngọc Hoa***

*Ngày 15 tháng Bảy, 2020*

# Vạn Sự Khởi Đầu Nan

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Tám giờ sáng thứ Hai, tôi trình diện ở trụ sở trung ương Công ty Tiện ích Montana-Dakota để nhận việc. Trong sáu tháng tập sự sắp tới, tôi được đặt dưới quyền ông Bill giám đốc sở Truyền Điện. Ông trạc tứ tuần, người dong dong cao, mặt khó đăm đăm, và nói nhỏ gần như làu bàu trong miệng. Anh bạn Charlie cho biết kỹ sư mới nào cũng phải qua tay ông: Không những ông là vị giám đốc kỹ thuật thâm niên nhất, mà ông còn khó tính, không bao giờ cười, ít khi khen ai điều gì, và lúc nào cũng sẵn sàng chỉ trích người khác. Khó có ai thích hợp hơn trong vai trò huấn luyện . . . tân binh!

Tôi lên lầu bốn của Tổng nha Kỹ thuật Điện thuộc quyền ông Wally phó tổng giám đốc và được cô thư ký tóc vàng óm và cao ngệu nhưng giọng nói ngọt ngào đưa tới bàn giấy dành sẵn cho tôi. Cô hỏi,

“Anh dùng trà hay cà-phê không để tôi lấy? Sau khi họp ban tham mưu hàng tuần, ông Bill mới gặp anh.”

“Tôi không cần gì cả, cảm ơn cô. Tôi đợi ở đây vậy,” tôi gật đầu.

Tôi ngồi chờ vợ một mình và thấy tay chân thừa thãi vì không biết phải làm gì. Mọi người chung quanh, kể cả Charlie, gọi nhau đi họp; phiên họp do ông Wally chủ tọa. Ban tham mưu gồm nhân viên kỹ thuật thuộc sở Truyền Điện, sở Trạm Biến Thế, sở Phân phối, nha Sản xuất, và nha Điều hành Hệ thống Điện; nha sau này bao gồm cả Trung tâm Phối trí Điện năng. Trong các phiên họp hàng tuần, ông Wally, các giám đốc, và các quản đốc dự án lần lượt trình bày hoạt động hiện thời của công ty và tổng nha và tiến triển của dự án đang thực hiện.

Ông Bill giới thiệu tôi với nhân viên sở Truyền Điện ở trung ương và chỉ định ông Ed (tên tắt của Edward) cán sự đưa tôi đi giới thiệu khắp công ty và làm thủ tục giấy tờ cần thiết. Ông Ed khoảng năm mươi lăm, năm mươi sáu tuổi, đầu hói, nói tiếng Anh rõ ràng nhưng không phải giọng của người sinh trưởng ở Mỹ, và cho biết ông di cư từ Hy Lạp sang Hoa kỳ năm lên sáu. Tôi đi theo ông Ed như cái máy, ông giới thiệu tên và chức vụ nhiều người, nhưng trong lúc bàng hoàng tôi thấy người Mỹ nào cũng giống như người Mỹ nào và không nghe ra tên hay nhớ mặt ai cả. Họ bắt tay “chào mừng,” tôi nghiêng mình “cảm ơn” rồi tiếp tục sang người khác.

Đến phòng Nhân viên làm hồ sơ cá nhân, lương bổng, bảo hiểm y tế, và bảo hiểm nhân mạng (nếu bỏ mình khi thi hành nhiệm vụ), tôi được cô nhân viên người tròn trịa, ngực nở nang, và hay cười niềm nở đón tiếp. Cô phát cho tôi cuốn *Cẩm nang Nhân viên*, tóm tắt quyền lợi nhân viên tôi sẽ được hưởng, và hướng dẫn điền các mẫu cần thiết. Cô kiên nhẫn giải thích từng chi tiết, vì “anh Mán” này không có ý niệm gì về ý nghĩa của những danh từ lạ trên mẫu và hỏi đi hỏi lại đến khi hiểu rõ mới thôi.

Tôi xong việc ở phòng Nhân viên thì tới giờ ăn trưa, ông Ed đã đi về từ hồi nào. Tôi đi bộ về nhà, ba khu phố chỉ mất năm phút là tới. Quỳnh Châu đón tôi ở cửa với nụ cười hãnh diện, và

thức ăn đã dọn sẵn. Trong suốt 37 năm làm việc, hầu như trưa nào tôi cũng về nhà ăn cơm khiến bạn bè gheo tôi là về nhà kiếm tí . . . *nooner*. Do chữ “noon” (buổi trưa), “*nooner*” là tiếng lóng chỉ cuộc làm tình chớp nhoáng trong giờ nghỉ trưa. Sau này, tuy chúng tôi đổi chỗ ở tất cả năm lần, từ nhà tôi đi bộ đến sở khi nào cũng không tới mười phút. Nhờ đó tôi được cái may mắn ít ai có là trưa về chuyện trò với vợ, mở *ti-vi* xem tin tức, và nằm trên ghế *xô-pha* đọc truyện kiếm hiệp một hồi trước khi trở lại làm việc. Kho kiếm hiệp của tôi có hầu hết truyện của các tác giả Kim Dung ở Hương Cảng, Cổ Long ở Đài Loan, và Robert Jordan ở Hoa Kỳ.

Sau giờ ăn trưa, cô thư ký mời tôi vào văn phòng ông Bill gặp ông. Với bộ mặt không biểu lộ tình cảm và giọng nói đều đều, ông trao cho tôi hai tập sách dày cộm đóng bìa da kỹ lưỡng, “Anh mới đến chưa quen thuộc với Anh ngữ. Trong tháng đầu tiên, chúng tôi muốn anh học hỏi và ‘dịch ra’ các tiêu chuẩn trong hai cuốn sách này. Tháng sau, anh ra công trường để làm quen với các toán thợ đường dây và dự án xây dựng.”

Bàn giấy của tôi nằm hàng đầu trong khu kỹ sư tham mưu. Kỹ sư mỗi nha hay sở ngồi gần nhau thành từng nhóm nhỏ, và nhóm Trạm Biển Thế của Charlie ngồi cách tôi không xa. Thấy tôi khệ nệ ôm sách về, anh cười xòa,

“Thế là đến lượt chàng *rookie* (lính mới) nghiền ngẫm hai cuốn sách đó. Cuốn nào cũng cân nặng gần bằng anh, phải không?”

“Ông Bill nói tôi cần chuyển đổi trong đầu các thứ trong sách sang tiếng Việt,” tôi ngây thơ kể lại.

“Ông *sếp* chơi lõm anh đó. Mấy đứa tụi tôi, ngoại trừ bọn Sản xuất, trong thời gian tập sự, đứa nào mà không bị ông *sếp* bắt phải nghiền cứu hai cuốn sách đáng ghét mà hữu dụng đó?”

Khoảng ba giờ chiều, cả bọn kéo nhau xuống câu lạc bộ ở lầu hai nghỉ giải lao, tức là “coffee break.” Theo luật, nhân viên làm việc tám tiếng đồng hồ có quyền nghỉ hai lần, mỗi lần 15 phút. Nhóm thanh niên trẻ ngồi chung chuyện trò cười đùa với nhau. Năm giờ chiều, trước khi ra về, Charlie hỏi tôi,

“Ngày mai 23 tháng Chín là tiết thu phân ngày đêm dài bằng nhau và bắt đầu mùa thu, anh biết chưa?”

“Khí hậu Sài Gòn chỉ có hai mùa là mùa mưa và mùa khô. Chúng tôi nằm gần xích đạo nên quanh năm ngày đêm gần bằng nhau, và ‘mùa’ xuân hạ thu đông chỉ xuất hiện trong văn chương chứ trong cuộc sống hàng ngày chẳng ai thèm để ý tới,” tôi vờ như không quan tâm.

“Mùa thu bắt đầu lúc 10 giờ 55 phút sáng mai. Tối nay anh xem bản tin thời tiết trên *ti-vi*, họ sẽ nói rõ hơn.”

“Sao biết đích xác giờ giấc như thế?”

“Các nhà thiên văn có thể tính chính xác vị trí của quả đất đối với mặt trời tại điểm thu phân. Hàng năm điểm ấy xảy ra vào khoảng 22, 23 tháng Chín, nhưng ngày giờ xê xích từ năm này sang năm khác vì quả đất quay quanh mặt trời theo quỹ đạo hình bầu dục, thời gian trung bình giữa hai lần thu phân là 365.24219 ngày, không tròn trĩnh theo ngày trên lịch.”



Sau thứ Tư, ngày đầu thu trọn vẹn, chỉ qua một đêm thời tiết đột nhiên thay đổi. Không khí mát hơn, nắng chiều dịu hẳn lại, và lá trên cây bắt đầu chuyển sang màu vàng và bay lá tả trong không khí. Lần đầu tiên tôi cảm nhận được *mùa lá vàng* trong bản “Thu Vàng” của Cung Tiến,

*Mùa Thu vàng tới là mùa lá vàng rơi  
Và lá vàng rơi, khi tình Thu vừa khơi  
Nhặt lá vàng rơi, xem màu lá còn tươi  
Nghe chừng đâu đây màu tê tái.*

Bước đầu cuộc đời nghề nghiệp mới của tôi cũng mang . . . *màu tê tái*. Hai tập sách phải “học” là hai cuốn khó *nhá* nhất từ trước đến nay. Tập *Tiêu chuẩn Truyền Điện* trình bày phương pháp mẫu mực để thiết trí trụ điện và đường dây tải điện, và đo đạc và vẽ trắc đồ đường dây đối với mặt đất. Tập sách còn liệt kê các loại trụ điện căn bản cùng với bảng kê vật liệu như cột gỗ, đà ngang, sứ cách điện, bù-loong, v.v. Tập *Phương cách Kế toán* liệt kê các phương pháp và trương mục kế toán do Ủy ban Quy tắc Năng lượng Liên bang (FERC) đặt ra để phân loại và chiết tính giá thành dự án. FERC quy định luật lệ buôn bán giữa các tiểu bang trong hai lãnh vực: di chuyển và bán sỉ điện và hơi đốt, và tải dầu bằng ống dẫn dầu.

Sách chứa toàn danh từ chuyên môn lạ hoắc tôi chưa từng gặp, tìm trong tự điển Anh-Việt không có, và không thể đoán mò là gì. Suốt ngày tôi ôm sách chạy quanh nhờ mấy anh bạn kỹ sư giải thích. Khi họ không thể mô tả rõ ràng một thiết bị điện, tôi nhờ ông Ed đi lục kiếm mục lục hàng hóa do nhà chế tạo cung cấp để tìm hiểu hình thể và công dụng, và đồng thời tra cứu tài liệu hay sách vở để nghiên cứu tường tận đặc tính kỹ thuật của thiết bị đó.

Ở bên nhà, tôi dạy học với thời khóa biểu ít giờ, soạn bài và chấm bài thi theo giờ giấc thuận tiện của mình, và nhất là quen ngủ trưa. Tuần lễ thứ nhất làm việc liên tục từ sáng đến chiều là cả một cực hình. Mỗi ngày tôi nốc cả chục ly cà-phê, nhưng cà-phê Mỹ loãng quệt, uống vào như không. Tôi gáp gáp ngáp dài và rán mở chong mắt chống lại cơn buồn ngủ. Đến chiều thứ Sáu hết cưỡng nổi, tôi ngủ ngời ngon lành, giật mình té ra khỏi ghế, và lăn đùng xuống sàn nhà. Charlie chạy lại đỡ tôi dậy và cố nín cười,

“Anh tập *kung fu* Việt nam đấy hả?” “Kung fu” (công phu) là danh từ người Mỹ dùng để gọi môn võ thuật Trung hoa.

Sáng thứ Hai cuối tháng Mười, tôi đến sở tám giờ sáng như thường lệ, và lạ thay tòa nhà năm tầng vắng như chùa Bà Đanh. Một tiếng đồng hồ sau thiên hạ mới lục tục đến. Thấy tôi ngồi ngơ ngáo, Charlie cười cười,

“Tôi dám cá là ‘ông’ *Ba Hoa* nhà ta cuối tuần quên đổi giờ.”

“Tại sao phải đổi giờ? Tôi có biết gì đâu,” tôi ngờ nghệch hỏi lại.

“Vào hai giờ sáng Chủ Nhật cuối cùng của tháng Mười, ta phải vặn đồng hồ lui một tiếng đồng hồ thành một giờ để chuyển từ giờ mùa hè (giờ tiết kiệm ánh sáng ban ngày) sang giờ tiêu chuẩn (giờ đúng theo lịch). Nghĩa là đêm thứ Bảy, anh và bà xã đã có thêm một tiếng để ngủ mà không biết. Đến Chủ Nhật cuối cùng của tháng Tư, ta vặn đồng hồ lên từ hai giờ sáng thành ba giờ, và anh sẽ ngủ thiếu một tiếng. Để nhớ lúc nào thì ‘lên’ và lúc nào thì ‘lui,’ người ta nói, ‘*spring ahead, fall back.*’ Nhớ nhé.”

“Spring” vừa có nghĩa là mùa xuân (tháng Tư) vừa có nghĩa là nhảy tới trước (“ahead”): đồng hồ vọt lên. “Fall” vừa có nghĩa là mùa thu (tháng Mười) vừa có nghĩa là rơi xuống hay lùi lại (“back”): đồng hồ vọt lui. Các nước tân tiến dùng giờ mùa hè để có thêm một giờ ánh sáng ban ngày vào buổi tối cho dân chúng làm việc ngoài trời và tiết kiệm năng lượng thấp sáng.

Charlie ăn nói hoạt bát và có óc khôi hài bén nhạy. Anh đùa giỡn, chọc ghẹo, và hay đem bạn đồng sự nhất là ông già Ed ra làm trò đùa khiến không khí làm việc vui nhộn. Một hôm, anh đưa ra câu đố vui:

*Chàng Joe (tên tắt của Joseph) ở tầng thứ 13 của một cao ốc. Mỗi sáng đi làm, chàng đáp thang máy từ tầng 13 xuống tầng trệt. Có điều lạ là buổi chiều đi làm về, chàng đi thang máy từ tầng trệt lên tầng số 9 rồi cuốc bộ lên cầu thang tới tầng 13. Chiều nào cũng vậy. Các anh biết vì sao không?*

Cả bọn đưa ra hết giả thuyết này sang giả thuyết khác để đoán thử, nhưng không ai giải thích hợp lý. Rốt cuộc, Charlie đưa ra giải đáp:

*Bởi lẽ Joe lùn quá, với không tới nút bấm tầng 13 trên bảng điều khiển thang máy. Nhón gót hết mức chỉ bấm tới nút tầng số 9 là cùng.*

Trong cả tầng lầu này, tôi là người thấp nhất. Có thể Charlie vô tình, không cố ý châm chọc chiều cao khiêm tốn của tôi, nhưng tôi *ghim* chuyện này vào lòng và chờ dịp trả đũa. Vài hôm sau, trong giờ nghỉ giải lao, tôi thấy trên mép Charlie dính một vệt dâu tây màu đỏ tươi khi anh ăn ngón ngấu miếng bánh nướng nhân dâu tây. Không thể bỏ qua một cơ hội ngon ơ, dù có hơi . . . dơ, tôi chỉ tay vào mặt anh,

“Sai ngày! Tháng này anh xui, làm chuyện ấy sai ngày rồi Charlie à,” rồi hạ thấp giọng, “Bộ chị không nói cho anh biết sao?” ngụ ý nói đèm qua nhằm ngày kinh nguyệt của vợ anh.

Mọi người ôm bụng cười hô hố, nhưng Charlie không bối rối, chỉ hơi đỏ mặt, và cười theo, “*Ba Hoa*, anh giỏi lắm. Khiếu hài hước tuyệt vời! Vậy mà tôi tưởng anh chỉ biết kể chuyện chạy trốn *Vi Xi* (VC).”

\* \* \*

Chưa bao giờ tôi thấy mình thiếu khả năng học hỏi như trong tháng khởi đầu làm “ông Tây nhà đèn.” Nhưng tôi vốn nhẫn nại, càng gặp khó khăn càng cố gắng nhiều hơn, và hàng đêm nhắc nhở mình “*Vạn sự khởi đầu nan*” (Muôn việc, việc nào khi bắt đầu cũng khó). Hết mùa thu rồi qua mùa đông, tôi hoàn tất giai đoạn tập sự với lòng tự tin nguyên vẹn. Công ty có thêm một kỹ sư giỏi sẵn sàng bắt tay vào việc.

**Nguyễn Ngọc Hoa**

Ngày 29 tháng Bảy, 2020

# Trả Lại Nụ Cười

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Trung tuần tháng Mười, thời tiết North Dakota đi vào giữa mùa thu. Hôm nay trời lộng gió, lá vàng bay lả tả ngoài đường, và không khí về chiều se lạnh. Cả buổi chiều tôi làm việc mà lòng bồn chồn đứng ngồi không yên vì cha mẹ từ trại tị nạn Đồn Chaffee thuộc tiểu bang Arkansas bay đến Bismarck lúc ba giờ chiều. Đúng năm giờ, tôi liệng ngòi bút lên bàn giấy rồi chạy vội về nhà, mong gặp mẹ sớm; tôi xa mẹ đã gần sáu tháng nay rồi. Trong nhà, ba em Bình, Lâm và Trọng ngồi xếp ve mỗi đứa một góc và nhìn tôi với ánh mắt lo âu. Mẹ và Quỳnh Châu nấu nướng sau nhà bếp, cha mặt hầm hầm đi lui đi tới trong phòng khách. Tôi rụt rè chào,

“Thưa cha mới tới.”

“Cha con *chi* với *mi*? *Mi* tới đây thì họ đạo mấy trăm người kèn trống ra phi trường đón rước, còn cha mẹ *mi* tới thì chỉ có thằng Gardner với con Châu ra đón như vợ chồng thẳng ăn mày. Anh em *mi* không đứa *mô* thềm ló mặt, coi *tau* là đồ bỏ hay *răng*?”

Tôi hiểu ra lý do cha khiến giận dữ. Lúc mới tới Bismarck và được họ đạo nhà thờ Ba ngôi Lutheran tiếp đón nồng hậu, tôi vui mừng viết thư vào trại Đồn Chaffee kể hết ngọn ngành để mẹ mừng mấy đứa con thương yêu của mẹ đã định cư an lành nơi xứ người, quên mất rằng dưới mắt cha tôi là thằng con “bất hiếu bất mục” ở Sài Gòn bỏ cha mẹ ra đi trước. Tôi hối hận đã tạo cơ hội cho cha ganh tị trách mắng, nhưng gắng gượng giải thích,

“Cha mẹ đến buổi chiều, bên nhà thờ ai cũng phải đi làm. Mấy đứa nhà mình đi học ba giờ rưỡi chiều mới về. Con đang tập sự, gọi là ‘thời kỳ thử thách,’ không thể bỏ sở mà đi. Thằng Sang cũng bận đi làm bây giờ chưa về.”

Thực ra tôi biết thằng Sang ra *ba* (bar) uống bia với bạn và cố tình về trễ để khỏi gặp cha ngay. Ngày ở Tuy Hòa, nó hay bị cha kiểm soát đánh đập tàn nhẫn đến độ mẹ xót con chịu không nổi phải gửi nó vào Sài Gòn ở với tôi. Tôi ra bếp chào mẹ, nhưng mẹ mắc làm cơm tối cho cha ăn và đi ngủ sớm, và xua tay bảo tôi đi lên nhà trên. Giống như ngày nào, cha ăn riêng một mâm một cỗ, Lâm và Trọng túc trực để cha sai vặt và thỉnh thoảng bị mắng vì không làm đúng ý cha. Tôi ngồi xớ rớ trong phòng khách để lỡ cha gọi tới. Cha chậm rãi thưởng thức bữa cơm Việt nam mẹ nấu, uống nước trà, và lấy tăm xỉa răng rồi chửi trống,

“Con *tau* là con quý con yêu. Cha *hấn* một đời đem xương máu nuôi *hấn* ăn học để *chừ* *hấn* giam cha mẹ nằm dưới hầm như *ri*. Trời ơi là trời!”

Cha trút cơn thịnh nộ lên đầu tôi vì ông Gardner và họ đạo bảo trợ sắp đặt cho cha mẹ ở dưới tầng hầm. Tầng này là một *apartment* riêng biệt có phòng ngủ, phòng tắm, bếp nấu ăn, và lối đi riêng ra bên ngoài. Cách xếp đặt theo nếp sống Mỹ khiến cha thấy bị xúc phạm vì từ trước đến nay cha luôn luôn chiếm căn phòng lớn nhất và sống tự do một mình một cõi ở nhà trên, mặc mẹ và anh em tôi chui rúc dưới nhà sau chật hẹp tù túng. Mắng mỏ chán chê, cha đứng dậy ho khan và khạc nhổ một hồi rồi vùng vằng đi xuống hầm. Bấy giờ mới đến lượt chúng tôi ngồi vào bàn ăn, và mẹ mới rảnh tay nhìn rõ mấy đứa con. Mẹ khóc vuốt mặt tôi,

“Ai ăn đồ Mỹ cũng béo trắng ra mà *răng* *mi* cứ *doi doi* (không mập không ốm) *rúa*?”

Tôi thương mẹ ứa nước mắt. Cả nhà vừa ăn cơm vừa sung sướng nói chuyện lung tung, thỉnh thoảng mẹ nhắc, “Nói *dỏ dỏ* (nho nhỏ) thôi, để ‘ông già’ *mi* ngủ.” Sau nửa đêm mẹ nhìn đồng hồ giục tôi, “Chết cha, *mi* đi ngủ để mai đi làm,” và vào phòng Bình ngủ chung với em. Trong căn phòng nhỏ nhất nhà, hai mẹ con ngủ trên chiếc giường đơn một người nằm vì cha giữ độc quyền phòng ngủ dưới hầm.

Tuần lễ kế tiếp, cha kê ra các chuyện tôi làm ngày mới đến và đòi phải làm giống y như thế. Thí dụ, tôi được mời lên bục giảng nhà thờ nói vài lời trong buổi lễ sáng Chủ Nhật, và được tờ *Bismarck Tribune* (Bismarck Diễn đàn) phỏng vấn. Cha vênh mặt,

“*Mi* là thằng kỹ sư quèn mà được trọng vọng như *rúa*, hướng chi *tau* đã từng giữ chức vụ tối quan trọng, coi toàn một tỉnh, và chỉ huy hàng ngàn thằng lính. Thằng thống đốc (tiểu bang) ở đây *ăn thua chi*.”

Cha viết bằng tiếng Việt bài diễn văn đọc ở nhà thờ và bản trả lời cho các câu hỏi mà cha đoán chừng sẽ được hỏi trong cuộc phỏng vấn, và biểu tôi dịch ra tiếng Anh. Cha đọc bản dịch, bắt bẻ từng chữ, và chê tôi dịch “sai bét sai be.” Cha chê thì chê, tôi “Dạ, dạ” mà không giải thích, cãi lại, hay thay đổi một chữ nào. Cha được thể lên mặt,

“*Tau* biết mà, bọn kỹ sư *mi* chữ nghĩa được mấy *mô*. Làm *răng* bằng *tau* học tiếng Anh từ khi *mi* học tiểu học, đi Mỹ du học hai lần, và nói chuyện hằng ngày với mấy thằng cố vấn Mỹ?”

Trong buổi lễ nhà thờ, cha đọc diễn văn với giọng Pháp pha lẫn âm Quảng Bình nên không ai hiểu. Một bà ngồi cạnh tôi quay sang hỏi, “Ông ấy là cha anh, phải không? Ông ấy nói gì vậy?” Cuộc phỏng vấn với tờ báo cũng không suôn sẻ. Cô ký giả hỏi một đặng, cha không hiểu bèn làm bộ cười cười và cầm bản trả lời đọc một nẻo. Hai bên không ai hiểu ai, nhưng sau đó cha khoe mình,

“Chữ *tau* nói, con Mỹ béo *nớ* phải về nhà tra tự điển mới hiểu nổi.”

Để chuẩn bị kiểm việc làm, cha dùng bản tóm lược (bối cảnh học hành và làm việc) của tôi làm mẫu, thảo bằng tiếng Việt đậm thêm tiếng Pháp, và biểu tôi viết lại bằng tiếng Anh. Mặc dù cha không tiếc lời chỉ trích chê bai bản tóm lược tôi soạn, tôi không buồn lòng vì nhờ đó tôi biết sơ lược về chuyện học hành và làm việc của cha thời niên thiếu, một quá khứ bí ẩn cha chưa hề tiết lộ với ai trong gia đình.

Trong 15, 16 năm đầu đời của tôi, mỗi năm cha về nhà (nơi mẹ và anh em tôi sống) một lần; lần nào cũng gieo rắc kinh hoàng khủng khiếp. Cha chỉ tử tế với mẹ được vài tiếng đồng hồ. Sau bữa cơm chiều, cha trở ngón nã tiền với bài bản quen thuộc: Trước tiên, năn nỉ mẹ đưa tiền để trang trải nợ nần vì “lỡ thua” bạc, nếu không chủ nợ sẽ kiện cho mất chức và có thể vào tù. Để đầu gì mà mẹ *xùy* đồng tiền mồ hôi nước mắt chắt chiu dành dụm cho đàn con đại sống còn đến ngày mai. Cha bèn nổi cơn đập phá các thứ đồ dùng trong nhà rồi *thượng cẳng tay hạ cẳng chân*, mẹ chạy trốn và ẩn nấp khắp các xó xỉnh, và khi tìm ra cha cầm súng lục lên đạn răng rắc kê vào đầu mẹ dọa bắn. Mẹ sợ chết đi để con bơ vơ, đành bằng lòng với một *đội* (tờ) nước mắt. Ẽm được tiền, cha lại đàng hoàng nhỏ nhẹ với mẹ một đêm trước khi ra đi, để lại sau lưng căn nhà tan hoang.

Về sau, cha mẹ và các con ở chung. Cha làm chức vụ cao hơn, lương tiền và bổng lộc khá hơn, nhưng máu mê cờ bạc nhiễm vào các thứ thịt sâu hơn và cha dễ bị các con bạc khác bịp hơn. Trước khi cha đi đánh bài, mẹ thường hay hờn mát,

“Thôi ông ơi, ngồi đánh bài làm *chi* cho đau lưng mỗi cổ? Ông lấy cái khay để tiền lên và quỳ xuống *dưng* cho *hấn* có phải có ơn hơn không?”

Cha cũng ra tay đập vỡ đồ đạc, khủng bố gia đình, và nã tiền mẹ thường xuyên hơn. Nhiều lần, tối hôm trước anh em tôi ngủ trong nhà mình, sáng ra nhà thành ra nhà người khác vì đêm qua cha về nhà gí sủng vào đầu mẹ buộc phải ký văn tự bán nhà. Ngày nay, trên đường đi tỵ nạn, chắc hẳn cha là vị cựu sĩ quan cao cấp giữ chức vụ quan trọng trong chính phủ Việt nam Cộng hòa độc nhất không có lấy một chỉ vàng phòng thân.

Trước khi cùng với ông Gardner lên nha Chức nghiệp North Dakota tìm việc, cha gật gù,

“Kỹ sư chỉ với vài năm kinh nghiệm như *mi* mà lương chín trăm rưỡi (\$950) một tháng, ít nhất *hấn* phải trả cho *tau* gấp đôi, chừng hai ngàn, *tau* mới nhận.”

Cha quên nói cha sẽ làm công việc gì. Nha Chức nghiệp phỏng vấn, cho thi trắc nghiệm khả năng, và khoảng một tháng sau mời cha đi phỏng vấn với công ty ráp và chế tạo đồ phụ tùng máy cày. Công ty cần tuyển tổng thư văn làm ở phòng công văn và có nhiệm vụ thu nhận, phân phát, và gửi đi các thư từ và gói đồ. Sau khi ăn cơm tối, cha ca tụng dài dòng việc làm “lý tưởng,” mặc cho chúng tôi đói meo đợi ăn cơm. Cha nói công ty trả lương hai đô la (\$2.00) một giờ (vào khoảng \$350 một tháng), trả lệ phí bảo hiểm sức khỏe cho cá nhân cha, và hàng năm cho nghỉ hai tuần vào dịp Giáng sinh và Tết tây. Hai tuần lễ cuối năm, công ty kiểm kê hàng hóa và vật liệu tồn kho, xưởng dây chuyền lắp ráp đóng cửa, và nhân viên nghỉ có lương. Cha hãnh diện,

“So với thằng Sang làm trạm xăng một đồng bảy mươi lăm xu (\$1.75) mà không có quyền lợi *chi hết*, việc *ni* tốt gấp mấy lần *chớ phải chơi mô*.”

Tuy nhiên, công việc đòi hỏi khả năng nâng kiện hàng nặng ít nhất 40 cân Anh (khoảng 18 kí). Hôm sau, cha đem hồ sơ đi khám sức khỏe. Kết quả ai cũng biết trước, mẹ trề môi,

“Ông già’ *mi chừ* 52 tuổi, chỉ giỏi tài ôm mấy con bài, làm được *chi* mà *nói tướng* (nói huênh hoang, khoác lác)?”

Cả ngày cha đi ra lại đi vào, *cái nhà là nhà của “cha,”* cha muốn vào phòng nào thì hồn nhiên vặn cửa xông vào, không thềm gõ cửa, và không cần biết trong phòng có ai và người đó đang làm gì. Cha tung hoành khắp nhà như chốn không người, vì chúng tôi không ai dám hó hé mở miệng mà không được cha hỏi trước. Cuối tuần cha biểu tôi chở đi mua sắm áo quần ở thương xá bằng chiếc xe cũ bạn tôi vừa bán vừa cho với giá \$100. Tôi làm tài xế, cha ngồi chễm chệ bên phải băng sau, giống như thời cha cầm đầu một tỉnh, ra ngoài có *tiền hô hậu ủng*, và trước có xe hộ còi sau có xe hộ tống.

Vào tiệm, cha không thềm mở miệng nhờ tôi giúp mà tự đi tìm áo quần đem vào phòng thử và chọn lựa món ưng ý rồi ra quầy trả tiền. Cha cũng tiết kiệm lời nói, không thềm đếm xỉa tới mấy người bán hàng vì khi nói về y phục, rào cản ngôn ngữ giữa cha và người bán hàng rất khó

vượt qua. Về đến nhà, cha xé vụn biên lai và liệng ngay vào thùng rác. Khi mặc lại nếu thấy áo quần mua về không còn vừa ý, cha tức tốc kêu Lâm hay Trọng đem cho kho đồ cũ bên nhà thờ Ba ngôi. Nhà thờ nhận đồ cũ tín hữu tặng để mỗi Chủ Nhật cuối tháng mở *rummage sale* (cuộc bán đồ cũ linh tinh) bán với giá tượng trưng cho người nghèo. Quỳnh Châu và em Bình thi nhau đoán: Cha không biết ở Mỹ hàng mua ra khỏi tiệm trong vòng 30 ngày có thể mang trả lấy tiền lại, hay cha biết mà “sợ” không dám mang đi trả? Không cô nào biết giải đáp.

\* \* \*

Tháng Ba năm 1984, vào năm 61 tuổi cha mất vì cơn liệt tim. Hậu quả của những năm đánh bạc thâu đêm, chơi bời trác táng, uống rượu như hũ chìm, và hút thuốc nhả khói như đầu máy xe lửa. Ngồi trong nhà quán với mẹ và đông đủ các em, tôi hồi tưởng mối liên hệ giữa tôi và người vừa nằm xuống và không tìm thấy một thoáng tình cảm nào ngoài những ràng buộc của văn hóa Khổng Mạnh, các bài học luân lý, và câu ca dao,

*Công cha như núi Thái sơn,*

*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

Tôi không nhớ, trong 36 năm hiện hữu trên cõi đời, có bao giờ được ngồi ăn cơm gia đình chung mâm với cha hay không, nhưng chắc chắn tôi chưa bao giờ nghe một lời nói dịu dàng thương yêu hay săn sóc từ miệng cha. Ngược lại, tôi chưa bao giờ hỏi cha một câu. Cha hỏi, tôi trả lời. Cha ra lệnh, tôi thi hành. Cha chửi mắng, tôi nín khe tôi nghe. Cha đánh đập, tôi nghiêng rặng tôi chịu. Và tuyệt nhiên không hỏi hay xin cha điều gì.

Cha nghiêm khắc và khó lường trước, trông thấy cha là mấy anh em tôi sợ mất vía im thin thít. Không bao giờ chúng tôi dám nói cười khi cha hiện diện. Hôm nay là lần đầu tiên, và lần cuối cùng, tôi và các em vui cười thoải mái trước mặt cha, vì cha nằm yên nằm trong quan tài. Cám ơn cha đã *trả lại nụ cười* cho tụi con.

**Nguyễn Ngọc Hoa**

*Ngày 12 tháng Tám, 2020*

# Cả Tàu Không Ăn Cỏ

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Đầu tháng Mười Một, thời tiết North Dakota chớm vào cuối thu, trời lạnh về đêm, và sáng sớm sương mai đóng băng trên những lá cỏ vàng úa. Trong vòng một tuần, đợt người tỵ nạn cuối cùng gồm hơn hai chục gia đình người Việt, ba gia đình người Miên, và hai gia đình người Lào từ trại tỵ nạn Đồn Chaffee lục tục kéo về Bismarck và xuất hiện trong các khu nhà *apartment* ở vùng phía nam thành phố. Họ là những người còn lại trong Đồn Chaffee khi chính phủ tiến hành việc đóng cửa trại trước khi mùa đông bắt đầu và được chuyển về đây vì North Dakota là một tiểu bang có mức thất nghiệp thấp nhất trên toàn quốc.

Cơ quan thiện nguyện Hội đồng Công giáo Hoa kỳ (USCC) và tiểu bang North Dakota hợp tác để định cư đợt “vét trại” này. USCC là đại diện chính thức của Hội đồng Giám mục Hoa kỳ trong lãnh vực di trú, nhập cư, và tỵ nạn, và do đó tòa Giám mục Giáo phận Bismarck là cơ quan bảo trợ chính thức của họ. Cha Thomas Somers, một phụ tá cha xứ ở thành phố Mandan kế cận, được cử làm trưởng ban định cư của giáo phận. Mandan và Bismarck chỉ cách nhau bảy dặm Anh và được gọi là hai “thành phố sinh đôi.” Tiểu bang thành lập Ủy ban Đặc nhiệm Tỵ nạn Đông dương gồm thống đốc và đại diện các cơ quan chính quyền và dân sự liên hệ để tích cực yểm trợ chương trình định cư.

USCC trung ương ở Nữ Ước gửi về hai cán sự xã hội là cô Mary và anh Bob để gánh vác công việc. Cả hai đều dưới ba mươi và có kinh nghiệm làm việc với người tỵ nạn ở Phi châu và Trung đông. Ngoài việc lo nhà cửa, ăn uống, thuốc men, và việc làm, hai nhân viên này còn đưa người chưa rành tiếng Anh đi học các lớp Anh ngữ căn bản ở trụ sở tòa giám mục. Buổi sáng, họ chia nhau đến từng gia đình, chở người lớn đi học, đưa trẻ em chưa tới tuổi đến trường tới nhà giữ trẻ, và chiều tan trường đưa tất cả về nhà. Mặc dù gia đình tôi không thuộc USCC, mẹ cũng được cho dự một lớp Anh ngữ đó.

Ông Nielsen mục sư trưởng của nhà thờ Ba ngôi Lutheran bảo trợ gia đình tôi có chân trong Ủy ban Đặc nhiệm. Ủy ban cử ông đến nhà yêu cầu tôi và Quỳnh Châu,

“Trong thời gian đầu, những người mới đến cần người tình nguyện đi thông dịch trong các giao dịch quan trọng. Chúng tôi không thể không nhờ anh chị.”

“Ban ngày cháu thường rảnh rỗi và sẵn lòng giúp,” Quỳnh Châu sốt sắng và nói tiếp, “Nhưng chồng cháu phải đi làm, chỉ rảnh vào buổi tối hay cuối tuần; chắc không cần anh ấy đâu.”

“Thật ra chúng tôi cần cả hai người. *Ba Hoa*, nếu dân tỵ nạn cần anh trong giờ làm việc, anh có thể rời sở ra đi mà không sợ bị khiển trách,” ông vịn vai tôi.

“Thật vậy sao bác?”

“Tôi điện thoại cho ông tổng giám đốc Công ty Tiện ích Montana-Dakota, ông ta nói châm ngôn của công ty là ‘*In the Community to Serve*’ (Trong cộng đồng để phục vụ) nên cho phép anh giúp chúng tôi trong những trường hợp khẩn cấp.”

Thế là Quỳnh Châu thành “chuyên viên” xin *welfare* và *food stamps*. *Welfare* là tiền trợ cấp dành cho “gia đình Mỹ có con cần nuôi dưỡng,” và *food stamps* là phiếu thực phẩm cấp cho người lợi tức kém, ghi trị giá bằng đô-la, và có thể dùng mua thức ăn tại các chợ. Nàng làm công việc này lâu dài và thường xuyên đến nỗi trong mấy năm đầu đời của Bích Mạc con đầu lòng của chúng tôi, thằng bé nhập tâm cho đó là việc làm chính thức của nàng. Ngày Bích Mạc lên ba, bắt đầu học nói, và bắt chước điệu bộ và ngôn ngữ người lớn, khi có người hỏi, “Cu Mạc đi đâu đó?” thằng bé làm bộ xách ví đi lon ton ra cửa và vênh mặt trả lời, “Mạc đi xin *food stamps*.”

Tôi là “chuyên viên” hòa giải khi cơ quan công lực cần tới. Giữa đêm khuya sở cảnh sát gọi nhờ đi thông dịch khi họ đáp lại các cú điện thoại gọi cầu cứu. Quỳnh Châu thường thức dậy đi với tôi; nàng nói, “Để cho chồng có bạn và bớt buồn ngủ,” nhưng thực ra biết rằng tôi cần tài phân giải khéo léo của nàng. Nếu là ấu đả trong nhà, tức là chồng *uỳnh* vợ, Quỳnh Châu can ngăn và khuyên nhủ chị vợ trình với cảnh sát cuộc xô xát do hiểu lầm mà ra và không khiêu nại. Tôi thuyết phục anh chồng chịu khó về nhà tôi ngủ một đêm trên ghế *xô-pha* trong phòng khách, thay vì phòng giam ở bót cảnh sát. Cảnh sát thấy êm chuyện, không tiếp tục điều tra, và ra về sau khi chúc mọi người ngủ ngon.

Nếu là xung đột dính dáng tới một hay hai cựu quân nhân trẻ tuổi háo thắng, chúng tôi đến thẳng bót cảnh sát vì họ đã bị còng tay điệu về đó. Ngày Việt nam, họ là chiến binh hào hùng đánh giặc như điên trên rừng và khi về phố ăn nhậu thả giàn, rượu vào lời ra, ai nói gì chạm tự ái là đòi rút dao *lụi liền một khi* – cái thói quen dữ dằn sang Mỹ chưa chịu chừa. Đối với luật pháp Hoa kỳ, đánh nhau tay đôi có thể chấp nhận được, nhưng cầm dao (võ khí giết người) là toan sát nhân. May là các chàng hảo hớn cũng biết ngán, vội vàng buông dao khi nghe gọi cảnh sát, và chưa lần nào gây ra đổ máu. Nhưng không dễ đầu gì mà thuyết phục cảnh sát thả ra: Nếu Quỳnh Châu dùng danh xưng giáo sư Đại học Cộng đồng Bismarck mà không thành công, tôi phải gọi Mục sư Nielsen đánh thức ông dậy đến can thiệp.

Cuối tuần tôi và Quỳnh Châu được đền ơn, mời ăn nhậu, và khoản đãi những món ăn khoái khẩu và mất tiền nhất như tôm càng nướng, cua Alaska loại lớn hấp, hay thịt bít-tết hảo hạng chiên bên ngoài cháy mà giữa còn sống. Chủ nhân dùng *food stamps* để mua những thức ăn này. Tôi không khỏi nghĩ tới giai thoại về người thụ nhận *welfare* và *food stamps* mà mấy người bạn Mỹ kể lại: Hàng đêm vào khoảng hai giờ sáng, khi phần lớn mọi người ngủ để lấy sức sáng mai đi làm, xe hơi sang như Cadillac và Mercedes tấp nập ra vào bãi đậu xe của siêu thị. Từ trên xe (chắc hẳn do người khác đứng tên), các tay ăn *welfare* bước xuống vào siêu thị dùng *food stamps* mua đồ ăn xa xỉ người Mỹ trung lưu ít ai dám rớ, chất đầy xe đầy. Quỳnh Châu lắc đầu không bằng lòng,

“Anh nhớ rằng đây là bạn tỵ nạn nghèo khó dùng *food stamps* tức là phần ăn của gia đình con cái họ để mua của ngon vật lạ đãi mình. Chồng đừng nghĩ quấy cho người ta mà tội nghiệp.”

Từ đó tôi chỉ nhận lời mời nếu chủ nhân bằng lòng cho mang bia tới đãi người lớn và nước ngọt hay bánh ngọt làm quà cho trẻ em. Tôi cũng bị cảnh sát gọi đi trong giờ làm việc, thường vào



lúc bất ngờ nhất. Một hôm cô thư ký vào phòng họp gọi tôi ngay giữa buổi họp với ông Wally phó tổng giám đốc. Tôi đứng dậy đi ra, sau lưng nghe tiếng ông vừa bực mình vừa hãnh diện, “Hôm nào tôi phải gửi cho sở Cảnh sát cái hóa đơn mới được.”

Ông dọa đùa sẽ tính tiền thì giờ tôi làm việc cho cảnh sát. Và đó là lần tôi đi giúp anh Tân. Anh là cựu sĩ quan, binh chủng nào không rõ vì anh không tiết lộ thân thế với ai. Chỉ biết anh độc thân, không bà con thân thích, ở Mỹ cũng như ở Việt nam. Anh làm việc cho hãng ráp và chế tạo đồ phụ tùng máy cày, để dành tiền mua chiếc xe Renault hai cửa cũ, và cuối tuần và ngày lễ lái đi chơi xa một mình – đi đâu anh không nói. Chiều nay, anh lái xe ra ngoài đồng ngoài ranh giới thành phố, lấy can xăng tưới ướt nệm xe, ngồi vào ghế tài xế, và châm lửa đốt. Khi tôi tới nơi, nhân viên cứu hỏa vừa dập tắt ngọn lửa, kéo anh ra khỏi xe, và đặt lên *băng-ca* (tiếng Pháp “brancard” tức là dĩa để khiêng người bệnh).

Tôi ký giấy tờ nhận là thân nhân của anh Tân; cảnh sát tin như thế vì tôi cùng họ với anh. Sáng hôm sau tờ *Bismarck Tribune* đăng tin, bạn đồng sự đến đưa thiệp phân ưu kèm theo món tiền phúng điếu nhỏ cho tôi, và ông Wally đích thân xuống chia buồn, ra lệnh cho tôi đi về nhà, và nhắc nhở theo điều lệ của công ty, nhân viên được phép nghỉ hai ngày để dự đám tang của anh chị hay em. Nhưng tôi thà đi làm để tâm trí bận rộn và khỏi nghĩ tới thi hài cháy đen nứt nẻ của kẻ bạc phước.

\* \* \*

Cha Somers trạc tứ tuần, người phốp pháp béo trắng, và hay cười nụ một cách khó hiểu. Thịnh thoảng, khi một thiếu phụ giàu có trẻ đẹp ở thành phố Mandan bên cạnh mang vật dụng và áo quần tặng các gia đình người Việt, cha đón tôi đi thông dịch. Xong việc cha đưa tôi về ngôi nhà lớn và sang trọng của thiếu phụ, nhà vắng người không có ai ngoài ba chúng tôi. Để tôi ngồi ăn bánh ngọt và uống cà-phê trong phòng khách, hai người lẳng lặng rút lui vào trong. Có lần tôi giả vờ đi tìm phòng vệ sinh và qua cánh cửa phòng ngủ tình cờ mở hé, thấy họ nằm khăng khít thân mật bên nhau. (Sau này, khi biết thái độ xem người Việt như cỏ rác của cha, tôi hiểu ra cha đã dùng tôi làm hình nộm đặt giữa cha và người tình có chồng để mà mắt thế gian.)

Một chiều thứ Sáu, mẹ đi học Anh văn về trễ và tới nhà là gọi tôi và cha ra kể chuyện hồi chiền. Trước đợt vét trại, cha Somers bảo trợ gia đình anh Mục và gửi lên cho một nhà thờ công giáo ở thành phố Williston lo liệu. Williston là vùng mỏ dầu nằm phía tây bắc North Dakota, từ Bismarck lái xe tới mất khoảng bốn tiếng đồng hồ. Vợ chồng anh có ba đứa con, cô bé lớn nhất 15 tuổi, và cậu nhỏ nhất lên sáu. Ba đứa con đã đi học, nhưng anh chị còn thất nghiệp vì việc làm mỏ dầu tuy đầy dẫy và trả lương cao nhưng đòi hỏi phải biết tiếng Anh. Khi nghe tin đợt người mới tới Bismarck được giúp đỡ mọi mặt, anh quyết định rời Williston, đưa gia đình xuống đây, đến văn phòng cha trong trụ sở tòa giám mục, và biểu cô con gái lớn bập bẹ thông dịch để thỉnh cầu cha.

Cha Somers lạnh lùng hỏi,

“Sao các người không ở Williston mà về đây làm gì?”

“Thưa cha, chúng con tiếng tăm không biết, việc vòn không có, bạn bè cũng không, và sống như cấm cung trong nhà. Chúng con nghe nói Bismarck có đồng người Việt và có lớp học Anh ngữ, xin cha cho chúng con dời xuống đây,” vợ chồng anh Mục chấp tay khúm núm.

“Tôi lo cho các người xong rồi. Nếu không về lại Williston, các người làm gì tôi không cần biết,” cha từ chối.

Hai vợ chồng năn nỉ lạy lục cách mấy cha Somers cũng không xiêu lòng. Anh Mục đến đường cùng nước bí,

“Xin cha thương một lần cuối và giúp phương tiện cho chúng con đi California, ở đó chúng con có bạn bè giúp đỡ. Sẽ không bao giờ làm phiền cha nữa.”

“Đã nói không là không, tôi hết trách nhiệm rồi,” cha nghiêng răng.

“Nếu vậy, chúng con sẽ ngồi tại đây đến khi cha đồng ý giúp, hay cả gia đình năm mạng bỏ xác tại chốn này,” anh cương quyết không kém.

“Các người muốn nằm vạ hay muốn chết thì ra gốc cây ngoài sân mà ngồi. Tôi có việc phải làm.”

Vợ chồng anh Mục và ba đứa con thi gan ngồi lì dưới gốc cây trong sân, nhưng không ai đoái nhìn tới họ. Gần bốn tiếng đồng hồ sau, nhóm đồng hương bãi học ra ngoài trông thấy và hỏi thăm tự sự. Mẹ và các bà khác không cần bàn bạc dài dòng, lẹ làng thu xếp mời gia đình anh Mục về khu nhà *apartment* ở tạm. Trong hai ngày cuối tuần, cộng đồng Việt nam nhỏ bé nghèo nàn quyên góp đủ tiền mua vé xe đò và tặng lộ phí cho gia đình bị cự tuyệt để sáng thứ Hai họ lên đường xuôi về miền California nắng ấm.

Tối Chủ Nhật, bác Hòa cựu tham vụ ngoại giao đại diện cả nhóm trao cho tôi thư thỉnh nguyện để nhờ Mục sư Nielsen chuyển đạt đến đức Giám mục giáo phận và ông Thống đốc tiểu bang. Thư mang chữ ký tất cả các chủ gia đình USCC bảo trợ, yêu cầu cách chức cha Somers, và nói rõ ngày nào cha còn tại chức thì ngày đó học viên sẽ “bãi khóa” không đến lớp. Hành động của nhóm người thấp cổ bé miệng lột hết ý nghĩa của tình đồng bào, “*Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ.*”

Học viên “cúp cua” ở nhà hai ngày. Sáng thứ Tư, cô Mary và anh Bob đến từng nhà thông báo cha Somers đã bị thay thế và đón mọi người đi học trở lại. Tội nghiệp cho cái “tàu ngựa” của chúng tôi: đi tỵ nạn mà lại gặp nhằm ông cha hổ mang!

**Nguyễn Ngọc Hoa**

Ngày 26 tháng Tám, 2020

# Chạy Trời Không Khỏi Năng

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Tiên đoán thời tiết trên *ti-vi* tối qua thông báo tuyết đầu mùa sẽ đến sớm hơn mấy năm gần đây. Lần đầu tiên thực sự thấy tuyết, tôi thất vọng nhìn bông tuyết bay lả tả rơi xuống đất tan ngay thành nước, không như hình ảnh tuyết phủ mái nhà và cây cối tuyết đẹp trong phim xi-nê. Khoảng nửa tiếng đồng hồ sau, trận tuyết chấm dứt không để lại dấu vết, và mặt trời ló dạng từ sau đám mây trắng. Hôm nay là ngày lễ Cựu Chiến binh và cũng là lần nghỉ lễ đầu tiên từ khi tôi đi làm việc. Quỳnh Châu giải thích,

“Lễ Cựu Chiến binh cử hành vào ngày 11 tháng Mười Một hàng năm để tôn vinh cựu chiến binh đã từng phục vụ trong quân lực Hoa kỳ. Lúc trước gọi là lễ Đình chiến vì để kỷ niệm ngày thể chiến thứ nhất kết thúc – chính thức chấm dứt vào giờ thứ 11 ngày thứ 11 tháng thứ 11 của năm 1918, khi thỏa ước đình chiến với Đức có hiệu lực. Đến năm 1954 được đặt tên lại thành lễ Cựu Chiến binh.”

Đang lơ đãng nghe chuyện, tôi cúi nhìn bụng bầu của Quỳnh Châu rồi tủm tỉm cười. Nàng thấy nhột nhạt gí ngón tay vào ngực tôi,

“*Ông dông* mà cười miếu chi *dzậy* là trong bụng sinh chuyện tà vạy, chạy đàng trời cũng không sai. Hồi đó, em nghe nói khi giảng bài cho sinh viên, anh hay xen vào các mẫu chuyện khôi hài mà mặt tỉnh bơ, không hề nhếch mép cười.”

“Nghe em kể chuyện lễ Đình chiến, anh nhớ tới cái áo rộng thùng thình mà các bà bầu ở Sài Gòn thường mang bên ngoài, lấy tiếng là che nhưng đúng ra là khoe cái bụng bầu của mình. Tụi anh gọi là ‘áo đình chiến,’ nghĩa là đôi bên phải ngưng . . . chiến đấu để đưa con trong bụng không bị *muội* (ngu) đi, người Việt mình tin vậy,” tôi rán nín cười.

“Em biết chổng thế nào cũng phát ngôn bừa bãi mà! Nhưng em mừng khi thấy anh khởi sắc lấy lại phong độ ăn nói bậy bạ ngày xưa,” nàng véo vào cánh tay tôi.

“Em nên biết ‘áo đình chiến’ khác với ‘miễn chiến bài’ là trường hợp tạm thời tránh . . . giao tranh vài ba ngày khi phe ta tới kỳ hàng tháng.”

Trong các pho truyện Tàu tôi đọc hồi nhỏ, khi hai phe đánh nhau, miễn chiến bài là tấm biển phe cố thủ treo trước cổng thành hay doanh trại để từ chối nghênh chiến khi thấy bất lợi về phía mình. Phe tấn công hàng ngày đến khiêu chiến và nếu địch quân vẫn án binh bất động, dùng mạ thủ (lính chửi) đứng ngoài tầm tên chửi bới nhục mạ để khiêu khích kẻ địch xuất quân. Không tán thưởng lời nói đùa của tôi, Quỳnh Châu nhăn mặt,

“Chồng muốn nói bậy ở đâu cũng được, nhưng đừng nói trước mặt ‘bé Long.’ Em không chịu đâu?”

“Em nói sao? ‘Thằng Thìn’ còn trong bụng em, làm sao con nghe được?” tôi ngạc nhiên.

“Chồng làm rồi! Theo nghiên cứu mới nhất, ấu nhi học hỏi và hấp thụ kiến thức nhanh nhất trong thời gian nằm trong bụng mẹ và ba năm đầu đời. Mấy bà bạn giáo sư trên Đại học Cộng đồng Bismarck (BJC) khuyên em thường xuyên mở nhạc cổ điển và *audiobooks* (sách thu băng) cho con nghe để phát triển khả năng sáng tạo của con. Không những *dạy con từ thuở còn thơ* mà phải dạy từ lúc mới đậu thai anh à,” nàng thuyết phục tôi.

Quỳnh Châu nói đúng: Bích Mạc, tức là “thằng Thìn,” bắt đầu học từ trong bụng mẹ, lên trung học học vĩ cầm để theo gót Einstein, và trở thành một nhạc sĩ đàn vĩ cầm cự phách, mặc dù trong gia đình không ai có năng khiếu âm nhạc. Năm 15 tuổi, Mạc được chọn làm nhạc sĩ trong ban nhạc đại hòa tấu của thành phố, tập dượt và trình diễn ngang tay với những nhạc sĩ đã thành danh. Lên đại học, Mạc được cấp học bổng đi học vật lý lý thuyết (ngành nghiên cứu của Einstein) ở Học viện Kỹ thuật Massachusetts (MIT) ở Boston thuộc tiểu bang Massachusetts.

Quỳnh Châu bỗng nhìn đồng hồ và hoảng hốt,

“Thôi chết rồi! Hồi sáng lúc anh đi tắm, bác Kiệt gọi điện thoại nói sẽ đến đón hai đứa mình đi ăn trưa mà em quên lút. Hình như bác có chuyện nhờ anh.”

Bác Kiệt là người Việt giữ chức vụ cao nhất trong chính quyền tiểu bang North Dakota. Mười bảy năm trước (1958), bác sang Hoa Kỳ du học, học sư phạm và thực tập ở Devils Lake là một thành phố ở đông bắc North Dakota. Về nước, bác dạy học và mở trường dạy Anh văn ở Nha Trang. Một người bạn học hồi đó của bác hiện làm tổng quản đốc nha Giáo dục Quận chúng trông coi các trường trung tiểu học toàn tiểu bang. Sau khi gia đình định cư ở San Jose ở bắc California, bác Kiệt liên lạc với ông bạn cũ, được mời lên Bismarck làm phụ tá tổng quản đốc đặc trách giáo dục tự nạn, và là đại diện của nha trong Ủy ban Đặc nhiệm Tự nạn Đông dương tiểu bang. Để bác gái và các con ở San Jose, bác lên đây thuê *apartment* ở với cậu con trai khoảng 20 tuổi đang đi học BJC.

Bác niềm nở thăm hỏi và đưa chúng tôi tới *steak house* (tiệm ăn mà món đặc biệt là thịt bít-tết) nổi tiếng vì bác biết Quỳnh Châu thích bít-tết. Đợi mọi người ăn tráng miệng bánh ngọt và kem xong, bác mở lời,

“Trường BJC gửi văn thư yêu cầu bác lượng định học lực của hai sinh viên Việt nam xin vào học mà không có giấy tờ chứng minh đã học trường nào hay ngành gì ở Việt nam.”

“Bác đã gặp hai người đó chưa?” tôi dè dặt hỏi.

“Bác đến nhà họ hỏi chuyện qua loa. Nhưng bác đại diện nha Giáo dục nên phải giữ tư thế vô tư, không can dự vào quyết định tuyển chọn sinh viên của BJC. Bác muốn nhờ anh thẩm định với tư cách giáo sư độc lập. Anh có thể soạn bài thi trắc nghiệm, cho họ thi, khảo sát khả năng của họ, và gửi kết quả và khuyến nghị trực tiếp cho BJC, không cần gửi bản sao cho bác.”

“Chuyện này dễ, cháu làm được,” tôi sốt sắng nhận lời.

“Vậy thì tốt quá. Bác có mang cho anh hai cuốn sách toán và vật lý dùng ở bậc trung học Mỹ.”

Tôi soạn bài thi trắc nghiệm bằng tiếng Việt gồm 20 câu hỏi – 10 câu toán và 10 câu vật lý – trình độ lớp 7, hay lớp 8 là cùng. Câu hỏi toán tương đối dễ, chẳng hạn như nếu cho  $2x = 4$  thì  $x$  bằng bao nhiêu. Câu hỏi vật lý hỏi về khoa học thường thức, chẳng hạn như độ sôi của nước là  $100^\circ$  Celsius, đổi qua Fahrenheit là bao nhiêu độ. Tôi giữ trước phòng hội ở sở tôi là Công ty Tiệp ích Montana-Dakota (MDU) và mời hai ứng viên đến dự thi.

“Sinh viên” thứ nhất là Ngươn, một cựu quân nhân trẻ tuổi độc thân đi sang đây một mình, người bé lắt choắt nhưng giọng nói rõ ràng và dáng điệu lắc cắc. Khi biết tôi là giám khảo

chứ không phải “ông Mỹ” nào khác, cử chỉ kiêu ngạo ban đầu biến mất, nhưng Ngươn yên bụng hơn,

“Minh là dân tỵ nạn với nhau, *lá lành đùm lá rách*, anh cho em ‘đậu’ vào trường BJC, em cảm ơn anh nhiều lắm.”

Tôi vờ như không nghe thấy, mời Ngươn ngồi vào bàn, và chỉ dẫn,

“Mỗi câu hỏi có bốn giải đáp: a, b, c, và d; Ngươn cần chọn giải đáp đúng nhất. Trả lời sai không bị trừ điểm nên nếu có câu nào không chắc ăn thì Ngươn cũng nên trả lời đại, đừng để trống mà bị thiệt thòi. Điểm ‘đậu’ là 80 phần trăm, tức là có 16 giải đáp đúng.”

Ngươn làm bài không tới mười phút là xong. Nộp bài thi cho tôi, Ngươn thất vọng ra mặt,

“VẬY mà trong trại Đồn Chaffee ai cũng nói mình tới trường đại học xin học là *nó ô-kê* (okay) liền cái rụp! Anh Lộc nói bọn Mỹ ngu lắm, mình khai trời khai đất gì *nó* cũng tin răm rắp. *Anh* nói học đại học Mỹ dễ ợt, thi *a b c khoanh* không học cũng đậu. Đi học thì *xê-ta* (CETA) trả tiền, *tội chi đi mần* (làm)!”

CETA là chương trình huấn nghệ của chính phủ liên bang cung cấp việc làm trong thời gian từ 12 đến 24 tháng cho người lợi tức kém hay thất nghiệp lâu ngày. Anh Lộc là cựu sĩ quan cảnh sát, anh tự hào thành thạo mọi ngõ ngách ở xứ này và nắm hết tất cả mảnh khoe để “qua mặt bọn Mỹ” và hưởng *welfare, food stamps*, và các trợ cấp xã hội và y tế khác đến mức tối đa. Tôi hỏi,

“VẬY chớ ở Việt nam Ngươn học trường đại học nào?”

“Nói thiệt với anh, em mới học nửa năm lớp bảy thì bỏ học rồi đăng lính Hải quân chớ có học đại học *đại hiếc* nào đâu.”

Ngươn trả lời trúng năm câu, hay 25 phần trăm; kết quả phù hợp với xác suất của trường hợp không đọc câu hỏi và chọn giải đáp cầu ầu. Về sau, Ngươn làm thợ mộc cho hãng chế tạo nhà di động.

Người thứ hai là Lan, một thiếu nữ tóc dài nhan sắc dưới trung bình; cô là con gái út của một gia đình làm nghề kim hoàn ở Hồ Nai Biên Hòa. Dân Hồ Nai toàn là tín đồ Công giáo di cư từ ngoài Bắc vào năm 1954; khi nói chuyện, họ phát âm hai phụ âm *en nờ* (“n”) và *en lờ* (“l”) ngược nhau. Thấy tôi Lan nói ngay,

“Em *nà* em anh *Nộc*. Anh em *lói* anh cố gắng chằm chước cho em ‘đậu’ để em tiếp tục học *nuật* ở BJC. Bố mẹ em sẽ không quên ơn anh đâu.”

Tôi biết anh Lộc là anh rể của Lan. Nàng ngồi cắn bút suy nghĩ làm bài hơn nửa tiếng đồng hồ rồi nộp bài và toan đứng dậy ra về. Tôi đưa tay ngăn lại,

“Ở Việt nam Lan học luật năm thứ mấy?”

“Em mới học *lăm* thứ nhất. Anh *Nộc* em *lói* học đại học Mỹ dễ *nắm*, không khó tàn canh gió *nạnh* như bên Việt *lam* mình.”

“Đại học Luật khoa thuộc viện Đại học Sài gòn ở đâu, đường nào, Lan nhớ không?” tôi thấy bất nhẫn khi phải dùng tới câu hỏi này.

“À, trường em *lăm* trên cái đường gì gì đó *nâu* quá em quên tên. Em nhớ trước cổng trường có cây,” nàng lấp vấp trả lời.

“Lan nhớ đã học những môn nào, với giáo sư nào không?”

“Anh *nằm* như em có tài nhớ dai kinh khủng không bằng! Con gái hay quên mà anh,”  
nàng cười khanh khách, cứ như là . . . thực.

Lan trả lời trúng ba câu, hay 15 phần trăm; nhắm mắt khoanh bừa có khi cao điểm hơn. Tôi tin nàng không thể học tới lớp bảy. Về sau, nàng đi học nghề uốn tóc, CETA trả lương giống như đi làm việc, ông bố bỏ tiền mặt ra mua cho nàng chiếc xe Chevrolet Nova đời 1976 mới toanh (có lẽ người khác đứng tên), và nàng lái vi vút chạy khắp phố phường. Bọn con trai độc thân ganh tị cười nhạo,

*Làng* (nàng) *Nan học luật lái xe neo nề, lái nui lái tới một núc vẫn nên* (lên) *nề. Anh Nộc lái lái xe lô-và* (Nova) *chớ nằm ne* (làm le) *lái nẹ và đừng tơn nép* (turn left).

\* \* \*

BJC gửi thư cảm ơn tôi và MDU đã hết lòng cộng tác trong việc lượng giá sinh viên tỵ nạn, bản sao gửi ông tổng giám đốc công ty. Trong phiên họp hàng tuần của ban tham mưu, ông Wally phó tổng giám đốc công khai đọc thư, khen ngợi tôi, và nhắc nhở nhân viên châm ngôn của MDU là “*In the Community to Serve*” (Trong cộng đồng để phục vụ). Từ đó, mỗi sáng tới sở anh bạn Charlie chào tôi bằng câu “Chào ông giáo sư.”

Nhân một số kỹ sư trong ban tham mưu cần sửa soạn thi kỹ sư chuyên nghiệp (Professional Engineer, hay PE), Charlie và các bạn khác yêu cầu “ông giáo sư” dạy luyện thi cho bạn đồng sự. Ở Hoa kỳ, kỹ sư tốt nghiệp trường đại học phải làm việc trong ngành mình tối thiểu bốn năm và hội đủ một số điều kiện khác rồi mới nộp đơn xin thi PE do tiểu bang tổ chức mỗi năm hai kỳ. PE không phải là văn bằng theo nghĩa đích thực, nó chứng nhận đương sự là “kỹ sư chuyên nghiệp đăng bộ với tiểu bang.” PE được cấp con dấu để đóng vào các văn kiện cần ký tên và khi ký có quyền dùng danh hiệu “PE” sau tên mình; thí dụ, “*Ba Hoa* XXXX, PE”. Tôi hân hoan nhận lời và dành riêng phòng hội mỗi chiều thứ Năm, bắt đầu từ ba giờ chiều, làm lớp luyện thi. Lớp học thành công mỹ mãn: bạn tôi đậu 100 phần trăm.

Về sau, khi nhận thấy các bạn khiếm khuyết về một ngành học nào đó, chẳng hạn như phương pháp giải các bài toán trong hệ thống điện lớn – ngành sở trường của tôi, tôi lại “đăng đàn” dạy học. Bốn năm sau, BJC mời tôi dạy lớp Giải tích Mạch Điện độc nhất trong thành phố với tư cách giáo sư thỉnh giảng, và dĩ nhiên tôi nhận lời. Lớp này nằm trong chương trình chuẩn bị cho sinh viên sau hai năm học BJC chuyển trường sang đại học bốn năm và tiếp tục học ngành kỹ thuật điện.

Cái “nghiệp” dạy học đeo đuổi tôi sang tận Hoa kỳ như thể tôi *đã mang lấy nghiệp vào thân*. Đúng là *chạy trời không khỏi nắng!*

**Nguyễn Ngọc Hoa**

Ngày 9 tháng Chín, 2020

# Còn Nợ Một Lời Xin Lỗi

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Giữa tháng Mười Một, mặt trời North Dakota lặn sớm, mới năm giờ chiều mà đã chạng vạng tối. Chiều nay tan sở, tôi và anh bạn Charlie đứng xếp hàng sau chiếc xe chở hàng phân phát gà tây ở góc bãi đậu xe; hàng năm, vào khoảng thời gian này, công ty tặng nhân viên mỗi người một con gà tây để ăn lễ Tạ ơn. Charlie hiểu kỳ hỏi tôi,

“Ở Việt nam anh có ăn gà tây hay mừng lễ Tạ ơn không?”

“Ngày Sài gòn tôi biết hai điều: Lễ Tạ ơn vào ngày thứ Năm tuần lễ chót của tháng Mười Một, và lính Mỹ đóng ở bất cứ nơi nào trên thế giới đều được ăn tiệc gà tây trong dịp này. Gà tây thì mỗi năm tôi ăn một lần – vào đêm Giáng sinh, khi được mời dự bữa ăn nửa đêm theo kiểu Pháp sau khi đi lễ mi-xa nhà thờ,” tôi ngượng ngập trả lời.

“Anh nhớ lễ Tạ ơn nhằm ngày thứ Năm thứ tư của tháng Mười Một chứ không phải thứ Năm cuối cùng vì có khi tháng Mười Một có đến năm ngày thứ Năm,” chàng nháy mắt bên mắt chỉnh tôi, “Đối với dân Mỹ, lễ Giáng sinh mang tính cách tôn giáo và lễ Tạ ơn thiên về gia đình hơn. Nhưng cả hai đều là dịp gia đình sum họp vui vầy. Hàng năm vợ chồng tôi ăn lễ luân phiên giữa hai nhà: nếu Tạ ơn với gia đình tôi thì Giáng sinh với gia đình bà xã, và năm sau thì ngược lại.”

Ở nhà tôi, trong những ngày trước lễ Tạ ơn, cha rộn ràng mở tiệc “cám ơn Chúa” lần lượt mời ông bà Mục sư Nielsen, ông bà Gardner, cặp vợ chồng “thân” nhất với cha khi đi lễ nhà thờ, và sau hết là bác Kiệt đến nhà “dùng cơm gia đình.” Tuy cha không giao thiệp với “đám Việt nam không ra chi,” nhưng bác Kiệt là ngoại lệ. Cha nghe nói trước đây bác mở trường dạy Anh văn ở Nha Trang và chắc hẳn thế nào bác cũng biết cha đã giữ chức vụ quan trọng ở vùng duyên hải và sẽ phục cha không biết để đâu cho hết.

Bác Kiệt mang bó hoa tươi tắn tặng mẹ; cha đón nhận và biểu tôi tìm bình hoa cắm vào và để giữa bàn phòng khách, nhưng không gọi mẹ ra chào. Như các khách người Mỹ dự tiệc trước, bác Kiệt rất đỗi ngạc nhiên nhưng không nói gì khi thấy bàn tiệc chỉ có cha và bác ngồi đối diện nhau. Xưa nay cha vẫn đãi khách như thế. Mẹ nấu nướng sau nhà bếp, Quỳnh Châu và Bình phụ giúp để kịp làm món ăn trong thực đơn cha đề ra, và bọn con trai là đội ngũ hầu bàn phục vụ tỉ mỉ. Bác khen dồi các món ăn mẹ nấu và lắng nghe cha khoe khoang thành tích và quyền hành ngày cũ, nhưng không hòa theo tán dương; có lẽ cha thất vọng lắm. Bác khiêm tốn,

“Thưa bác, tôi dạy học nên không biết nhiều về quân sự và chính trị.”

Khi ăn trái cây tráng miệng, cha hết chuyện nói bèn chuyển sang đề tài mà *chín người mười ý*, dân tỵ nạn lúc nào cũng tranh luận sôi nổi và trong lúc cãi cọ khó lòng giữ được hòa khí: Tại sao mình mất nước? Cha đưa ra ý kiến huyền hoặc,

“Nếu mà *thằng* Mỹ và *thằng* Pháp không bắt *thằng* Thiện từ chức, bây giờ Việt nam Cộng hòa (“VNCH”) mình vẫn còn khả năng chiến đấu và chưa mất.”

Bác Thiện là bạn thân và cũng là thần tượng của cha. Ngày tôi học đệ tam niên trường kỹ sư, cha muốn kết thông gia với bác và ép tôi làm rể. Tôi không bằng lòng, cha nổi trận lôi đình từ bỏ “thằng con bất hiếu bất mục,” và tôi cuốn gói bỏ nhà ra *đi bụi đời*. Tôi nhớ như in tối thứ Hai 21 tháng Tư (1975), cả gia đình xúm xít trước chiếc *ti-vi* đen trắng xem trực tiếp truyền hình bác Thiện tuyên bố từ chức tổng thống tại dinh Độc lập. Không đồng ý với cha nhưng bác Kiệt nhẹ nhàng hỏi,

“Thế ạ? Làm sao ông Thiện làm được?”

“Thằng *nó hấn* giỏi ghê...ê...ê...ê...ê lắm,” cha thán phục nói lớn.

“Thưa bác, ông ấy giỏi làm sao ạ?” bác Kiệt vẫn từ tốn.

“Tiếng Anh và tiếng Pháp *hấn* giỏi ghê lắm,” cha suy nghĩ vài giây rồi nói thêm, “*Hấn* là thằng tướng duy nhất tốt nghiệp đại học trước khi gia nhập quân đội.”

“Điều này mới, tôi chưa được biết. Ông ấy học đại học nào ạ?”

“Sau khi học hết đệ tứ (lớp 9) và đậu bằng *diplôme* (Trung học đệ nhất cấp), *hấn* học trường Hàng hải và hai năm sau tốt nghiệp sĩ quan hàng hải. *Hấn* không thèm làm việc trên tàu biển khi biết tụi Pháp trả lương thấp hơn sĩ quan Pháp và ghi tên nhập học trường Võ bị Quốc gia khóa 1 ở Đập Đá Huế. Chỉ có tay tài giỏi kinh hồn như *hấn* mới có cơ lật ngược thế cờ.”

Trường Việt nam Hàng hải sau này thuộc Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật ở Phú Thọ, trung tâm gồm cả trường Cao đẳng Điện học của tôi, và chương trình sĩ quan hàng hải ngang hàng với bậc cán sự kỹ thuật. Ngày Sài gòn, tuy cãi lệnh cha về việc hôn nhân, tôi vẫn một lòng kính trọng vị nguyên thủ quốc gia vì thấy bác là người đàng hoàng chín chắn nhất trong số các tướng lãnh và chính trị gia đương thời.

\* \* \*

Trong đợt người từ trại tỵ nạn Đồn Chaffee đến Bismarck định cư sau cùng, bác Hòa được mọi người kính nể nhất. Bác là đệ nhất tham vụ tòa Đại sứ VNCH tại Trung hoa Dân quốc (Đài Loan), nhân vật số hai của tòa đại sứ. Bác trạc dưới bốn mươi, người tầm thước lịch sự, nói năng dịu dàng, và làm việc ở nha Chức nghiệp North Dakota và chuyên tìm việc cho người Việt. Bác gái trẻ hơn bác hai, ba tuổi, mặt đẹp như hoa, và thường kiên nhẫn chỉ dẫn cho các bà các cô về lối sống gia đình ở Mỹ.

Bọn đàn ông thường vẫn kể bác Hòa về việc mua xe hơi, mua bảo hiểm, và bảo trì xe cộ. Hầu hết những người này chưa bao giờ ngồi vào ghế tài xế lái xe nên làm chủ chiếc *xế tứ* và oai vệ lái *phom phom* chạy ngoài đường là ước ao tốt cùng. Có việc làm và để dành đủ món tiền trả trước là tính ngay đến chuyện mua xe. Với túi tiền giới hạn, họ chỉ đủ sức mua xe cũ – có tên văn hoa là xe *tiền sở hữu* (pre-owned) – và trở thành mồi ngon cho hãng và người bán xe cũ. Những người bán xe cũ *học một sách* lừa dối khách hàng nghèo mà cần mua xe như nhau. Thí dụ, dù chiếc xe cộc cạch đã chạy sáu, bảy chục ngàn dặm Anh, anh nào cũng lôi ra bài quảng cáo cũ mèm,

*Máy móc và bên trong xe còn mới toanh. Chủ trước là bà cụ già góa chồng giữ gìn xe cẩn thận và mỗi tuần chỉ lái đi nhà thờ một lần.*

Bác Hòa hay kể câu chuyện khôi hài,



*Người bán xe cũ và luật sư là hai hạng người chuyên ăn gian nói dối. Hỏi: Làm sao biết được khi nào họ nói dối? Trả lời: Khi thấy môi họ mấp máy!*

Điều kiện cần để mua xe cũ là có vài trăm đô la trả trước và việc làm, tức là có lương để trả góp hàng tháng. Sau khi hai bên thương lượng giá cả mà thua thiệt về phần người mua, anh bán xe cũ “thương tình” khách hàng và vào trong văn phòng “năn nỉ ông sếp” đồng ý cho vay trả góp số tiền còn lại với lãi suất “rất nhẹ.” Anh ta thừa biết nếu khách hàng ra nhà băng vay tiền mua xe, nhà băng sẽ từ chối vì khách không hội đủ tiêu chuẩn về lợi tức để trả nợ. Thế là ông di dân mới hí hửng ký giấy vay nợ mua xe với mức lãi cắt cổ 29 phần trăm một năm, rước về chiếc xe cà rịch cà tang, và ề lửng kéo cày trả nợ 36 tháng dài.

Tôi không phải qua *cầu đoạn trường* đi mua xe cũ vì hai tuần sau khi tôi nhận việc, Charlie mua xe mới và tặng tôi chiếc Chevrolet Chevelle đời 1967 cũ của anh; tôi nhận xe và cuối tháng lãnh lương đưa cho anh 100 đô la. Chiếc Chevelle tám máy to gần bằng chiếc tàu đánh cá di tản ra biển Đông, dư sức chở người và đồ đạc đi câu cá hay cắm trại, thoải mái *cõng* bàn ghế tủ giường khi dọn nhà giùm, *ăn chịu* với tôi hơn hai năm, và gồng mình qua ba mùa đông dài không hề ho hen hư hỏng. Bạn tỵ nạn gọi nó là chiếc “phi thuyền” và chế nhạo tôi *kẹo kéo* bunn xinn, đi xe cũ kỹ xấu xí làm “người Việt mình” *mất mặt bầu cua* với Mỹ.

\* \* \*

Cuối tuần lễ Tạ ơn, mẹ, bác Hòa gái, và vài bà khác tụ họp nấu nướng ở nhà bác Hòa để mừng lễ Tạ ơn trễ, tổ chức thành một buổi sinh hoạt chung. Sau bữa ăn thịnh soạn, mọi người chia làm hai phe: Phe đàn bà ngồi ở phòng ăn bàn chuyện . . . đàn bà, phe đàn ông tiếp tục uống bia và cãi nhau chí chóe trong phòng khách. Như một truyền thống tự ngàn xưa, chuyện gì đàn ông An nam cũng cãi nhau cho bằng được, và chuyện gì họ cũng khẳng khẳng cho mình giỏi mình đúng và mọi người khác đều dở đều sai. Thí dụ, khi nói về chuyện bảo hiểm xe cộ, anh nào cũng gân cổ trưng ra lý lẽ chứng tỏ hãng bảo hiểm của mình có uy tín nhất, mình mua bảo hiểm rẻ nhất, và hợp đồng bảo hiểm của mình tốt nhất, và các người khác đều chọn lầm và mua lầm. Làm tôi nhớ lại chuyện ngụ ngôn “*thầy bói mù xem voi*”! Họ chỉ đồng ý với nhau một điều, “Bọn Mỹ trong sở tao ngu như bò. Tao hỏi mua xe ‘mới’ trả bảo hiểm bao nhiêu tiền, tụi nó ngu ngơ lắc đầu không biết và biểu tao gọi hãng bảo hiểm mà hỏi.”

Thấy tôi ngồi yên tay cầm lon bia còn uống dở, bác Hòa bước lại,

“Sao không nói năng gì cả vậy, anh cần thêm gì không?”

“Dạ không. Rượu vào lời ra, cháu chưa đủ *đô* (dose) nên chưa *thừa thốt* và còn *dựa cột mà nghe*,” tôi cười cười.

“Vậy thì anh qua kia ngồi nói chuyện ba lẳng nhăng với tôi. Hay là muốn sang với ‘cô ấy’ để hóng chuyện ngồi lê đôi mách của các bà?” bác chỉ sang phòng ăn; nói “cô ấy” bác ám chỉ Quỳnh Châu.

“Cháu mà lết sang bên kia thế nào cũng bị ‘cô ấy’ đuổi trở lại đây, ‘Khu *liền bà*, anh léo hánh tới làm *chí*?’ Vả lại, cháu có chuyện quan trọng muốn hỏi bác,” tôi đứng dậy đi theo bác; hơn nửa năm nay tôi băn khoăn thắc mắc về chuyện bác Thiện.

Đầu tháng Tư dân Sài Gòn đồn đại bác Thiện ra lệnh cho thống đốc Ngân hàng Quốc gia liên lạc với hai hãng hàng không Trans World Airlines và Pan Am và hãng bảo hiểm Lloyd's of London để chuyển 16 tấn vàng ra ngoại quốc nhằm tài trợ chính phủ lưu vong và mua vũ khí cho quân kháng chiến trong trường hợp đất nước lọt vào tay Cộng sản. Đêm thứ Sáu 25 tháng Tư, bốn ngày sau khi từ chức, bác rời Sài Gòn bay sang thủ đô Trung Hoa Dân Quốc là Đài Bắc với danh nghĩa đi phúng điếu cố Tổng thống Tưởng Giới Thạch mất trước đó ba tuần rồi bay đi Anh quốc. Tiếng đồn lan rộng lên: Bác lấy 16 tấn vàng mang theo. Từ đó, mỗi khi nghe người đồng hương lên án bác biến thủ tài sản quốc gia, tôi không biết thực hư nên cứ xót xa trong lòng. Bây giờ có dịp hỏi bác Hòa,

“Thưa bác, ông Thiện có mang 16 tấn vàng sang Đài Bắc hay không?”

“Làm quái gì có chuyện đó! Trong trại Đồn Chaffee, tôi đã cãi cọ với nhiều người về lời đồn ác nghiệt này. Thủ phạm không ai khác hơn lũ Việt Cộng lưu manh phao tin láo toét, trong lúc phần lớn dân mình ngây thơ dễ tin. Nhưng có đôi ba thằng tướng tá vốn hèn nhất ôm vợ con của cải chạy trốn, có tật giat mình, và đồn rân lên để bôi nhọ ông Thiện xuống hàng giun dế như nó,” bác Hòa giận dữ mặt đỏ gay.

“Sao bác biết chắc như vậy?”

“Tôi không biết thì ai biết? Ông Thiện đến Đài Bắc bằng máy bay quân sự Mỹ. Đại sứ Kiến là anh ông Thiện đi vắng, đi đâu không biết, và đích thân tôi ra phi trường đón đưa gia đình ông Thiện,” bác giơ tay ra quả quyết, “Chính tay này mang tất cả 31 chiếc va-li của gia đình ông Thiện từ trên máy bay xuống cũng như đưa lên máy bay khi họ rời Đài Bắc đi Anh. Nếu chia đều 16 tấn vàng cho 31 chiếc va-li, mỗi va-li phải đựng vào khoảng nửa tấn, tức là 500 kí. Làm sao sức người có thể đưa lên đưa xuống máy bay?”

Hơn ba thập niên sau, năm 2006, chính phủ Việt Cộng cuối cùng thú nhận toàn bộ số vàng gồm 1,234 thỏi vẫn nằm y nguyên tại Sài Gòn và được bàn giao cho chúng "khớp với sổ sách từng chi tiết nhỏ." Nợ bác Thiện một lời xin lỗi những kẻ phe VNCH đã kết tội bác, dù tưởng làm hay có ác ý. Nhưng không ai đứng lên tạ lỗi. Dầu sao đã cũng trễ rồi. Bác mất năm năm trước tại Boston thuộc tiểu bang Massachusetts.

**Nguyễn Ngọc Hoa**

*Ngày 23 tháng Chín, 2020*

# Mộng hay Thực?

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Ngày thứ Sáu sau lễ Tạ ơn là ngày dân chúng Hoa kỳ đi mua sắm rầm rộ nhất trong năm. Bắt đầu từ đó, ai nấy đều bận trí trang trí cây Nô-en, tìm quà tặng người thân, và sửa soạn sum họp gia đình trong dịp lễ Giáng sinh. Nhiều nhà giăng đèn quanh nhà, ban đêm sáng trưng; có người ra công dựng cảnh Chúa Hài đồng chào đời hay kết đèn thành hình Ông già Nô-en ngồi xe nai tuần lộc. Tối Chủ Nhật giữa tháng Mười Hai, cả nhà tôi đang kê rề ăn cơm thì Trọng em út từ ngoài cửa chạy vào la hoảng,

“Anh *Ba Hoa*, người ta đến trước nhà mình đông lắm, không biết để làm gì.”

Tôi ra trước hàng hiên thấy khoảng mười người mặc áo lạnh mùa đông và đội mũ len che kín đầu lố nhố trong sân. Một người bước ra đánh nhịp, và cả nhóm hát vang lên. Không biết họ làm như thế vì lý do gì, tôi hoảng hồn toan quay lưng chạy vào nhà. Nhưng Quỳnh Châu nhanh tay giữ lại, nói nhỏ bên tai tôi, “Họ hát dạo mừng Giáng sinh đó anh,” và cất tiếng hát theo,

*O holy night, the stars are brightly shining,*

*It is the night of the dear Savior's birth.*

*Long lay the world in sin and error pining,*

*Till He appeared and the soul felt its worth.*

(Ô đêm thánh, ngàn sao sáng rỡ,

Là đêm đấng Cứu rỗi thân yêu đản sinh.

Lâu rồi thế gian tàn tạ nằm trong tội lỗi và lỗi lầm,

Đến khi Người hiện xuống và linh hồn cảm thấy đáng giá.)

(Adolphe Adam & John Sullivan Dwight - "O Holy Night" [Ô Đêm Thánh])

Nhóm du ca hát thêm một bài nữa trước khi đi qua nhà khác, tôi và Quỳnh Châu vỗ tay tiễn đưa. Tôi cười dã dã,

“Chồng em thiệt *quê một cục*, xuýt nữa bỏ chạy!”

“Anh không biết, lo ngại cũng đúng thôi. Những bài hát mừng Chúa Giê-su ra đời (tiếng Anh là ‘carol’) đầu tiên viết bằng tiếng La-tinh từ thế kỷ thứ tư và thứ năm, nhưng đến thế kỷ thứ 13 mới được liên kết với lễ Giáng sinh. Những thánh ca đó dần dần được quảng bá trong dân gian, và đi hát dạo *carol* trong mùa Giáng sinh (tiếng Anh nói là ‘caroling’) trở thành truyền thống từ đời này sang đời khác bên Âu châu.”

“Sao cô vợ dễ thương *rành sáu câu* vậy?”

“Hồi học ở Stanford, em xa nhà năm mùa Giáng sinh và năm nào cũng được bạn mời về nhà ăn lễ với gia đình bạn nó. Đôi khi bạn rủ em *caroling* như mấy người này.”

Trong khi mọi người chuẩn bị mừng Giáng sinh, tôi, bác Kiệt, và bác Hòa chạy đôn đáo tổ chức tiệc ăn mừng năm mới (1976) để nhóm dân tỵ nạn cảm ơn ân nhân bảo trợ, bạn mới hào hiệp, và hàng xóm tốt bụng. Bữa tiệc cử hành vào năm giờ chiều thứ Bảy cuối năm ở hội trường Đại sảnh Tín hữu của nhà thờ Ba ngôi Lutheran. Thư mời phổ biến khắp North Dakota, thống đốc và một số viên chức chính phủ tiểu bang cũng đến dự. Mẹ và bác Hòa gái cùng với các bà khác

sửa soạn trước thức ăn suốt cả tuần lễ, ngày thứ Bảy khởi sự nấu nướng từ sáng sớm. Thực đơn gồm chả giò, cơm chiên Dương Châu, và phở, tất cả được quan khách nhiệt liệt ngợi khen. Từ *Bismarck Tribune* gửi phóng viên đến dự, và số báo Chủ Nhật tường thuật bữa tiệc và đăng công thức nấu ăn của ba món này.

Tôi cùng mấy bạn thanh niên độc thân đứng ngoài cửa đón khách. Ông thống đốc dừng lại bắt tay và niềm nở hỏi thăm từng người. Một bạn tên Phiến có tiếng ưa phát ngôn bữa bãi nhe răng cười duyên và phang ra một câu *xanh rờn*,

“You are very handsome (Ông đẹp trai quá!)”

Ông thống đốc trạc lục tuần, thuở thiếu thời là nông dân làm việc đồng áng nên da mặt dãi dầu nắng mưa trông rất khắc khổ, giật mình vì câu khen không nhằm chỗ, nhưng không hề bối rối; ông quay sang cười với bà vợ,

“Bà thấy không? Vậy mà bà chê tôi xấu xí hoài!” và trả lời Phiến, “Năm tới ta tái ứng cử, con nhớ nhắc mọi người bỏ phiếu cho anh thống đốc già ‘đẹp trai’ này nhé!”

Chúng tôi cảm động khi thấy ba cặp vợ chồng Việt - Mỹ, vợ Việt chồng Mỹ, ở nơi khác lái xe đường xa đến dự. Đầu tiên, tôi há hốc mồm ngạc nhiên khi bất ngờ gặp lại Tú Anh, cô bé hàng xóm của tôi ở Ban Mê Thuột. Nàng nhỏ hơn tôi năm, sáu tuổi, hồi đó hay sang nhà tôi chơi và quần quít bên tôi như bóng với hình, và sau đó gặp lại tôi một lần ở Sài Gòn trước ngày 30 tháng Tư. Russ chồng nàng trạc tuổi tôi, cao lòng ngực với khuôn mặt hiền lành và nụ cười chất phác, và nói tiếng Việt khá thành thạo. Ngày ở phục vụ Việt nam anh là hạ sĩ bộ binh rồi bị Việt Cộng bắt làm tù binh. Về North Dakota anh là nông dân, từ nông trại gia đình anh lái xe tới mất khoảng một tiếng đồng hồ.

Cặp thứ hai là Phượng và chồng là Dean. Phượng người nhỏ thó, tóc ngắn, nước da ngăm đen, và nói năng dịu dàng. Nàng lớn lên ở Hồ Nai Biên Hòa, sau khi đậu Tú tài II vào làm việc trong căn cứ Không quân Biên Hòa, và gặp Dean là hạ sĩ quan Không quân Hoa Kỳ. Hai người yêu nhau, làm đám cưới, và đến năm 1973 cùng về Mỹ. Giống như Russ, Dean làm ruộng và nuôi bò cùng với cha và ở cách Bismarck không tới một tiếng đồng hồ. Và cũng giống như Tú Anh, Phượng được gia đình chồng cũng như cộng đồng thôn dã chung quanh một lòng kính mến.

Nếu nói tôi sững người khi trông thấy Thúy Hạc thì khá nhẹ. Dáng mảnh khảnh thướt tha, mặt trái xoan, làn da trắng mịn, và hàm răng đều đặn, nàng trông rất quen nhưng tôi không nhớ ra đã thấy hay gặp ở đâu. Người thiếu nữ tóc dài đẹp tuyệt vời cũng ngần ngại nhìn tôi, Ralph chồng nàng xin lỗi,

“Chúng tôi ở Dickinson và xem nhằm giờ bắt đầu nên đến trễ.” Dickinson chỉ cách Bismarck 100 dặm Anh về phía tây, nhưng thuộc về múi giờ khác và đi sau Bismarck một tiếng đồng hồ.

“Không sao, chúng tôi còn thức ăn Việt nam đủ cho một nửa thành phố Bismarck này,” tôi đưa hai người đến bàn Phiến ngồi và nhờ tiếp đãi, trong lòng không ngớt băn khoăn.

Sau này dù chơi thân với Thúy Hạc, tôi vẫn không biết gì nhiều về thân thế của nàng. Nàng nói tiếng Anh lưu loát và đúng giọng như người sinh trưởng ở Mỹ, nói tiếng Việt giọng Nam lịch sự

và hòa nhã, và nghiêm mặt nói lảng sang chuyện khác khi ai hỏi về đời tư nàng. Ralph là đại úy tâm lý chiến khi phục vụ ở Việt nam, hai người lấy nhau rồi về Mỹ năm 1973, và Ralph làm cán sự xã hội trong dưỡng trí viện ở Dickinson.

Nhờ quen biết với ba cặp vợ chồng này, hoạt động giải trí cuối tuần của nhóm bạn chơi thân với tôi trở nên phong phú và đặc sắc. Chúng tôi gồm có Phiến và ba, bốn anh cựu quân nhân Hải quân lớn tuổi hơn tôi, có anh gần tứ tuần, rất tháo vát và có nhiều sáng kiến. Phiến đa tài, chịu khó, và khi đi chơi chung thường *bao thầu* luôn phần công việc đáng lẽ tôi phải phụ giúp,  
“Anh *Ba Hoa* làm *thợ vịn* chỉ vương tay vương chân người khác. Xê ra cho *tui* nhờ!”

Chúng tôi kéo nhau đi thăm nông trại cả đoàn; lúc nào chủ nhân cũng vui mừng thiết đãi và yêu cầu ở lại chơi qua đêm. Trẻ con tha hồ chạy nhảy, đi xe đạp, hay ra đồng thả diều, các bà xúm vào bếp nấu món ăn Việt nam, và bọn đàn ông tự động đi bắt “gà đi bộ” làm thịt. Nông trại có chuồng gà là căn nhà nhỏ nuôi vài trăm con gà ban ngày thả đi ăn rong, tối mới gọi về chuồng ngủ. Muốn ăn thịt heo tươi thì kêu chủ nhân dẫn sang nông trại nuôi heo gần đó mua con heo con giết thịt ăn liền. Russ chồng Tú Anh lâu lâu thấy chó vô chủ chạy rông ngoài đồng, bắt nhốt lại, và gọi điện thoại nhắn các ông bạn Việt nam lên xử tội.

Thỉnh thoảng chúng tôi đặt mua con bê. Chủ nhân mang bê ra đồng bắn chết để chúng tôi xé thịt, nhặt cành cây khô làm củi, và nổi lửa làm bê thui ăn nhậu tại chỗ. Có lần thằng Sang mang theo hai chai rượu uity-ki (whiskey) còn lưng nửa. Con bê vừa ngã xuống, em tôi nhảy tới cắt tiết, hứng đầy vào chai, và lắc đều rồi chuyền tay cho mọi người uống; nó nói,  
“Rượu ngưng huyết, tức là tiết bò, bổ dương *hết sảy*.”

Tôi chết nhát lắc đầu, nhưng Dean chồng Phượng *chịu chơi* cầm chai tu, không chịu kém em tôi. Trong nhiều năm sau, mỗi lần gặp tôi Dean cười ngỏn ngoẻn chỉ cậu con trai út,  
“Đó là kết quả của chai uity-ki bổ dương của anh Sang.”

Những dịp cuối tuần nghỉ ba ngày về mùa hè, chúng tôi đi cắm trại, chọn địa điểm là hồ lớn hay cánh rừng gần Dickinson, và rủ gia đình Thúy Hạc đi cùng. Tới nơi chúng tôi tìm khoảng đất phẳng kín gió để cắm lều rồi dẫn trẻ con đi câu cá, bơi lội, hái xà-lách-*xoong* bên bờ hồ và dâu hoang trong rừng, và đôi khi lén bẫy chim. Tôi giữ nhiệm vụ nhóm lửa lò than và nướng cá câu dưới hồ lên và thịt nướng các bà ướp sẵn ở nhà mang theo. Cả bọn nhậu nhẹt tung bưng, ba hoa chuyện trên trời dưới đất, và đàn hát lảng nhăng đến khi mệt nhoài thì chui vào lều nằm ngủ. Sau một đêm ngoài trời, hôm sau chúng tôi về nhà Thúy Hạc tiếp tục ăn uống và vui chơi như lúc đi thăm nông trại; Ralph chồng nàng thường là người đầu tiên bỏ cuộc đi ngủ trước. Nàng luôn luôn âu yếm săn sóc tôi, nhưng nói bằng tiếng Anh nên không ai để ý.

\* \* \*

Vài năm sau, các cuộc cắm trại tập thể và họp mặt ở nhà Thúy Hạc thưa dần rồi ngưng hẳn. Tôi và Quỳnh Châu vẫn ghé thăm và ngủ đêm nhà Thúy Hạc vì thằng Sang đã thôi việc trạm xăng và trở lại trường, học kế toán ở Đại học Tiểu bang tại Dickinson (Dickinson State College). Em tôi ở nội trú và cuối tuần đi làm *bartender* (pha rượu và phục vụ nước uống trong quán *ba*) nên không về Bismarck.

Mùa thu năm 1978, Quỳnh Châu cùng bé Bích Mạc đi Âu châu thăm gia đình nàng một tháng. Tôi ở nhà giữ lệ cuối tuần lên Dickinson chơi với thằng Sang. Một sáng thứ Bảy, tôi dậy sớm trong ngôi nhà trống vắng, nhớ vợ con da diết, mong được nói chuyện với một người bạn nào đó, và rời nhà sớm hơn thường lệ. Lái xe vào *driveway* (lối xe đi từ ngoài đường vào sát nhà hay cửa *garage*) nhà Thúy Hạc, tôi nhớ ra hôm ấy Ralph đưa hai cậu con trai về tiểu bang Indiana thăm bà nội. Tôi bấm chuông, không ai ra; chắc nàng có việc đi đâu đó.

Tôi vào nhà bằng cửa sau và ngồi đợi trong phòng khách. Trên bàn chưng bày bình hoa hồng nhung đỏ thắm còn tươi – Thúy Hạc có sở thích y hệt như tôi. Tôi rót cà-phê pha sẵn trong chiếc máy lọc tự động Mr. Coffee ra uống, cà-phê khác với loại tôi quen dùng nhưng mùi vị thấy vô cùng quen thuộc. Đợi khá lâu không thấy nàng về, tôi bỗng nghi ngờ rón rén bước vào hành lang dẫn tới phòng ngủ. Cửa phòng mở hoác, tôi choáng váng trước cảnh mộng huyền mơ hồ như đã thấy nhiều lần: Người đàn bà nằm nghiêng trên giường trong bộ áo quần ngủ lụa hồng, tựa đầu lên chiếc gối thêu hoa, và mắt khép mơ màng. Tôi mê mẩn bước lại gần, sắp cúi xuống hôn lên đôi môi mời mọc. Chợt một tiếng nói từ thâm tâm nổi lên, “Đây là mộng, không phải thực!” Giật mình thức tỉnh, tôi nhắm nghiền mắt lại để xóa tan mộng cảnh, bước ra *driveway*, và lên xe ngồi gục đầu trên bánh lái.

Ba ngày sau, tôi nhận được một bức thư gửi tới sở làm. Thư viết bằng lối chữ thảo của người Mỹ, không ký tên người gửi,

*Em vừa giận vừa biết ơn anh. Giận anh đã từ chối sự hiến dâng của em là một thiếu phụ rất kiêu kỳ. Biết ơn anh đã kèm chế để không phạm lỗi với QC và không để em lỗi đạo với R.*

*Anh ơi, từ ngày gặp anh lần đầu, em luôn ngủ mơ thấy trong một kiếp xa xưa nào đó của em – và của anh, mình là đôi vợ chồng hạnh phúc bên nhau. Trong kiếp hiện tại, ý nghĩ, lời nói, và cử chỉ của em khi mình gặp nhau là dư âm của kiếp đó. Ôi, cái nghiệp duyên luân hồi của thế gian!*

*Gần đây em quyết định vĩnh viễn xa cách anh, nhưng lại ước mong mang theo một giọt máu của anh, tựa như có lại con gái mình đời trước. Em theo dõi nhiệt độ cơ thể trong chu kỳ kinh nguyệt và biết chắc cuối tuần qua là thời kỳ trứng rụng, thời điểm thuận tiện để thụ thai. Em sắp xếp bố cảnh như trong kiếp xưa, nhưng số phận không cho em toại ý.*

Thằng Sang điện thoại báo tin vợ chồng Thúy Hạc dựng bảng bán nhà và đã dọn đi nơi khác, đi đâu không rõ. Tôi không bao giờ gặp lại nàng, dù trong giấc mơ.

**Nguyễn Ngọc Hoa**

Ngày 7 tháng Mười, 2020

# Ngôi Nhà Có Hai Đàn Ông

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Ngày mùng một Tết Bính Thìn nhằm thứ Bảy cuối tháng Giêng 1976. Sau Tết tây mẹ đã bắt đầu chuẩn bị ăn tết, cái Tết tha hương đầu tiên; mẹ nói, “Đi mô thì đi, ở mô thì ở, mình cũng phải nhớ ngày giỗ tết thờ cúng ông bà.” Mẹ và bác Hòa gái cùng các bà khác tổ chức một chuyến đi mua đồ Việt nam tập thể ở Fargo, tiệm Tochi bán đồ Á đông ở đó do một bà người Nhật lấy chồng Mỹ làm chủ. Fargo là thành phố lớn nhất của North Dakota và cách xa Bismarck 200 dặm Anh về phía đông. Nhờ đó mẹ có đủ nhang đèn, nếp nấu xôi, đậu nấu chè, v.v. cúng đưa ông Táo về trời ngày 23 tháng Chạp ta và cúng ông bà đầu năm.

Cuối năm ngoái, tôi tìm mua thiệp Giáng sinh và khám phá ra người Mỹ có lẽ là dân sinh thiệp chúc mừng nhất thế giới. Thương xá chính của thành phố có đến ba cửa hàng lớn bán cả trăm thứ thiệp dùng trong mọi lễ lạt lớn nhỏ trong năm và mọi dịp vui buồn trong đời. Thiệp thường in sẵn lời chúc mừng, người ta chỉ cần chọn thiệp và lời chúc thích hợp với hoàn cảnh mình, ký tên, và gửi đi. Nhưng cũng có thiệp để trống không có mục đích riêng. Trước Tết, tôi mua loại thiệp này, lấy bút nỉ màu xanh đỏ vẽ thêm chữ “Cung Chúc Tân Xuân,” và viết chúc bạn bè ở xa “một mùa xuân mới vui tươi và ấm cúng.” Dân tỵ nạn nhắn tin và bắt liên lạc với nhau nhờ bản tin tỵ nạn hàng tháng của hội Hồng thập tự Hoa kỳ. Thấy các câu chúc tết của tôi, Quỳnh Châu chum môi đùa,

*“Ông dông khoa học gia chánh hiệu con nai, con tim chân chính không bao giờ biết đến nói dối, mà lại dùng sáo ngữ giả dối.”*

*“Cô vợ dễ thương sao hôm nay nhiều sự?”* tôi cười ngượng nghịu.

*“Tết nguyên đán luôn luôn rơi vào giữa 21 tháng Giêng và 20 tháng Hai dương lịch; đó là hai tháng mùa đông và lạnh nhất ở Bắc bán cầu. Chồng viết thiệp kêu là ‘mùa xuân’ và nói là ‘ấm cúng,’ không phải xạo sự hay sao?”*

*“‘Bà thầy’ ời, sự việc có thể nhìn dưới hai lăng kính khác nhau: Một đằng là khuôn sáo cổ điển truyền từ đời trước, và một đằng là dữ kiện thiên văn và thời tiết hiện đại. Câu chúc tết Việt nam khó lòng phán đoán theo khía cạnh nào, không thể kết luận đúng hay sai, và do đó có thể xem là nghịch lý. Chắc em còn nhớ trong sách *Triết Luận lý học* đệ nhất (lớp 12), Linh mục Trần văn Hiến Minh giảng về nghịch lý bằng câu đố vui,*

*Một nhà luận lý bị bọn mọi ăn thịt người bắt được. Trước khi giết ông làm thịt, viên tù trưởng nói,*

*‘Theo truyền thống thần linh, chúng tôi cho phép ông lựa chọn cách chết. Ông được phép nói một câu. Nếu câu nói của ông đúng, ông sẽ bị trấn nước. Ngược lại nếu ông nói sai, ông sẽ bị chết treo.’*

*Nếu là nhà lý luận, bạn sẽ nói thế nào để bọn mọi không giết bạn?”*

Quỳnh Châu gật đầu,

*“Em nhớ chứ, câu trả lời, ‘Tôi sẽ bị chết treo,’ khiến bọn mọi ở trong hoàn cảnh khó xử, xuôi không được ngược chẳng xong, và phải tha nhà luận lý.”*

“Thật vậy, nếu bọn mọi mang ông ra treo cổ thì ông nói đúng, mà nói đúng thì theo truyền thống thần linh, ông phải bị trấn nước. Ngược lại, nếu chúng mang ông đi trấn nước thì ông nói sai, mà nói sai thì phải treo cổ,” tôi gật đầu.

“Nếu là em, em sẽ nói, ‘Tôi là *Ba Hoa*.’ Bọn mọi sẽ tha ngay vì biết thịt ông chồng bướng bỉnh ưa lý luận của em dai nhách ăn chẳng ngon lành gì,” nàng le lưỡi cười khi rồi đổi đề tài, “Hồi chiều cha nói chuyện đặt tên ‘bé Long,’ anh thấy sao?”

Chiều nay tôi đi làm về, vào nhà chưa kịp cởi áo lạnh mùa đông mặc ngoài và mũ len trùm đầu thì cha đợi sẵn trong phòng khách ngoắt tay kêu lại,

“Con *mi, mi* đã tính đặt tên *chi* chưa?”

“Dạ . . .” tôi lí nhí trong miệng.

“*Tau* thấy chẳng cần nghĩ tìm tên Việt nam văn hoa chữ nghĩa làm *chi* cho mệt. Lấy *quách* cái tên Mỹ John hay Jane *mô* đó mà đặt cho khỏe. Nhập gia tùy tục, ở Mỹ phải làm giống như người Mỹ,” cha đưa ngón tay chỉ trỏ.

“*Dà* . . .” với tiếng “*dà*” rất nhẹ, tôi không biểu lộ ý định sẽ tuân theo hay không.

“*Thôi được, a-lê, hấp!*”

“*A-lê, hấp*” do tiếng Pháp “*allez, hop*” nghĩa là “*hãy đi đi,*” là lệnh cha cho phép đi chỗ khác. Hình như cha rảnh rỗi không có việc gì làm hay muốn chứng tỏ quyền uy đối với “*thằng con bất trị,*” chứ ngày xưa cha có bao giờ thắc mắc về việc đặt tên cho anh em tôi – con của cha – đâu. Mấy đứa lớn để ngoài quê Quảng Bình thì ông nội đặt tên. Từ em Bình trở xuống, sau khi sinh, mẹ đặt tên rồi mới nhờ người viết thư báo tin cho cha. Ngoài ra, có bao giờ cha lo lắng cho ai trong gia đình, ngoài bản thân cha? Tôi nhớ thời cha *làm lớn*, khi mấy ông bạn tướng tá hỏi thăm chuyện học hành của con cái, cha lúng túng không nhớ ra mấy đứa học trung học, đứa nào học lớp mấy. Tuy còn đang phân vân về việc chọn tên con, nhưng tôi không thể đồng ý với lối “*đặt cho khỏe*” của cha,

“Con mình là người Việt phải mang tên Việt, nhưng cần có thêm tên Mỹ để đi học đi làm và sinh sống. Các cặp vợ chồng trẻ người Mỹ trước khi đặt tên con đều suy gẫm cẩn thận, bàn luận kỹ càng chứ không đặt ẩu như cha nói. Anh tính ra giêng ngày rộng tháng dài mới bàn với em.”

“Tại sao chồng không thử hỏi lại cha?”

“Không bao giờ,” tôi mím môi lắc đầu, “Ngày mẹ vừa đưa mấy đứa con trai di cư vào Nam, anh mới sáu tuổi mà nhiều lần anh bị cha chọn làm bung xung (giơ đầu chịu báng) kiếm cớ đánh đập thừa chết thiếu sống. Chỉ cốt làm mẹ xót con đau lòng mà chịu *xùy* tiền cho cha nướng vào sòng bài. Mỗi lần như vậy anh đau nằm liệt giường cả tuần lễ. Từ đó, anh tự hứa với lòng sẽ không bao giờ hỏi cha một câu nào hay xin cha một điều gì.”

“Hay để em hỏi ý kiến cha?”

“Lại càng không nên. Tại sao phải hỏi khi biết chắc mình sẽ không chấp nhận câu trả lời? Nếu hỏi mà không tuân lời, hậu quả sẽ khó lường.”

Chợt nhớ đến mấy người bạn ở sở, tôi trở lại chuyện tết nhất,

“Hôm qua cô thư ký Charlotte nhắc anh ngày ‘Tết Âm lịch Trung hoa’ vì tưởng anh không biết. Bạn anh mù tịt về phong tục ăn tết của mình, anh chàng Charlie cứ theo anh hỏi ở Việt nam người ta làm gì và năm nay anh làm gì để mừng tết.”



“Dễ ợt hà! Chỉ cần chồng *mi* em một *miếng* và năn nỉ ‘Please’ (Làm ơn) là xong liền,” nàng chúm chím cười.

“*Please*, em giúp anh đi,” tôi làm theo lời dặn, “Nhưng vợ làm sao?”

“Em khai thác kho kiến thức về dân gian rộng rãi của mẹ rồi viết thành bài cho bạn anh đọc.”

Quỳnh Châu nhờ mẹ kể lại các tục lệ ngày Tết ở Việt nam, viết bằng tiếng Anh, và ghi tên mẹ là tác giả. Tôi mang lên sở nhờ Charlotte đánh máy và sao ra vài bản, nàng thấy bài viết súc tích và thú vị liền xin phép tôi phổ biến trong công ty, và gửi xuống xưởng in, in thành một số tập sách mỏng. Tôi luân chuyển bài viết cho bạn đồng sự đọc và đưa các bản còn lại cho Quỳnh Châu để nàng chia sẻ với bạn ở Đại học Cộng đồng Bismarck.

Vài ngày sau, tờ *Bismarck Tribune* gọi điện thoại xin phỏng vấn mẹ. Tờ báo đăng bài phỏng vấn (qua sự thông dịch của Quỳnh Châu) cùng với hình mẹ và toàn thể bài viết trong mục văn hóa của số báo Chủ Nhật. Không như số báo ngày thường ít trang và chú trọng vào tin tức thời sự và thể thao, số Chủ Nhật thường rất dày, có khi có cả trăm trang, và gồm thêm một số mục đặc biệt như văn hóa, văn chương, giải trí, nấu ăn, tôn giáo, và du lịch. Hầu như ai cũng khen ngợi và chúc mừng mẹ. Duy có cha, cha sa sầm nét mặt nhìn tôi với đôi mắt oán hờn: Tôi là thủ phạm khiến cha bị lu mờ lép vế trước người đàn bà mà thường ngày cha khi dễ và khi nổi giận chửi “con thằng Hà nhà quê vô học.” “Hà” là tên ông ngoại tôi; *ông* mất khi mẹ mới lên năm.

Tôi rất đổi ngạc nhiên khi mẹ đề nghị,

“‘Ông già’ *mi* nói năm hết Tết tới, *mi* mời bạn bè tới nhà ăn một bữa để đền ơn trả nghĩa với người ta. *Mi* liệu mời rồi mẹ với con Châu nấu đồ ăn cho.”

“Thật vậy sao mẹ?” tôi chưa bao giờ được phép hay dám mở tiệc mời bạn về nhà.

“Thiệt *chớ* *răng* không thiệt? Cha *mi* nói với mẹ đằng hoàng mà.”

“Con sẽ mời năm hay sáu cặp. Để mẹ khỏi mất công, con chỉ mời bạn về nhà uống bia và ăn nhậu lai rai vào tối mùng một Tết,” tôi đếm số bạn sẽ mời.

“Vậy thì dễ quá. Anh lo bia và thức uống, mẹ và em cuốn chả giò chiên lên đãi khách là xong. Hôm đi Fargo mẹ mua được mấy xấp bánh tráng Thái Lan, cuốn chả giò *hết sảy*,” Quỳnh Châu góp ý.

“Mẹ có mấy gói bánh phồng tôm, chiên lên cho *bây* nhậu luôn” mẹ cười vui.

Sáng thứ Bảy tôi ngủ nướng vì đêm qua thức khuya giúp mẹ cúng giao thừa, hay lễ *tống cựu nghinh tân* (đưa cái cũ, rước cái mới). Chợt nghe cửa phòng gõ rất gấp, tôi nhảy xuống giường mở cửa thì thấy mẹ hết hoảng,

“Chết cha, nguy rồi. *Tú* (tối) *ni mi* có hồi lại bạn được không?”

“Sao vậy mẹ, có *chi* thay đổi?”

“Cha *mi* tính sẽ *chưởi* bới mặt sát *mi* trước mặt bạn rồi thẳng tay đuổi tội *hấn* về. May mà sáng *ni* trời xui đất khiến mẹ tình cờ nghe *thằng già* nằm lằm bằm *chưởi* rửa *một chắc* (một mình). *Té ra hấn* cố bầy *mi* vô tròng, quyết làm cho *mi* mất mặt nhục nhã thiếu điều bỏ xứ mà đi mới *ưng*. Đờ ôn hoàng dịch lệ, suốt đời không góc đầu lên nổi *mô!*” mẹ giận run, ngày mùng một Tết mà mẹ không kiêng nói gở.

“Mẹ cứ chiên chả giò và bánh phồng tôm cho con. Nếu bạn con không tới thì mấy đứa em ăn, không đổ đi đâu mà lo.”

Tôi trấn an mẹ rồi vào giường ngủ tiếp, mẹ chếp miệng, “Thằng chó *ni* thiệt dễ người!” Đợi đến 10 giờ, tôi gọi điện thoại cho ông bảo trợ Gardner, kể sự tình, và hỏi,

“Bác cho cháu dùng phòng hội của công ty bất động sản để họp bạn được không?”

“Dĩ nhiên là được, tối nay đâu có ai dùng,” ông sốt sắng trả lời.

Sau đó, tôi gọi cho bạn báo tin dời địa điểm họp mặt, không ai thắc mắc tại sao. Đúng tám giờ tối, các bạn tới đến. Họ xuýt xoa khen thức ăn ngon tuyệt vời của mẹ, và chúng tôi chuyện trò vui như pháo nổ. Gần chín giờ, mẹ biểu thằng Sang đưa tới để mừng tuổi khách. Mỗi người được *li xì* một phong bì chứa thiệp chúc tết và mấy tờ bạc 1,000 và 500 đồng Việt nam Cộng hòa còn mới toanh. Những tờ giấy bạc đã thành vô giá trị, nhưng tục lệ mừng tuổi ghi sâu trong ký ức bạn tôi. Bốn mươi ba năm sau, được tin mẹ mất, Charlie gửi thiệp chia buồn với tôi và bồi hồi nhắc lại kỷ niệm này.



Sáng sớm Chủ Nhật, tiếng động âm ỹ lẫn với tiếng la hét inh ỏi ngoài phòng ăn và phòng khách đánh thức tôi và Quỳnh Châu dậy. Tôi mở hé cửa nhìn ra thấy cha đang đập phá đồ đạc và liêng vỡ chén đĩa ly tách, giống như ngày trước, khi cha nã tiền mẹ đi đánh bạc mà không được toại ý. Trên bệ lò sưởi trong phòng khách mà mẹ dùng làm bàn thờ, chai rượu ụyt-ki tôi mua cúng tết đã cạn. Cha gào thét nguyên rủa “thằng con bất hiếu bất mục” đã “khinh cha *chưởi* tổ” và “đội dít vợ đưa lên tran mà thờ.”

Quỳnh Châu sợ run lẩy bẩy, tôi lật đật vơ hết quần áo và vật dụng cá nhân của hai đứa, thồn đầy hai cái bao rác lớn, thả đồ lặt vặt vào cái rổ đựng quần áo giặt, và mang tất cả ra xe. Cha đã xuống dưới hầm nghỉ lấy sức công phá đợt tới, và mẹ và các em đã trốn lánh từ lúc nào. Tôi để lại chìa khóa nhà, hợp đồng thuê nhà tôi ký thuê lúc mới đến, và món tiền cần dùng để thanh toán các hóa đơn tháng tới trên chiếc bàn phòng ăn giờ đứng ba chân. Vợ chồng tôi lặng lẽ ra đi. Giống như bảy năm trước ở Sài gòn, tôi bỏ nhà *đi bụi đời*.

Tôi nhớ lại lời khuyên của ông Gardner, “Ở xứ này, một nhà không thể có hai người đàn ông, và một nhà bếp không thể có hai người đàn bà.” Ngày mùng hai Tết, cha giải quyết nghịch lý “*ngôi nhà có hai đàn ông*,” nhưng không theo cách êm thấm tôi mơ ước.

**Nguyễn Ngọc Hoa**

Ngày 21 tháng Mười, 2020

# Một Người Mỹ An Bình

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Vậy là tôi đã sống qua gần hết mùa đông đầu tiên nơi miền đất lạnh và khá quen thuộc với cảnh tuyết rơi. Đầu mùa, mưa tuyết (winter storm) do hơi nước trên trời kết tủa ở nhiệt độ kết băng rơi xuống thành mưa lạnh cóng, tuyết trộn với nước mưa, hay bông tuyết, và tan thành nước khi chạm mặt đất. Giữa mùa, cứ khoảng mười ngày hay hai tuần lại có một cơn bão tuyết (snowstorm); tuyết trắng xóa rơi liên miên, có khi kéo dài hai hay ba ngày, và che phủ mái nhà, cây cối, và lối đi. Chính quyền thành phố dùng xe cào tuyết trên đường phố cho xe cộ lưu thông, có nơi rải muối cho tuyết tan vì dung dịch muối và nước đông đặc ở  $-40^{\circ}\text{C}$  (cũng là  $-40^{\circ}\text{F}$ ). Chủ tư gia có trách nhiệm dọn sạch vỉa hè quanh nhà mình để khách bộ hành đi lại an toàn.

Nếu “bão” có nghĩa là gió to hay gió dữ thì danh từ “bão tuyết” đáng lẽ phải dành cho “blizzard” (bão tuyết dữ) mới đúng. Mỗi mùa đông chỉ có một hay hai trận bão tuyết dữ, có năm không có; tuyết rơi mịn mù và gió thổi ồ ạt khiến việc di chuyển ngoài trời vô cùng chật vật và người và súc vật thấy lạnh buốt kinh hồn vì tác động của gió làm da cảm thấy lạnh gấp bội so với nhiệt độ không khí vốn đã rất thấp. Những ngày đông lạnh giá, gió to đáng sợ hơn nhiệt độ thấp, và để chỉ nhiệt độ cơ thể cảm thấy, người ta kết hợp nhiệt độ và vận tốc gió thành một chỉ số gọi là thừa số gió lạnh.

Tuần lễ đầu tiên của tháng Ba, trời quang đãng và ấm áp trở lại; tôi thầm nhủ “thằng Thìn” sẽ ra đời vào một ngày đẹp trời cuối đông. Nhưng tối Chủ Nhật mùng bảy, bản tin thời tiết trên *ti-vi* thông báo trong vài ngày tới, một luồng bão lạnh dữ dội gọi là “Alberta clipper” từ tỉnh Alberta bên Gia Nã Đại tràn xuống. (Chữ “clipper” nguyên thủy nghĩa là chiếc tàu buồm hẹp và dài, lướt sóng rất nhanh.) Ngày thứ Hai, bầu trời chuyển sang màu xám đục, tuyết rơi bay bay, và gió bắt đầu thổi. Sáng thứ Ba mùng chín, tôi đi làm như mọi ngày. Khoảng mười giờ, Quỳnh Châu gọi điện thoại tới,

“Hồi sáng anh vừa đi làm, em thấy đau bụng lâm râm. Bây giờ càng lúc càng đau thắt từng đợt, bực nước ối đã bể, chắc đến ngày ‘bé Long’ mình ra khỏi bụng mẹ rồi.”

“Em chờ anh về đưa vô nhà thương,” tôi lính quỳnh.

“Chồng khỏi cần về. Hôm nay là ngày sinh nhật ông Gardner, lúc này em gọi chúc mừng *ông*, và nhân em nói vụ đau bụng, *ông* vội vàng xung phong đến đưa em đi, chắc *ông* sắp tới rồi. Anh cứ làm việc, trưa vào nhà thương gặp em cũng được,” giọng nàng không có gì gấp rút; sở tôi chỉ cách nhà thương năm khu phố.

Tôi trấn tĩnh lại. Chúng tôi đã chuẩn bị sẵn sàng, không có gì đáng lo. Mấy tháng đầu, Quỳnh Châu đi bác sĩ sản/phụ khoa khám thai hàng tháng, bắt đầu tháng thứ bảy hai tuần một lần, và tháng cuối cùng mỗi tuần một lần; bác sĩ cho biết bào thai tăng trưởng bình thường. Chúng tôi đi học khóa chuẩn bị sinh con, nhờ bác sĩ chỉ dẫn mua sách dạy sẵn sóc và nuôi nấng ấu nhi đọc, ghi tên trước tại nhà thương, và sắm sửa đầy đủ mọi thứ con sẽ cần.

Buổi trưa tôi vào với Quỳnh Châu. Bà y tá khám cửa mình và cho biết nang ở giai đoạn lâm bồn đầu tiên, cổ tử cung mới giãn khoảng một phân. Nang nhăn mặt nhin đau giục tôi,

“Anh xuống *cafeteria* (hàng ăn tự phục vụ) ăn trưa rồi đi làm và chiều vào với em. Chắc còn lâu ‘bé Long’ mới chịu chui ra. Á đau!”

“Em không muốn anh ở đây với em sao?” tôi ngơ ngác.

“Chồng nhìn em nhăn nhó một hồi sẽ không thấy cô vợ này dễ thương nữa,” nang nói nửa đùa nửa thực.

“Em không nhớ sách *Cổ học Tinh hoa* kể chuyện ngày xưa nang Tây Thi có chứng đau bụng, khi đau ôm bụng nhăn mặt, lại càng đẹp hơn à?” tôi rán đùa.

“Chồng dẹo miệng mà nịnh trật chìa vì em nhớ phần sau của chuyện đó: Một người đàn bà cùng làng bắt chước, ôm bụng nhăn mặt. Người làng trông thấy tưởng là ma quỷ, nhà giàu đóng cửa chặt không dám ra, và nhà nghèo bồng bế vợ con chạy trốn. *Túm lại*, chồng lo đi làm để có tiền nuôi con, đừng đứng đây ngó hoài ngó hủy *mụ vợ* xấu xí. Ui cha!”

Tôi trở lại nhà thương sau khi ăn chiều. Tuyết rơi nặng hạt, gió rít từng hồi, và tin thời tiết cho biết cơn bão tuyết dữ sẽ kéo dài qua đêm đến sáng mai. Tôi ghen ngào ứa nước mắt khi nghĩ tới cảnh đơn côi của Quỳnh Châu và câu tục ngữ,

*Đàn ông đi biển có đôi,*

*Đàn bà đi biển mồ côi một mình.*

hay

*Đàn ông vượt biển có chúng có bạn,*

*Đàn bà vượt cạn chỉ có một mình.*

Quỳnh Châu không có thân nhân ở Hoa kỳ, và lúc này hai đứa chỉ độc có nhau để nương tựa. Tôi bị cha thù ghét và phải ra ở riêng, mẹ và các em sợ cha không dám liên lạc với “kẻ tội phạm.” May thay, Quỳnh Châu được ông bảo trợ Gardner hết lòng yêu thương săn sóc, hàng ngày nếu không gặp mặt thì gọi điện thoại ân cần thăm hỏi. Ông xem nang như con gái, và nang gọi ông là “Dad” (Ba).

Bà y tá cho biết cổ tử cung giãn đến năm phân và phỏng chừng Quỳnh Châu sẽ sinh sau nửa đêm. Cơn đau bụng đẻ của nang càng lúc càng dồn dập và tăng cường độ, tôi nắm tay nang giúp thực hành phương pháp hít thở và thư thái Lamaze học ở lớp chuẩn bị sinh con. Fernand Lamaze (1891 - 1957) là nhà bác sĩ sản khoa người Pháp đã truyền bá phương pháp giảm đau trước khi đẻ. Để nang quên đau, tôi nhắc lại những đêm hai đứa nằm bên nhau bàn việc chọn tên con. Hồi đó, ban đầu Quỳnh Châu làm ra vẻ nói đùa,

“Em biết anh muốn con có cả tên Việt lẫn tên Mỹ. Vậy hỏi *ông dông* là nhà khoa học gia của lòng em, mình sẽ chọn tên theo tiêu chuẩn nào?”

“Em làm như anh có nhiều . . . kinh nghiệm lắm,” tôi bật cười bẹo má nang.

“Ít ra chồng cũng vạch đường chỉ lối cho em theo *chớ*,” nang nũng nịu.

“Mình có thể bắt chước cách mẹ đặt tên Bình. Con nhỏ đẻ ở Huế sau ngày mẹ đưa mấy đứa con trai di cư từ Quảng Bình vào Nam. Anh nghe kể trong số các tên con gái, mẹ phân vân giữa ba địa danh nổi tiếng nhất cố đô: dòng Hương giang, núi Ngự Bình, và làng Vỹ Dạ. ‘Vỹ Dạ’ thực ra do người Huế phát âm sai tên chữ Hán ‘Vĩ Dã’ (đồng cỏ lau) của làng Vy Dã ngày xưa. Vì Vỹ Dạ chỉ nổi tiếng trong thơ văn chứ không có nhiều giá trị lịch sử và một bà thím anh vừa sinh

con gái đầu lòng và đã xí tên ‘Hương,’ mẹ quyết định dùng tên hòn núi ngày trước vua chúa cho là bình phong của kinh thành,

*Núi Ngự Bình trước tròn sau méo,  
Sông An Cựu nắng đục mưa trong.”*

“Ngự Bình” ghi dấu nơi sinh của Bình và quê hương thứ hai của anh em tôi. Sẵn dịp, tôi nói lan ra,

“Cha mẹ Việt nam thường đặt tên cốt cho hay cho đẹp mà ít khi nghĩ tới hậu quả không dự kiến trước của cái tên dính liền với con mình suốt đời.”

“Vậy là sao?” Quỳnh Châu đảo tròn mắt.

“Thí dụ như tên anh. Ông nội đặt tên ‘Hoa’ (*Ba Hoa*) cho văn vẻ, quên mất rằng anh là con trai và ‘Hoa’ là tên con gái. Những năm đi học, anh không ngớt bị bạn quái ác chọc ghẹo, nhiều khi tức mình muốn khóc. Nhiều đứa gọi anh là ‘Hoa thúí địt!’” tôi ầm ức kể lại; “thúí địt” là dây mơ, loại dây bò, lá thật dài và rất hôi, và hoa không có cuống.

“Hồi ở Sài gòn, em nghe sinh viên gọi anh là ông ‘*Ba Bông* héo,’” nàng ôm bụng cười.

“Nhưng chưa ‘ác’ bằng cái tên ‘(Túy) Du’ của chị hàng xóm của anh ngoài Huế. Chị lớn tuổi hơn anh, đẹp và nổi tiếng kên kiệu, không thềm để mắt xanh vào anh nào trong xóm, và bị bạn anh Quang ghét mặt, lấy tên chị làm đề tài giễu cợt. Có bao nhiêu chữ như ‘đại,’ ‘điện,’ ‘động,’ v.v. để ghép với tên ‘Du’ và nói lái tục tĩu, họ lôi ra dùng cho bằng hết. Chị chịu bao nhiêu là khổ ải điều đứng.”

Sau nhiều đêm suy nghĩ, tôi đề nghị tên Mỹ của con,

“Nếu là con gái, anh thấy nên đặt tên ‘Pearl’ bạn gọi em ở Đại học Stanford. Con gái mình mang tên mẹ và cũng sẽ giỏi giang như mẹ.”

“Cám ơn chồng. Em thích tên này vì đó là tên của nhà văn Pearl Sydenstricker Buck (1892 – 1973) được giải Nobel văn chương năm 1938 nhờ các tác phẩm viết về cuộc sống nông dân ở Trung hoa. *Bả* có tên Tàu là Trại Chân Châu và mất không tới hai năm trước đây. ‘Bé Long’ sẽ hãnh diện có tên giống *bả*. Nếu là ‘thằng Thìn’ thì chồng đặt tên gì?” Quỳnh Châu hài lòng.

“Ông Gardner là ân nhân của gia đình và thương yêu em rất mực, sao không dùng tên ‘Ryland’ của ông?”

“Chồng thiệt tuyệt vời, nói điều gì cũng trúng ý em,” nàng mỉm cười sung sướng.

Nhưng không để đầu gối mà tìm được tên Việt có ý nghĩa. Một hôm, tôi đọc trang nhắn tin trên bản tin tỵ nạn của hội Hồng thập tự Hoa kỳ và bắt liên lạc với một anh bạn cũ ngày trước ở Đại học xá Minh Mạng. Tôi kể lại với Quỳnh Châu,

“Anh Căn hồi đó học được, lớn hơn anh vài tuổi, và thỉnh thoảng giúp anh qua cơn khốn khó trong những ngày tháng anh *đi bụi đời*. Giờ anh ấy đi học lại để lấy chứng chỉ hành nghề được sĩ ở Texas. Nhờ nhớ tới anh Căn mà anh nghĩ ra tên Việt cho con.”

“*Ảnh* giỏi văn chương chữ nghĩa lắm *hả* anh?” nàng ngạc nhiên.

“Không phải. Ngày anh Căn chào đời ở xứ *Quảng Nam hay cũ*, cha anh ấy cực kỳ hâm mộ Tổng thống Abraham Lincoln (1809 – 1865) là vị tổng thống giải phóng nô lệ và dẫn dắt Hoa kỳ qua trận nội chiến. Ông già bèn lấy họ ‘Lincoln’ phiên âm ra tiếng Việt để đặt tên con trai đầu lòng: Linh Căn.”

“Chồng định dùng tên thành phố Bismarck để đặt tên con?” nàng nhanh trí hiểu ngay.

“Đúng vậy. Tên ‘Bích Mạc’ cho thấy nơi đây là quê hương của con và lại dùng được cho cả ‘thằng Thìn’ lẫn ‘bé Long.’”

“Chồng em giỏi số một, xưa nay em vẫn chịu ngài,” nàng dùng câu thơ của Trần Tế Xương (1870 - 1907) để khen tôi.

\* \* \*

Gần nửa đêm bà y tá cho biết cổ tử cung đã giãn đủ mười phân, giờ nở nhụy khai hoa đã đến, và bác sĩ hộ sinh đang tới. Tôi đã gặp bác sĩ trong những lần đưa Quỳnh Châu đi thăm thai; ông theo đạo Công giáo, gia đình đông con, và chống phá thai. Ông vội vã bắt tay tôi và ra lệnh cho y tá đưa nàng vào phòng đẻ. Tôi đứng bên ngoài nhìn vào qua lớp kính dày. Không bao lâu, tôi nghe tiếng trẻ con khóc, và cô y tá phụ đỡ đẻ bồng bé đến trước mặt tôi thông báo: con trai, nặng tám cân Anh (khoảng 3.6 kí). Tôi gọi điện thoại cho ông Gardner báo tin khẩn,

*It's a boy at 12:06 am!* (Con trai vào lúc 12 giờ 06 sáng!)

Ông chúc mừng và nói sẽ gọi điện thoại ngay cho Bình để mẹ biết tin. Sau này ông kể lại, *Suốt hai tháng trước khi sinh, Châu đến văn phòng tôi, ngồi trước bàn giấy, và nói chắc nịch, “Con sẽ sinh vào ngày sinh nhật ba!”*

*Tối ngày sinh nhật tôi, tôi đi ngủ và vào lúc 12 giờ rưỡi sáng bị chuông điện thoại đánh thức. Khi tôi trả lời, một giọng nói đầy hứng khởi vang lên, “Con trai!” Châu chỉ chệch mục tiêu có sáu phút đồng hồ!*

Sáng hôm đó tôi xuống phố mua một hộp thuốc xì-gà để phân phát cho bạn đồng sự và báo tin sinh con trai theo truyền thống của người Mỹ; ai nấy chúc mừng tôi nay đã làm cha. Tôi trở lại bàn giấy thì vừa lúc hệ thống truyền thanh chỗ đông loan tin cho toàn trụ sở trung ương của công ty biết. Sau đó, phóng viên tờ *Bismarck Tribune* gọi tôi để phỏng vấn về “người Mỹ gốc Việt đầu tiên tại North Dakota” là bé Mạc. Hôm sau, bản tin trên trang nhất tờ báo chạy hàng tít trích dẫn câu nói của tôi mà nếu hiểu theo kiểu Việt nam, có phần xác xược,

*Refugees Have New Son: “I’m the Father of an American Now”* (Người tỵ nạn mới có con: “Bây giờ tôi là bố thằng Mỹ”)

Lời chú thích dưới tấm hình kèm theo bản tin chụp bé Ryland Bích Mạc nằm tựa vào ngực Quỳnh Châu cũng phỏng theo lời tôi,

*Một người Mỹ an bình: Cha mẹ của em bé đang ngủ yên này hy vọng bé sẽ không bao giờ phải trải qua kinh hoàng và khổ đau của chiến tranh đã khiến họ phải trốn chạy khỏi quê hương.*

Đó là ước mơ tốt cùng của mọi cha mẹ người Việt được may mắn dung thân ở vùng đất hứa này. Không cứ gì một mình tôi.

**Nguyễn Ngọc Hoa**

Ngày 11 tháng Mười Một, 2020

# Quê Hương của Con Tôi

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Ngày bé Bích Mạc ra đời, cuộc biển dâu trong đời tôi tròn một tuổi. Ngày đó năm trước (1975), Ban Mê Thuật thất thủ. Mùa xuân kinh hoàng theo sau và kết thúc bằng biển cố đổi đời 30 tháng Tư. Suốt mùa hè tôi lưu lạc trong trại tỵ nạn, sang đầu mùa thu định cư ở North Dakota, và được Công ty Tiện ích Montana-Dakota (MDU) nhận làm việc. Trong thời kỳ tập sự kéo dài sáu tháng, tôi làm việc dưới quyền ông Bill giám đốc sở Truyền Điện, và ban đầu luân phiên đi qua các nha sở kỹ thuật để học hỏi. Khi thời tiết khắc nghiệt của mùa đông ập tới, tôi bị phái đi phụ giúp khảo sát địa thế và thu thập dữ kiện cho một đường dây truyền điện cao thế 115 kV (kilovolt, tức là 1,000 volt). Được dự định xây cất vào mùa hè tới, đường dây ngắn chạy chừng 10 dặm Anh (khoảng 16 km) ngoài rìa thành phố.

Hàng ngày tôi mặc nhiều lớp quần áo ấm, đội mũ len trùm đầu kín mít, đi *overshoes* (giày cao su mang ra ngoài giày thường) cao cổ, và chịu rét căm căm lợi tuyết có khi cao hơn đầu gối ngoài đồng trống. Tôi theo quan sát và làm quen với công việc, trong lúc ông Ed cán sự già và một anh thợ trẻ mang máy móc và đo đạc, và anh Gary kỹ sư trưởng nhóm quyết định lịch trình công tác. Anh lớn hơn tôi một tuổi, tốt nghiệp kỹ sư điện ở Trường Hàm Mỏ tiểu bang South Dakota, ăn nói chững chạc và từ tốn, và đã làm việc cho sở Truyền Điện năm, sáu năm nay.

Tôi thấy mình may mắn vô vàn vì có việc làm xứng đáng với khả năng, và nhất là so với khổ cảnh của người thân và bạn bè ở quê nhà, cái lạnh giá tạm thời kia thấm tháp vào đâu. Sau “ngày giải phóng,” nhiều bạn tôi phải đi “học tập cải tạo,” để lại vợ con ở nhà đói khổ nheo nhóc, và chính bạn tôi cũng chết dần mòn vì thiếu ăn, bệnh tật, và bị hành hạ tra tấn cả tinh thần lẫn thể xác. Vài đứa khác không phải đi tù “cải tạo,” nhưng không hề được tự do vì xã hội bên ngoài bị kiểm soát chặt chẽ không khác gì nhà tù, và phải vật lộn kiếm sống *trào máu* mà bụng không bao giờ no. Theo lời thề Song bạn thân nhất của tôi thời học trường kỹ sư, lương tháng kỹ sư “công nhân viên nhà nước” tương đương với giá 20 tô phở, và “*nếu vợ chồng con cái đều bị mồm, mỗi tháng tao đủ tiền tem gửi bốn cái thư đi ngoại quốc là cùng.*”

Thư từ ở Việt nam, đến cũng như gửi đi, đều bị kiểm duyệt công khai và gắt gao. Để tránh gây họa cho người bên nhà, thư được ngụy trang bằng những lời lẽ đôi khi khá tức cười. Thí dụ, 30 tháng Tư là “*ngày cuối tháng Tư, ngày giỗ Thân mẫu của anh em nhà Việt.*” Để nói tên “*công an khu vực*” thường xuyên đến nhà rình mò hạch hỏi và làm tiền, thằng Song viết “*bà cô Gia Thủy nhọn mồm của tao hàng ngày dòm giở và la rầy khiến gia đình tao ăn ngủ không yên*” (Gia Thủy = nhà nước). Thư của ba má Quỳnh Châu viết,

*Ba má vẫn khỏe, nhớ hai con nhiều. Nhờ ơn nhà nước, ba má tương đối sung túc, đời sống chỉ kém cô Félicité mà thôi. Họ hàng nhà mình ai nấy đều sung sướng và hạnh phúc, và phần lớn ước mong một ngày nào đó gặp lại chú Vĩnh các con.*

Félicité là tên con chó tây nhà Quỳnh Châu đã chết nhiều năm trước; nghĩa là ông bà nhạc tôi sống cực hơn con chó. Chú Vĩnh của nàng ngày xưa theo kháng chiến chống Pháp và bị Việt



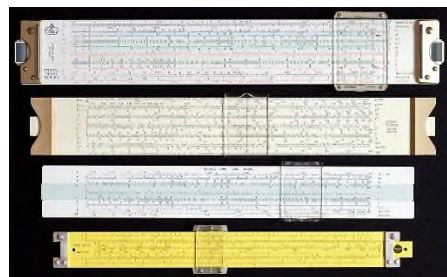
Minh thủ tiêu vì là “trí thức tiểu tư sản” “phản động” và “phá hoại”; nghĩa là ai cũng khổ sở, mong được chết sướng hơn.

\* \* \*

MDU đã ký hợp đồng thuê đất dài hạn, và chính phủ tiểu bang đã chấp thuận đường đất của đường dây truyền điện mà một đoạn chừng nửa dặm Anh chạy dọc theo hàng rào trại Dân quân (National Guard) North Dakota thuộc Lục quân. Dân quân là thành phần trừ bị của Lục quân và Không quân (liên bang) Hoa kỳ và tổ chức thành đơn vị từng tiểu bang riêng rẽ. Phần lớn dân quân làm việc dân sự toàn thời gian và chỉ phục vụ quân đội một phần thời gian. Trại lính này gồm bản doanh bộ chỉ huy, kho quân nhu và quân dụng, và dụng cụ báo động lúc nguy kịch như bị hỏa tiễn địch tấn công hay thiên tai khủng khiếp xảy ra. Tín hiệu khẩn cấp sẽ được phát ra từ trụ *ang-ten* phát tuyến cao khoảng 15 m và cách đường dây dự trừ khoảng 60 m.

Vấn đề đặt ra là điện trường và từ trường do đường dây truyền điện phát sinh có khuấy rối tín hiệu của *ang-ten* hay không, và nếu có thì làm sao giảm bớt xuống mức chấp nhận được. Ông Bill giao dự án “nhiều loạn tín hiệu *ra-đi-ô*” này cho tôi, một cựu chuyên gia về sóng điện từ. Nói chung, đường dây càng cách xa *ang-ten*, càng ít tạo ra ảnh hưởng – điều hiển nhiên ai cũng biết; và dây dẫn điện càng lớn, càng ít có nhiễu loạn. Dây dẫn điện dùng cho các đường dây truyền điện cao thế là loại “dây dẫn điện nhôm, có thép tăng cường” (ACSR), và MDU dự định dùng cỡ dây 267 MCM. MCM là một đơn vị đo lường cũ, nhưng thông dụng trong ngành điện lực, để chỉ định cỡ dây dẫn điện có đường kính lớn. Các cỡ lớn hơn là 336 MCM, 397 MCM, 477 MCM, v.v.

Trước hết, tôi cần tính điện trường và từ trường ở khoảng cách 60, 65, 70, . . . đến 120 m cho từng cỡ dây. Phép tính dài dòng và phức tạp mà tôi chưa đủ khả năng và không đủ thì giờ học thảo chương để sử dụng máy điện toán chính (duy nhất) của công ty. Tôi cũng khó lòng tranh giành với bạn đồng sự thâm niên hơn để dùng độc quyền vài tuần một chiếc máy tính điện tử cầm tay HP-35 do hãng Hewlett-Packard chế tạo trị giá khoảng 3,500 đô la, khắp nhà Kỹ thuật chỉ có bốn chiếc. Đành nhờ anh Gary kiếm cho tôi cây thước tính (slide rule), dụng cụ tính toán quen thuộc của tôi nhưng nay đã lỗi thời ở Hoa kỳ. Sau một tuần miệt mài “rút thước tính,” tôi lập được bảng kết quả bằng số và bước sang giai đoạn khúc mắt hơn.



Hiện tại chưa ai nghiên cứu tường tận và thiết lập trị số tối đa của điện trường hay từ trường mà người hay súc vật có thể chịu đựng mà không hại sức khỏe, và chưa ai biết trị số chấp nhận được để xem là không khuấy rối tín hiệu truyền tin. Tôi chỉ có mỗi một cách là tự đặt ra tiêu chuẩn để giải quyết vấn đề, tự cho rằng “nhiều loạn tín hiệu *ra-đi-ô*” chỉ đáng kể khi tín hiệu bị



biến dạng hơn 12 phần trăm. Tôi tùy tiện chọn giới hạn này vì 12 là con số quen thuộc (12 tháng trong năm, 12 con giáp, 12 bà mẹ nặn em bé, v.v.) và nhất là có vẻ hợp lý, nhưng trong những trường hợp như thế này, bọn kỹ sư chúng tôi biện giải bằng lối nói *hoa lá cành* là “dựa trên phán đoán kỹ thuật” của mình. Nhờ đó, tôi tính toán đợt thứ hai và đi tới kết luận: Nếu vẫn dùng cỡ dây 267 MCM, khoảng cách giữa đường dây và *ăng-ten* phải tăng lên thành 75 m; nếu vẫn giữ khoảng cách 60 m, phải tăng cỡ dây lên 477 MCM hay lớn hơn.

Tôi viết phúc trình trưng chứng mọi chi tiết kỹ thuật, nhờ cô thư ký Charlotte đánh máy, và đệ trình lên ông Bill. Tôi không biết ông và bên phía Dân quân liên lạc và trao đổi ý kiến như thế nào, nhưng hai tuần sau Charlotte mang lại cho tôi một chồng bản in điện toán do Lục quân Hoa kỳ gửi tới dưới tên Pramana, tên có đúng một chữ. (Trại Dân quân thuộc lực lượng trừ bị của Lục quân.) Pramana chạy máy điện toán để tính toán và in ra kết quả phù hợp hoàn toàn với những phép tính tôi làm bằng tay với cây thước tính cũ.

Đến đây thời gian tập sự của tôi chấm dứt, nhiệm vụ của tôi ở sở Truyền Điện kết thúc, và tôi chọn làm việc cho nha Điều hành Hệ thống Điện cũng nằm trên lầu bốn của trụ sở trung ương. Hai tháng sau, anh Gary sang mời tôi theo phái đoàn MDU đi họp với các viên chức của Dân quân North Dakota, Lục quân Hoa kỳ, và chính phủ liên bang. Anh Pramana nhận ra tôi ngay lập tức; anh người nhỏ nhắn, khoảng dưới 40 tuổi, tóc đen, nước da ngăm đen, và nói tiếng Anh khá rõ ràng. Anh là người Mỹ gốc Nam Dương (người Nam Dương thường dùng một tên duy nhất), là chuyên viên điện từ của Lục quân, và đóng đồn ở căn cứ Lục quân Wiesbaden ở Đức quốc. Anh bắt tay tôi thật chặt,

“Chúng ta vốn là hàng xóm láng giềng.”

Tôi trình bày phúc trình kỹ thuật của mình và giải đáp thích đáng mọi câu hỏi nêu ra. Phía Dân quân nhấn mạnh tầm quan trọng của *ăng-ten* đối với sự an toàn của dân chúng North Dakota, đòi thi hành giải pháp chắc ý nhất, và thay vì chọn một trong hai khuyến nghị của tôi, nhất định dùng cả hai: Đường dây dùng dây dẫn điện cỡ 477 MCM hay lớn hơn và cách xa *ăng-ten* ít nhất 75 m. Vì nghiên cứu lý thuyết của tôi chưa được kiểm chứng thực nghiệm, sau khi đường dây được xây cất và hoạt động đúng mức, anh Pramana sẽ trở lại đo điện trường, từ trường, và tác động thực của chúng để bảo đảm tín hiệu không bị khuấy rối.

Trong giờ nghỉ giải lao, tôi theo anh Pramana ra ngoài trời quan sát trụ *ăng-ten*. Bỗng nhiên, anh cau mày, lại gần các nhà kho chứa đồ quanh đó, và chất vấn cặn kẽ các dân quân có nhiệm vụ canh gác. Khi phiên họp nhóm trở lại, anh tung ra “quả bom” khiến ai nấy đều xôn xao: Địa điểm hiện tại của *ăng-ten* quá gần kho đạn và vi phạm nặng nề luật lệ của Lục quân; Dân quân phải dời *ăng-ten* càng sớm càng tốt với phí tổn do Lục quân đài thọ. Trên đường đến buổi họp sáng nay, tôi nghe anh Gary bàn với luật sư của MDU là công ty sẽ đề nghị trả chi phí di chuyển *ăng-ten*, vì như thế rẻ tiền hơn dời đường dây.

Khi anh Gary gọi về văn phòng báo cho ông Bill biết kết quả buổi họp, ông mừng quá ra lệnh cho anh mời cả nhóm hơn 20 người ra nhà hàng sang nhất thành phố để ăn trưa, MDU khoản đãi. Trong phiên họp chiều, anh Gary và ông luật sư làm việc với phía bên kia để soạn thảo bản thỏa thuận giữa MDU và Dân quân North Dakota. Trên đường về, ông luật sư hân hoan,

“*Ba Hoa*, anh thật tuyệt vời. Trong nhiều năm thương thảo với *Big Brother* (Đại ca), hôm nay là lần đầu tiên tôi đạt được kết quả ngay buổi họp đầu. Tôi tưởng họ sẽ bắt MDU hủy bỏ dự án, hay ít ra cũng dời đường dây đi nơi khác.”

“*Big Brother*” là danh từ lấy trong cuốn tiểu thuyết *Nineteen Eighty-Four* (1984) của George Orwell (1903 – 1950) viết năm 1949, và dùng để mỉa mai các viên chức chính phủ ưa lạm dụng quyền hành, làm oai làm tướng. Sau khi anh Pramana mang dụng cụ đo lường trở lại North Dakota nghiệm lại kết quả lý thuyết, chúng tôi viết chung bài khảo cứu gửi đến *IEEE Transactions* là tạp chí kỹ thuật xuất bản định kỳ của IEEE (Hội Kỹ sư Điện và Điện tử thế giới). Bài khảo cứu với tên tôi đứng trước, tức là tác giả chính, được chọn đăng với lời khen ngợi nồng nhiệt của hội đồng tuyển chọn, và sau đó, Giới hạn *Ba Hoa* - Pramana 12 phần trăm trên trời rớt xuống được các nhà kỹ sư điện lực dùng làm mẫu mực trong các nghiên cứu tương tự. Lần đầu tiên một kỹ sư MDU có bài khảo cứu đăng trên tạp chí có uy tín khắp thế giới này, các bạn đồng sự hơn hở chúc mừng tôi, và giai thoại “thước tính đấu với máy điện toán” được truyền tụng khắp công ty.

Một buổi sáng đầu tháng Mười, khi xuống câu lạc bộ nghỉ giải lao, tôi cảm thấy có điều gì khác lạ. Người chung quanh nhìn tôi thì thăm bàn tán. Đột nhiên, anh bạn Charlie xuất hiện, cô thư ký Charlotte theo sau, đẩy xe chở chiếc bánh sinh nhật cắm 29 cây nến nhỏ đã thắp lên. Mọi người đứng dậy vỗ tay và hát bài "Happy Birthday to You" để mừng sinh nhật “Nhà Toán học của Công ty” – hàng chữ trang hoàng trên bánh. Tôi khựng lại một giây rồi nhớ ra. Hôm nay là ngày sinh nhật thứ 29 của tôi. Đó là chiếc bánh sinh nhật đầu tiên trong đời của tôi.

Trước sự thương yêu và kính nể của bạn bè nơi đất mới, tôi xúc động thực tình, nước mắt chảy dài trên má. Tôi nghĩ tới bé Mạc và nhớ lại lời bài hát của người bạn cũ là nhà du ca Nguyễn Đức Quang (1944 - 2011),

*Xin nhận nơi này làm quê hương dẫu cho khó thương.*

*. . . Xin nhận nơi này làm quê hương dẫu chưa thanh bình.*

Nơi này rất dễ thương và thanh bình đã lâu. *Quê hương của con tôi mà!*

***Nguyễn Ngọc Hoa***

*Ngày 25 tháng Mười Một, 2020*

# Hai Lời Khuyên, Một Cuộc Đời

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Sau khi hoàn tất thời kỳ tập sự tại Công ty Tiện ích Montana-Dakota (MDU), tôi nhận được *memo* (hay “memorandum” là cái thư ngắn gửi trong nội bộ) của ông Wally phó tổng giám đốc cho biết tôi đã thừa hành nhiệm vụ thỏa đáng, được tăng lương từ \$950 lên \$1,000 một tháng, và được ưu tiên điền bổ các chức vụ kỹ sư khuyết hiện có. Các chân trống thiếu người đã được niêm yết công khai, nhân viên ai thấy mình có đủ khả năng đều có thể nộp đơn xin làm. Nếu không có ai hội đủ điều kiện, sở nhân viên sẽ nhờ đến nha Chức nghiệp của tiểu bang hay đăng quảng cáo trên báo để tìm người. Với các chức vụ quan trọng hay hiếm người, công ty thuê các văn phòng thuê người tư thường được gọi là “headhunter” (kẻ “săn đầu”) tìm kiếm khắp toàn quốc.

Tôi có thể giữ chức vụ hiện tại ở sở Truyền Điện dưới quyền ông Bill, vị giám đốc từ ngày đầu tiên anh bạn Charlie cảnh báo là khó tính, không bao giờ cười, không khen ai điều gì, và sẵn lòng chỉ trích với lời lẽ chua cay. Anh dặn dò,

“Sau này nếu ông Bill biểu anh tính toán hay nghiên cứu dự án nào, anh cần *photocopy* giữ một bản trước khi đệ trình.”

“Tại sao vậy?” tôi ngạc nhiên.

“Vì ông ta sẽ không trả lại hay bình phẩm công trình của anh. Anh làm đúng và thành công thì không nói làm gì, nhưng nếu sơ suất đưa tới hư hỏng thì khi đó ông ta mới lấy ra vạch chỗ sai và khiển trách; một mình anh *lãnh đủ*.”

Tôi luôn nhớ lời khuyên của Charlie, và y như rằng, trong sáu tháng qua, ông Bill nhận phúc trình của tôi, dù dự án lớn hay nhỏ, chẳng nói chẳng rằng, và lẳng lặng cất vào tủ hồ sơ. Không thấy ông quở phạt hay đổ lỗi, tôi tin tôi chưa hề sai sót. Nhưng nếu được yêu cầu tiếp tục làm ở đây, tôi sẽ lắc đầu xua tay, “Không, xin cảm ơn.”

Tôi cũng có thể chọn một chân kỹ sư phân phối ở ty điện lực địa phương. MDU có mười ty địa phương lo trực tiếp cung cấp điện cho khách hàng ở North Dakota và ba tiểu bang chung quanh. Kỹ sư phân phối và toán thợ của anh đứng tiên phong trong việc cung cấp điện (và do đó những tiện nghi của đời sống văn minh) cho khách hàng. Khi khách hàng mất điện, anh chỉ huy thợ đến tận nơi lăn xả vào việc sửa chữa cho đến khi điện được phục hồi, bất kể ngày đêm hay kéo dài bao lâu. Thí dụ, khi hệ thống phân phối bị bão tuyết dữ dội dập tan tác, họ có thể làm việc liên tục cả tuần lễ hay mười ngày. Ban đêm, cứ bốn tiếng đồng hồ, họ luân phiên, kẻ làm việc, người vào *line truck* (xe vận tải chở dụng cụ đi sửa chữa) nằm ngủ. Tiền lương là động cơ thúc đẩy toán thợ hăng say làm việc: Ngoài tiền giờ phụ trội (trên 40 giờ một tuần) trả gấp rưỡi (gấp đôi nếu nhằm cuối tuần), lương giờ đó lại tăng gấp đôi nếu nhiệt độ bên ngoài xuống dưới 20°F (khoảng -7°C), và tăng gấp đôi một lần nữa nếu phải leo cột điện lên cao hơn 35 bộ Anh (khoảng 11 thước). Ngược lại, kỹ sư phân phối là nhân viên cấp chỉ huy lãnh lương năm, làm xong việc chứ không tính giờ, và được tưởng thưởng với lòng biết ơn của khách hàng, niềm tự hào hoàn tất sứ mạng của người kỹ sư, và lời ngợi khen của ban giám đốc.

Mười năm trước, ngày học năm thứ hai trường kỹ sư, tôi đã từng vẽ ra trong trí hình ảnh người kỹ sư hiên ngang trong bộ đồ ca-ki, đội nón an toàn, xắn tay áo, đứng ở công trường, chỉ huy thợ, và đem kiến thức phụng sự xã hội. Kỹ sư phân phối ở MDU ngày nay cũng gần gần như thế; anh lại ở “xa mặt trời,” ít bị trung ương ràng buộc, và có cơ hội tiếp xúc gần gũi với khách hàng. Nhưng trong mùa đông khắc nghiệt vừa qua, tôi bị phái ra công trường lội tuyết có khi cao hơn đầu gối ngoài đồng trống, chịu rét căm căm, và tối về bị cảm lạnh phải “nuốt” vài viên aspirin để ngủ yên và chuẩn bị cho cuộc “chiến đấu” hôm sau. Sau khi tiêu thụ hết hai chai aspirin, mỗi chai 500 viên, tôi ngán cảnh làm việc ngoài trời lạnh giá lắm rồi. Đành bỏ quá việc làm mơ ước của thời sinh viên hăng hái nhiệt thành.

Chỉ còn lại chân kỹ sư tham mưu ở nhà Điều hành Hệ thống Điện (“ĐHHTĐ”) ở mé tây tầng lầu, chức vụ không anh kỹ sư trẻ nào thèm ngó ngang tới. Trước đây, đôi khi cần thực hiện các phép tính phức tạp, tôi được chỉ sang tham khảo ý kiến Dennis là kỹ sư bên nhà ĐHHTĐ. Trong lúc phần lớn kỹ sư MDU tốt nghiệp từ North Dakota State University (NDSU) ở Fargo cách Bismarck 200 dặm Anh về phía đông, anh là kỹ sư duy nhất tốt nghiệp từ University of North Dakota (UND) ở Grand Forks cách Fargo khoảng 75 dặm Anh về phía bắc.

Hai trường UND và NDSU có tên tương tự như nhau khiến ban đầu tôi tưởng lầm là một, là hai đại học lớn nhất của North Dakota. Đặc biệt UND có trường y khoa với chi nhánh và địa điểm thực tập ở các thành phố lớn, và NDSU có trường canh nông với trung tâm thực nghiệm canh nông ở vài địa điểm trong tiểu bang. Hai trường là đại kình địch trong mọi bộ môn thể thao, sinh viên không bao giờ tiếc lời chê bai trường kia. Thí dụ, dân NDSU dè bĩu,

“Bọn con trai UND ở Grand Forks suốt ngày ngồi ngoài *ba* uống bia và đêm nằm ngủ với gái mà cho mình giỏi về Lưu thể 101 và Cơ thể học 201.”

Ở đại học Mỹ, tên các môn học được chỉ định thêm bằng một số ở đằng sau. Con số hàng trăm chỉ môn ấy học vào năm nào; thí dụ, số 1 chỉ môn học năm thứ nhất, số 2 chỉ năm thứ hai, và số 5 trở lên là các môn bậc cao học. Hai con số sau chỉ thứ tự trong môn học đó; thí dụ 101 là phần nhập môn ở năm thứ nhất, và 102 là phần kế tiếp đi sâu vào chi tiết hơn. Miệng lưỡi dân UND không kém phần độc địa,

“Bọn NDSU chuyên môn trồng cần sa, *phi* ngày đêm đã đời, và còn lại đem bán đầu độc bọn con nít tiểu học Fargo mà tự hào mình trội nhất về Thực vật học 101 và Kinh doanh 201.”

Tôi cảm thấy dường như còn có một lý do khác khiến mấy người kia úy kỵ Dennis: Trước khi tôi vào làm, anh là nhân viên kỹ thuật duy nhất có bằng cao học. Luận án cao học của anh thiết kế một dụng cụ điện tử điều khiển bằng máy điện toán để đo áp suất máu và nhịp đập của tim trong lãnh vực y khoa. Tấm bằng cao học treo trên vách ngăn trước bàn giấy anh lại ghi ngành chuyên khoa là “Electrical Engineering” (EE), tức là Kỹ thuật Điện. Lý do là ngành điện tử còn tương đối mới mẻ và khoa học điện toán còn phôi thai nên ở đại học Hoa kỳ, ban “EE” (đọc giống như “double ee”) bao gồm cả ba ngành.

Dennis trạc tuổi tôi, người dong dỏng cao, mặt ngu ngơ với đôi mắt kính dày cộm như đít chai Coca-Cola, tóc cắt ngắn chải ngược lên, và nụ cười chất phác. Cách phục sức và bộ tịch của anh gợi lên hình ảnh . . . quê quê của các chàng kỹ sư Mỹ trong phim xi-nê chiếu vào thập niên 1960:

quần sọc ca-rô màu xen kẽ nhau, *chửi nhau* với cái áo vest khoác ngoài bên trên và cái cà-vạt rẻ tiền móc vào cổ áo. Trên túi chiếc áo sơ-mi ngắn tay của Dennis chễm chệ cái *pocket protector* in tên và huy hiệu MDU, dầy đủ thứ viết khác màu. *Pocket protector* là chiếc túi dệt bằng nhựa dùng để dặt viết hay vài thứ cần dùng như thước kẻ ngắn hay cái vặn ốc nhỏ, chèn vào túi áo để tránh mực rò rỉ lan ra áo.



Buổi sáng Dennis vào sở mang theo *lunch box* đựng bánh xăng-uyích hay đồ ăn khác để ăn trưa tại bàn giấy. *Lunch box* của anh bằng kim loại màu đen, thân dưới hình hộp chữ nhật, nắp phía trên hình vòm bán nguyệt có quai xách và đóng lại bằng hai cái khóa móc, và bên trong có ngăn vừa vặn chứa chiếc bình thủy nhỏ đựng thức uống nóng hay lạnh. Anh ăn trưa rất nhanh, xong tất tả xuống phố chạy việc vặt. Anh cười ngượng nghịu,

“Bà xã tôi ở nhà, nhưng không quên gửi theo cái *honey-do list* cho tôi làm trong giờ ăn trưa.”

“*Honeydew list* (‘danh sách honeydew’) là gì, tôi không hiểu?” tôi ngơ ngác vì ‘honeydew (melon)’ là một loại dưa gang rất ngọt.

“Anh không hiểu lối chơi chữ này vì chưa lâm vào cảnh bị bà vợ mè nheo, ‘*Honey, do this; honey, do that*’ (Cưng ơi, làm cái này; cưng ơi, làm cái kia), và do đó mới kêu là *honey-do list* tức là danh sách các việc vợ sai làm.”

Tôi hiểu ra hai chữ đồng âm “honey-do” và “honeydew” và nhận thấy Dennis có óc hoạt kê khá đặc biệt. Một hôm tôi thấy anh chạy băng ngang qua ngã tư đèn đỏ vắng xe, trong khi đèn “Don’t Walk” và dấu hiệu bàn tay đưa lên ngăn lại, đỏ lên. Anh giải thích,

“Đèn đỏ bảo tôi ‘Đừng đi.’ Băng qua đường, tôi có ‘đi’ đâu, tôi ‘chạy’ mà!”

Trong một phiên họp sáng thứ Hai của nhân viên Tổng nha Kỹ thuật Điện, giám đốc nha Sản xuất tường trình vụ một nhà máy điện rủi ro bị tắt máy hoàn toàn vì nhân viên trực trong phòng kiểm soát quét dọn sàn nhà, bước lùi dần vào bức tường gắn các nút kiểm soát, và vô tình đụng mạnh vào cái nút dùng để tắt nhà máy trong trường hợp khẩn cấp. Ông hỏi đùa,

“Có ai biết cách nào để phòng ngừa sự kiện bất ý này không?”

Mọi người cười ồ lên, nhưng Dennis giơ tay nói tỉnh bơ,

“Không có cách nào an toàn để đối phó với bọn *dummy*! Chúng nó quá thông minh và thế nào cũng tìm ra cách khắc phục.”

“Dummy” là người giả, hình nhân, người nộm, hay kẻ lừa đảo ngớ ngẩn. Trước khi quyết định xin làm cho nhà ĐHHTĐ, tôi sang nói chuyện với Dennis vì nghĩ rằng anh hiểu rõ khả năng tôi hơn những người kia. Anh tóm tắt nhiệm vụ của nhà ĐHHTĐ,

“Nhà tôi gồm cả Trung tâm Điều hợp Điện năng điều hành hệ thống điện cao thế. Đối với các nhà sở kỹ thuật khác, chúng tôi là bộ não giúp tính toán và giải quyết các vấn đề khó khăn mà họ chịu bó tay. Chúng tôi đang thiết trí các chương trình điện toán để giải những bài toán liên quan đến hệ thống điện lớn. Ngoài ra, chúng tôi đại diện công ty trong các ủy ban của Tổ hợp Điện lực Vùng Trung-Lục địa gọi tắt là MAPP.”

Ở Bắc Mỹ, các hệ thống điện đều nối với nhau thành ba liên mạng (interconnection) hầu như độc lập với nhau: Liên mạng Đông, Liên mạng Tây, và Liên mạng Texas (chỉ gồm tiểu bang Texas). Trong mỗi liên mạng, các cơ quan điện lực có khu vực hoạt động gần nhau thường tự nguyện hợp lại thành một tổ hợp điện lực (power pool) để mua bán điện và giúp đỡ lẫn nhau nhằm phục vụ khách hàng hữu hiệu hơn và với giá điện rẻ hơn. MDU nằm trong Liên mạng Đông và thuộc về MAPP. Tổ hợp này gồm cơ quan trong bảy tiểu bang Hoa Kỳ và hai tỉnh Gia Nã Đại và đặt trụ sở tại Minneapolis thuộc tiểu bang Minnesota. Dennis ngạo nghễ,

“Anh sẽ có cơ hội vận dụng trí óc, thi thố tài năng, và chung lưng làm việc với những chuyên viên tinh hoa của MAPP, không phải nhúc nhủ đầu với bọn *dummy* ngoài kia.”

Câu nói của Dennis sao giống như ý kiến thẳng Công hơn một thập niên trước. Nó là bạn thân nhất của tôi thời Quốc Học Huế. Hai năm cuối trung học, hai đứa hai nơi: Tôi học ở Ban Mê Thuột và nó ở Huế. Chúng tôi viết thư cho nhau hàng tuần, vừa tâm sự thiết tha vừa đưa ra những bài toán khó để đố nhau; đứa nào cũng tự phụ mình giỏi toán và cố chứng tỏ ít nhất mình ngang sức với bạn. Cuối năm đệ nhất (lớp 12), nó viết,

*Tau thấy trong các ngành học trên đại học, kỹ sư điện là ngành dùng toán cao nhất.*

Đó là ngành thẳng Công lựa chọn, và tôi không thể lựa chọn khác đi. Tôi nói mẹ nhờ người xuống Sài Gòn nộp đơn xin thi vào trường Cao đẳng Điện học cho tôi, và chỉ một trường đó thôi. Mẹ thắc mắc,

“*Răng con không nộp đơn thi vô trường khác, chẳng hạn như Y khoa, Sư phạm, hay Nông Lâm Súc?*”

“Con không thích học mấy ngành *nhớ*,” tôi bướng bỉnh như mọi khi.

“*Nhưng lỡ thi không đậu thì *răng*? Học tài thi phận mà con.*”

“*Nếu không vô được trường Điện, con học toán ở Đại học Khoa học không thi tuyển.*”

Tôi và thẳng Công đều đậu vào trường Điện. Nếu ngày đó lời nói bóng gió của nó đã dẫn tôi vào ngành kỹ thuật điện thì ngày nay lời dẫn dụ của Dennis đưa tôi đến 37 năm còn lại của cuộc đời nghề nghiệp tại nhà Điều hành Hệ thống Điện. Nghe theo hai lời khuyên đó, tôi chưa một lần hối tiếc.

**Nguyễn Ngọc Hoa**

Ngày 13 tháng Giêng, 2021

# Phần Thưởng Quý Báu

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Cuộc phỏng vấn với ông Howard giám đốc nha Điều hành Hệ thống Điện (“ĐHHTĐ”) ngắn và đơn giản đến không ngờ. Ông hỏi tôi dăm ba câu vô thưởng vô phạt đại loại như “Anh thấy Bismarck thế nào?” rồi đưa tôi vào giới thiệu với nhân viên trực trong Trung tâm Điều hợp Điện năng. Xong, ông biểu tôi về bàn giấy ở sở Truyền Điện, lấy đồ đạc và hồ sơ cá nhân, và mang sang bàn giấy đặt cạnh anh bạn Dennis. Bàn giấy mới đã sửa soạn sẵn với đủ thứ dụng cụ văn phòng, số điện thoại nhánh của tôi cũng chuyển sang điện thoại ở đây. Vậy là tôi thuyên chuyển đến nhiệm sở mới.

Quỳnh Châu bế cu Mạc đứng đón tôi ở cửa, nàng nhận ra nét mặt hân hoan của tôi,

“Ba cu Mạc hôm nay được *Mỹ nhân* ban phát cho nụ cười xinh đẹp tuyệt vời hay sao mà mặt tươi rói như hoa mười giờ mới nở?” Nói “*Mỹ nhân*,” nàng ám chỉ một cô gái người Mỹ.

“Hôm nay anh chồng đẹp *chai* (traí) của em đứng đầu danh sách tuyển chọn và chuyển sang làm *job* mới ở nha Điều hành Hệ thống Điện,” tôi làm bộ vênh váo trả lời.

“Chồng em giỏi quá! Có bao nhiêu người xin làm?”

“Chỉ một mình anh thôi, hì hì. Bọn Mỹ thấy bản mô tả nhiệm vụ đòi hỏi khả năng tính toán và nghiên cứu là le lười chạy dài, ông *sếp* mừng hóm như bắt được vàng khi thấy anh nhào *dzô*,” thấy nàng mắc lõm, tôi cười đắc ý.

“Cu Mạc coi ba giỏi không nè, vừa đứng đầu sổ vừa đứng chót bệt,” nàng nhẹ nhàng trả đũa rồi đưa má cho tôi hôn, “Dầu sao em cũng mừng chồng có công việc vừa ý.”

Sáng hôm sau, tôi đứng xếp hàng ngoài cửa văn phòng ông Howard chờ trình diện vì ông rất bận rộn, nhân viên ra vào tấp nập. Ông trạc ngũ tuần, thân hình vạm vỡ, và dáng đi mạnh bạo. Hàng râu mép màu muối tiêu rậm và giọng nói ồm ồm khiến ông mang dáng dấp thợ thuyền hơn là giám đốc kỹ thuật. Trông thấy tôi, ông chấm dứt thảo luận với người đang ở trong văn phòng và vẫy tay gọi tôi vào. Tôi rụt rè ngồi vào chiếc ghế trước bàn giấy,

“Tôi tự hỏi hôm nay ông đã sẵn sàng giao cho tôi dự án mới chưa.”

“Anh có thuốc lá đó không? Cho tôi hút *cà* một điếu,” ông hơi bối rối, “Bà vợ không cho hút thuốc, sợ tôi chết trước bà ấy.”

Tôi đưa bao thuốc lá cho ông Howard rút một điếu và cười thầm: Ông *sếp* bị vợ ra lệnh chỉ được hút thuốc *OP’s* (đọc giống như “opeez”). “*OP’s*” là chữ viết tắt của “Other People’s” tức là thuốc lá của người khác, nhưng đọc lên tựa như “opium” là thuốc phiện, nghe . . . oai hơn. Lối nói giễu ấy chẳng khác gì câu “ca dao” của dân Sài gòn,

*Ra đi vợ đã dặn rằng,*

*Thuốc chùa thì hút, thuốc mua thì đừng.*

Vài tuần sau tôi biết mình lầm: Áp lực công việc khiến đầu óc ông Howard căng thẳng, và ông thấy cần hút thuốc để lòng bớt bồn chồn. Sau năm bảy lần hút *cà* (tiếng Anh nói là “*bump a cigarette*”), ông mua trả tôi bao thuốc lá mới nguyên. Ông ngập ngừng,

“Có quá nhiều dự án muốn thực hiện, nhưng tôi chưa có thì giờ sắp xếp cái nào nên làm trước. Tạm thời, anh làm việc với Dennis và Gerri, xem họ cần giúp gì không.”

Dennis có bằng cao học, chuyên về điện toán, hai năm trước được Công ty Tiện ích Montana-Dakota (MDU) thuê để thiết trí và điều hành các chương trình điện toán dùng cho hệ thống điện lớn, và không qua sự “huấn luyện” của ông Bill ở sở Truyền Điện như tôi và phần lớn các kỹ sư khác. Trong nhóm kỹ sư nha ĐHHTĐ, Gerri là người thâm niên nhất và đã làm việc cho MDU sáu, bảy năm nay. Dáng anh cao ráo, mặt trắng trẻo, giọng nói trong và cao, và bộ tịch dịu dàng như phụ nữ. Ngoài nhiệm vụ ở công ty, anh là chủ tịch một ủy ban quan trọng của Tổ hợp Điện lực Vùng Trung-Lục địa gọi tắt là MAPP mà MDU là hội viên.

Tôi ở văn phòng ông Howard ra thì đến giờ nghỉ giải lao. Gerri đang nói chuyện điện thoại viễn liên nên chỉ có tôi và Dennis xuống câu lạc bộ uống cà-phê. Tôi thuật lại lời ông *sếp*, Dennis chán nản lắc đầu,

“Nói về cá nhân, Howard là người tử tế và đáng mến, nhưng nói về khả năng làm *sếp*, ông là người bất tài. Hơn một năm nay, tôi và Gerri cố gắng giữ nha mình *cho nổi lên khỏi mặt nước*, nhưng thường thất vọng và bực bội.”

“Nếu ông không đủ tài, tại sao công ty bổ nhiệm vào chức vụ giám đốc?” tôi ngạc nhiên.

“Trước đây Howard là giám đốc sở Trạm Biển Thế, giỏi xây cất trạm biển thế. Năm ngoái, ông giám đốc nha Điều hành Hệ thống điện mất đột ngột vì bệnh ung thư, công ty không có ai hoàn toàn đủ khả năng thay thế, và Howard là vị giám đốc kỹ thuật thâm niên có uy tín và khả năng lãnh đạo nhất. Một phần muốn làm ơn cho MDU và một phần đánh giá quá cao kinh nghiệm thực hành của mình, ông nhận chức vụ này mà không biết mình lạc bước vào khu rừng rậm không có lối ra.”

Tôi không mấy quan tâm đến điều Dennis kể lể. Trong những năm đi dạy học, tôi quen làm việc một mình một núi. Soạn bài, viết bài giảng, dạy sinh viên, và ngay cả thiết lập phòng thí nghiệm, có bao giờ tôi dựa vào sự hướng dẫn của *sếp* đâu. Theo lời khuyên của Dennis và Gerri, tôi học hỏi phương cách điều hành hệ thống điện và đồng thời giúp Dennis thiết lập kho dữ kiện dùng cho các chương trình điện toán. Dữ kiện cần thiết là các đặc tính về điện của những thành phần trong hệ thống điện là đường dây truyền điện cao thế, trạm biển thế, và nhà máy phát điện.

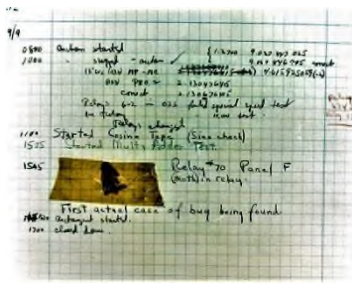
Nhờ kinh nghiệm làm việc ở sở Truyền Điện, tôi truy cập dữ kiện thô của các thành phần đó không mấy khó khăn. Tính toán những đặc tính cần dùng lại dễ dàng hơn vì đó là *nghề của chàng*. Tôi chia hệ thống điện thành nhiều khu vực nhỏ, phác họa sơ đồ mỗi khu vực và ghi đặc tính của các thành phần, nhờ họa viên vẽ đúng mẫu mực, viết thêm chỉ dẫn về phương pháp tính toán, và sau cùng gửi xuống xưởng in, in thành tập sách. Tập sách này là tài liệu kỹ thuật đầu tiên trình bày đầy đủ chi tiết của toàn thể hệ thống điện MDU; tôi phổ biến đến các kỹ sư điện trong công ty để khi cần họ có thể tự tính toán mà không cần gọi nha ĐHHTĐ.

Có đủ dữ kiện, Dennis chạy thử chương trình FORTRAN tính dòng điện nhiễu loạn trong trường hợp một dây dẫn điện (một *pha* trên đường dây truyền điện ba *pha*) bị đứt rơi xuống đất, hay chạm vào dây dẫn điện khác. FORTRAN (do “Formula Translation” nghĩa là phiên dịch công



thức) là ngôn ngữ thảo chương đặc biệt được công ty International Business Machines (IBM) đưa ra vào thập niên 1950 và dùng để tính toán trong các áp dụng khoa học và kỹ thuật. Không may cho anh, máy điện toán không cung cấp kết quả mong muốn: trị số tính được hoặc quá lớn, hoặc quá nhỏ. Dennis loay hoay cả tuần lễ mà không tìm ra nguyên nhân gây ra sai lầm. Anh là chuyên viên FORTRAN duy nhất của công ty, không ai giúp được anh.

Nhìn vẻ mặt tuyệt vọng của Dennis, tôi *xăm mình* tình nguyện giúp anh *debug*. Trong ngôn ngữ điện toán, “debug” là lùng kiếm chỗ sai trong chương trình điện toán, và “bug” nghĩa đen là con bọ, là chỗ sai ấy. Hai chữ này bắt nguồn từ một chuyện vặt xảy ra ở phòng Thí nghiệm Tính toán của Đại học Harvard vào tháng Chín năm 1947. Khi một chương trình điện toán trong bộ máy điện toán Mark II chạy sai, nhân viên điều hành khám phá ra lý do là con bọ chết nằm trong mạch điện, và xác con bọ được dán vào sổ lịch trình công tác của phòng thí nghiệm. Từ đó, “bug” . . . chết thành tên.



Tôi chưa học FORTRAN và chưa hiểu rõ cách vận hành của bộ máy điện toán chính (duy nhất) của công ty, nhưng đã từng là chuyên gia hàng đầu về mạch điện. Chương trình FORTRAN của Dennis làm một phép tính không có gì phức tạp, nhưng vì áp dụng vào một hệ thống điện lớn nên phải tuần tự làm hàng ngàn, có khi hàng vạn con tính nhỏ để tới kết quả. Năm tôi học đệ tứ niên trường kỹ sư, thầy Nhật dạy môn Kỹ thuật Điện cho một bài toán tương tự để làm bài thi cuối khóa. Tôi biểu Dennis sửa đổi chương trình FORTRAN để có thể in ra các trị số trung gian và chạy chương trình với trường hợp đơn giản nhất. Anh dùng xe đẩy, đẩy về cho tôi một chồng bản in điện toán cao hơn nửa thước, và nhìn tôi với đôi mắt nghi ngờ,

“Đây anh, chúc may mắn, *Ba Hoa*.”

“Tôi mà thành công, anh phải đãi tôi uống cà-phê nguyên tháng đấy,” tôi ráng làm ra vẻ tự tin.

Giống như thời đi học, tôi tỉ mỉ vẽ mạch điện, miệt mài làm tính bằng tay (tiếng Anh nói tính bằng “long hand,” nghĩa đen là “bàn tay dài”), và thận trọng kiểm chứng từng bước. Một tháng sau, tôi cùng Dennis lần từng dòng một trên bản in và so sánh với trị số tính bằng tay. Khi dò quá ba phần tư chồng giấy, chúng tôi tìm ra điểm trên bản in bắt đầu khác biệt với phép tính của tôi, và nhờ đó Dennis xác định đúng chỗ *bug* ẩn mình là một hàng mệnh lệnh không đầy đủ trong chương trình FORTRAN gần 5,000 hàng. Giai thoại “*bàn tay dài* đấu với máy điện toán” được truyền tụng khắp công ty và lan ra ngoài đến tổ hợp điện lực MAPP vì các công ty hội viên chia sẻ chương trình FORTRAN và dữ kiện để khảo sát hệ thống điện của toàn tổ hợp.

Ông Howard bằng lòng về sự thành tựu của tôi và để tôi tự do học hỏi, phối hợp công việc với Dennis và Gerri, và nhất là làm việc theo ý mình. Mỗi khi tôi có việc vào văn phòng gặp ông là ông hỏi chuyện dai dẳng dứt không ra, sau khi hút ké điếu thuốc lá. Tôi giao hẹn với Dennis, đến giờ nghỉ giải lao mà tôi còn “kẹt” thì *cứu bồ* bằng cách đứng ngoài cửa ra dấu cho tôi đi ra.

Một hôm, khi tìm cách phân loại các thứ giá thành để dùng trong chương trình FORTRAN lượng giá các giải pháp xây dựng khác nhau, tôi bí, bèn vào gặp ông Howard hỏi. . . mặc may. Ông không hiểu câu hỏi của tôi, nhưng để ra ba ngày liền kéo lê tôi đi khắp nơi, từ nha Sản Xuất, đến nha Kế toán, nha Ngân quỹ, phòng Nhân viên, phòng Thuế vụ, v.v. để tôi vấn kế các vị giám đốc. Họ ra tài thuyết trình dông dài về công việc và quan điểm của họ, nhưng không ai trả lời tôi thỏa đáng và sau đó tôi được tiếng khen “*sharp cookie*” – anh chàng tinh nhanh – vì đã đặt câu hỏi và chịu trận đứng nghe. Đi ba ngày *đàng* mà không học được *sàng khôn* nào vì tôi đã nghĩ ra giải đáp trong vòng hai tiếng đồng hồ đầu tiên của ngày đầu.

Năm 1981, ông Howard về hưu; Gerri được thăng lên chức giám đốc, để tôi tự do như trước, và nhiệt tình ủng hộ các công tác tôi đề ra. Dennis dành hết thì giờ coi sóc một hệ thống điện toán mới gọi là SCADA nối Trung tâm Điều hợp Điện năng với thành phần của hệ thống điện để kiểm soát và thu thập dữ kiện, anh chuyển hẳn nhiệm vụ hoạch sách (hay kế hoạch hóa) sang cho tôi. Nhiệm vụ này gồm công tác tiên đoán mức tiêu thụ điện của khách hàng và hoạch định các đường dây truyền điện và nhà máy phát điện tương lai.

Ngày đêm tôi hăng say nghĩ ra và đề nghị những dự án mới mà trước đây chưa ai có thì giờ hay khả năng nghĩ tới. Tôi thiết lập phương pháp khảo sát, viết chương trình FORTRAN, viết cẩm nang sử dụng, và phổ biến rộng rãi đến các kỹ sư trong công ty. Tôi cầm đầu một nhóm nhân viên thực hiện các cuộc nghiên cứu kế hoạch định kỳ mà trước đây khi cần MDU phải thuê công ty cố vấn bên ngoài làm, và ấn hành các phúc trình kỹ thuật đầy đủ và nghiêm túc để đệ trình lên cơ quan chính phủ và công bố cho khách hàng hiểu rõ kế hoạch dài hạn của MDU. Tất cả đều là đầu tiên trong lịch sử công ty.

Đầu năm 1990, trong một buổi họp hàng tuần của ban tham mưu, ông Wally thông báo tên nha ĐHHTĐ sẽ chính thức có thêm chữ “Hoạch sách” và đổi thành “Điều hành và Hoạch sách Hệ thống Điện” để phản ảnh trung thực nhiệm vụ của nha. Anh bạn Charlie giơ tay hỏi đùa,  
“Có phải chữ ‘Hoạch sách’ trong tên mới còn có nghĩa là ‘Ba Hoa’?”

Mọi người cười ồ lên. Ông Wally cũng cười,  
“Suyt, suyt! Anh nói nhỏ chứ, có người nghe được sẽ đòi tôi tăng lương lớn bây giờ!”

Hai câu nói đùa ấy là *phần thưởng quý báu* nhất dành cho tôi trong gần nửa thế kỷ đi học, đi dạy, và hành nghề kỹ thuật điện. Cuộc đời nghề nghiệp của tôi xem ra không tệ.

**Nguyễn Ngọc Hoa**  
Ngày 27 tháng Giêng, 2021

# Lễ Khảm Tháng của Cu Mạc

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Bé Ryland Bích Mạc ra đời được mười ngày thì đến tiết xuân phân, mùa xuân chính thức bắt đầu. Trời quang đãng và bắt đầu ấm lại, tuyết đóng băng bên vệ đường bắt đầu tan, và những cành cây trụi bắt đầu mọc lá xanh. Mọi vật hồi xuân, tươi trẻ trở lại. Tôi đón mùa xuân đầu tiên trên đất nước này, nhận nơi “đất khách” làm “quê mình,” mà lòng nửa hân hoan, nửa lo âu. Tôi sung sướng vì đã bỏ lại sau lưng những ám ảnh khổ đau của một đời sinh ra và lớn lên trong chiến tranh. Tôi cũng mới hoàn tất thời gian tập sự học hỏi nghề nghiệp và được lựa chọn công việc thích hợp với tài năng nhất trong công ty.

Mặt khác, đây là lần đầu tiên tôi làm cha, mang bốn phận mới đối với con đầu lòng mà ngoảnh đi ngoảnh lại chỉ có hai đứa – tôi và Quỳnh Châu – và mấy cuốn sách dạy cách săn sóc và nuôi nấng ấu nhi. Thấy tôi băn khoăn đến mất ngủ, Quỳnh Châu khuyên nhủ,

“Chồng ơi, cu Mạc khỏe mạnh, chịu bú chịu ngủ, đâu có chuyện gì mà anh quá lo như vậy? Nếu có gì bất ngờ thì *trời sinh voi, sinh cỏ*; hai đứa mình bình tĩnh lo cho con thì mọi việc sẽ yên thắm và qua đi.”

“Em nói thành ngữ đó làm anh nhớ lại ngày ở ngoài Huế anh nghe hai ông bà già nói với con gái và con rể, ‘Tụi *mi* cứ để thêm để *bọ mọ* có cháu bồng cho vui; *trời sinh voi, sinh cỏ sợ chi?*’ Anh con rể đáp lại, ‘Voi ăn cỏ thì sống, *chớ* người ta làm *răng* ăn cỏ mà sống được *bọ mọ* ơ?’” tôi cười nheo mắt.

“Xí, người ta nói nghĩa bóng mà chồng lại đem nghĩa đen ra mà cãi. Cách nói khác là *trời sinh trời dưỡng*, tự nhiên sẽ có giải pháp cho mọi vấn đề. Chịu chưa *ông dông* khó tính?” nàng nũng nịu.

“Em khỏi cần kêu trời kêu đất ra giúp. Anh lo vì cu Mạc là con và anh là cha. Chưa bao giờ anh thấy thiếu sửa soạn trước khi làm một việc gì như bây giờ,” tôi than thở.

“Điều đó là *chắc như cua gạch* rồi! Em đọc trong sách nói cha mẹ sẽ tiếp tục lo nghĩ cho con cái suốt đời, bất luận con một tuổi hay một trăm tuổi.”

Trước khi Mạc được hai tuần, ông Gardner ngờ ý muốn bé rửa tội thành thành tín đồ Tin lành. Rất nhiều gia đình tỵ nạn đã cải đạo và gia nhập Cơ đốc giáo – hoặc Tin lành, hoặc Công giáo – để làm vui lòng người bảo trợ và nhà thờ bảo trợ. Nhưng hầu hết chỉ đổi đạo tạm thời, khi không còn cần giúp đỡ vật chất thì ngưng đi nhà thờ và hết “thờ phụng Chúa.” Sáu tháng qua, người trong họ đạo nhà thờ Ba ngôi Lutheran thường nói bóng gió khuyên tôi cải đạo, nhưng tôi một mực làm ngơ. Nay ông Gardner đưa ra đề nghị thực tiễn,

“Tôi sẽ là cha đỡ đầu cho Ryland. Anh cũng biết theo tục lệ Cơ đốc, cha đỡ đầu không khác gì cha đẻ và sẽ chăm lo cho bé suốt cả đời.”

Thật khó nghĩ, ông Gardner và nhà thờ Ba ngôi Lutheran là ân nhân của gia đình tôi. Ông thương yêu Quỳnh Châu và xem nàng như con, nàng gọi ông là “Dad” (Ba), và tôi lấy tên ông để đặt cho Mạc. Nhưng tôi đã sửa soạn câu trả lời,

“Cám ơn bác, nhưng cháu và Châu là tín đồ Phật giáo thuần thành từ nhiều đời. Cháu thấy cho Ryland rửa tội lúc này là chưa đúng lúc.”

“Phật giáo làm sao sánh được với Cơ đốc giáo của chúng tôi? Đức Phật chỉ là người phàm mắt thịt, trong lúc Chúa Giê-su là Thiên chúa, là đấng cứu thế. Anh thương Ryland thì nên cho bé đi vào con đường được cứu rỗi đời đời.”

Có lẽ ông Gardner cũng nói điều ông đã suy nghĩ lâu nay. Tôi giận đỏ mặt, vội vàng đứng dậy bỏ ra sau nhà bếp. Khi tôi trở lại, Quỳnh Châu một tay nắm tay tôi, một tay bá cổ ông Gardner, và gượng cười,

“Ba ơi, trong lãnh vực tôn giáo, đức tin gắn liền với những huyền thoại màu nhiệm ghi trong kinh giáo cần phải được tách rời ra khỏi những suy luận thực tiễn hay khoa học. Ai cũng biết Thái tử Tất Đạt Ta (Siddhārtha) họ Cồ Đàm (Gautama) con Vua Tịnh Phạn thuộc dòng Thích Ca bỏ nhà cửa vợ con đi tu, mất sáu năm tu khổ hạnh và quyết chí ngồi thiền 49 ngày đêm mới giác ngộ, và đặt ra nguyên tắc và quy điều đạo đức thành một tôn giáo là đạo Phật. Nhưng các huyền thoại về đức Phật đản sanh đã khiến tín đồ Phật giáo bèn lòng tin rằng ngài là thánh nhân ra đời để cứu độ chúng sinh.”

“Thật vậy sao? Sao ba đọc không thấy?” ông Gardner ngạc nhiên.

“Dĩ nhiên là sách Mỹ không biết, hay biết mà không nói,” nàng lắc đầu rồi kể lại sự tích đức Phật đản sanh thời còn bé tôi đọc nhiều lần trong cuốn *Ánh Đạo Vàng* của Võ Đình Cường (1917 – 2008) về cuộc đời ngài.

Tại vườn Lâm Tỳ Ni, Hoàng hậu Maya tay phải vịn vào cành hoa Vô ưu và đứng sanh thái tử, và ngài xuất thế từ hông phải của mẹ, không cần cắt rốn và không để lại dấu vết trên thân thể mẹ. Ngài đi từ bụng mẹ ra không đụng đất, chư thiên đỡ lấy ngài, rồi hai dòng nước nóng và lạnh từ hư không hiện ra tắm rửa sạch sẽ cho ngài và mẹ. Sau đó, ngài đứng vững trên hai chân và khoan thai bước đi bảy bước, dưới đất mọc lên bảy đóa hoa sen đón bước chân ngài. Tay phải ngài chỉ lên trời, tay kia chỉ xuống đất, và theo trích dẫn của kinh sách bằng chữ Hán, ngài nói, “*Thiên thượng, thiên hạ, duy ngã độc tôn. Tam giới giai khổ, ngã đương an chi*” (Trên trời dưới thế, duy ta là tôn quý. Ba cõi đầy khổ đau, ta làm cho yên ổn).



Nghe kể đến đây, ông Gardner lắc đầu,

“Vô lý! Một cậu bé sơ sinh mà có thể làm những chuyện như thế, ai mà tin được?”

“Thì con đã nói với ba, tôn giáo và đức tin phải đi đôi với nhau,” Quỳnh Châu nhón miệng cười, “Có khác gì những điều mà ba và tín đồ Cơ đốc tin về Chúa Hài đồng đâu? Nếu lấy khoa học hiện đại mà xét, ai mà tin được huyền thoại đức Bà Maria sinh ra Chúa Giê-su mà còn đồng trình, chưa hề gần gũi với chồng là Thánh Giu-se, trong khi Tân Ước ghi Chúa Giê-su có bốn người em trai và vài người em gái? Ngoài ra, một số sử gia tin là Mary Magdalene, cô gái giang hồ luôn luôn ở bên cạnh Chúa Giê-su và chứng kiến cảnh ngài bị đóng đinh, không những

là môn đồ mà chính là vợ của ngài. Có người cho rằng hai người có hậu duệ truyền lại đến ngày nay, giống như người thế tục.”

“Anh đọc đâu đó nói trong bức tranh *The Last Supper* (Tiệc Ly) của Leonardo da Vinci (1452 – 1519), vị tông đồ ở bên phải Chúa Giê-su và nghiêng người về hướng xa ngài là một phụ nữ. Có phải người đó là cô Mary Magdalene hay không?” tôi xen vào hỏi Quỳnh Châu.

“Những chuyện đồn đại tà đạo huyền hoặc đó thì kể ra làm gì?” ông có vẻ bực mình, nhưng đã dịu giọng.

Tôi thấy cần chấm dứt cuộc thảo luận về tôn giáo, một trong hai vấn đề tối kỵ trong các cuộc nói chuyện giữa bạn bè hay người thân, vấn đề kia là chính trị, và trở lại đề nghị ban đầu của ông Gardner,

“Cháu biết bác quý mến tụi cháu và thương yêu Ryland. Tôn giáo nào cũng tốt, cũng dạy con người làm điều hay lẽ phải, nhưng cháu muốn dành quyết định lựa chọn cho Ryland nên cho bé rửa tội lúc này chưa đúng lúc.”

“Anh làm sao làm được chuyện đó?” ông không tin.

“Khi Ryland đến tuổi cấp sách đến trường, cháu sẽ cho bé đi học giáo lý ở nhà thờ mỗi sáng Chủ Nhật. Cho đến lúc bé tới tuổi quyết định, theo đạo Cơ đốc hay không là tùy bé,” tôi trả lời ngay, không suy nghĩ.

“Đầu Ryland rửa tội hay không, bé vẫn là một người thân yêu nhất đời của tôi,” ông nói.

Từ khi Mạc lên bốn, mỗi tối tôi đều dạy bé học tiếng Việt; bé biết đọc và viết tiếng Việt trước khi tới tuổi đến trường. Tôi giữ lời hứa, mỗi sáng Chủ Nhật, dù mưa lạnh hay bão tuyết, đều bắt bé đi nhà thờ học giáo lý. Tôi không kiếm ra cuốn *Ánh Đạo Vàng*, nhưng bé học về Phật giáo trong sách do các chùa Việt nam ấn tống. Đến cuối năm lớp sáu, ở tuổi 13 là kỳ hạn trẻ nhất để nhận lễ ban thánh thể (communion) ở nhà thờ Ba ngôi Lutheran, Mạc được phép quyết định. Mạc từ chối, không gia nhập Cơ đốc giáo. Tôi không hỏi tại sao.

\* \* \*

Theo tục lệ Quảng Bình, lễ quan trọng nhất của trẻ em là lễ *khảm thán* (đầy tháng). Trong dịp này, em bé được chính thức đặt tên, và gia đình cúng 12 bà mụ để tạ ơn mẹ tròn con vuông. Tục cho rằng có 12 bà mụ nặn ra em bé, mỗi bà một phần của bào thai. Tôi còn nhớ mùa hè năm 1954, trước ngày di cư vào Nam, mẹ *nằm nơi* sinh em kế thằng Sang. Mấy anh em tôi là học trò không được lai vãng vào chỗ mẹ *nằm bếp* (nơi sinh đẻ ở gần bếp), sợ bị *phong long* nghĩa là nhiễm khí trọc như uế làm cho học ngu. Em bé sống khoảng mười ngày thì mất. Theo tục xưa, chưa tới đầy tháng, em là *hữu vị vô danh* (có sinh mà không có tên), thuộc về loài *ranh* chứ không phải loài người, và không được chôn lẫn với người lớn, và cha mẹ không được khóc và không thờ tự gì cả. Từ đó đến nay, họa hoàn lắm mẹ mới đề cập đến *thằng qua* và khi nói, lướt qua thật nhanh như thể là điều cấm kỵ.

Tôi không thể bỏ qua lễ *khảm thán* của Mạc, nhưng tôi và Quỳnh Châu mù tịt về nghi thức khấn vái và các lễ vật cần thiết để cúng bà mụ. Mà dù biết đi chẳng nữa, ở cái thành phố Bắc Mỹ nhỏ bé này, tìm đâu ra những thứ cần dùng để cúng kiếng? Nhưng tôi có cách thực hiện ngày lễ trọng đại cho con.

Tiệm ăn sang nhất của thành phố phục vụ khách hàng theo nghi thức trang trọng, bắt đầu bàn mặc *tuxedo* (áo *smoking*, tức là lễ phục đàn ông), và yêu cầu khách mặc trang phục thích hợp. Mỗi tối có nhạc sĩ đánh dương cầm giúp vui trong lúc khách dùng cơm, tối thứ Sáu có ban nhạc sống. Tôi gọi điện thoại giữ chỗ tối thứ Sáu, đúng ngày Mạc tròn một tháng ta (30 ngày), mời vợ chồng Charlie là đôi bạn đầu tiên và thân nhất ở Bismarck, và dặn Charlie mang theo dụng cụ chụp ảnh; anh làm thợ chụp hình đám cưới vào những ngày cuối tuần.

Đến ngày, chúng tôi mặc quần áo đẹp cho Mạc, cho bé nằm trong cái rổ mang em bé, đưa tới tiệm ăn, và đặt rổ trên ghế ngồi, cho bé chiếm một chỗ trong bàn tiệc như người lớn. Phòng ăn trang bị đèn mờ, ngọn nến thấp sáng lung linh nằm giữa bàn khách ăn. Tôi đặt trước món ăn chính là đuôi tôm hùm ăn chấm với bơ loãng. Nhà hàng dọn bơ ra cho từng người trong cái chén nhỏ đặt trên cái giá kim loại xinh xắn, phần dưới giá có ngọn đèn nhỏ thấp lên để giữ bơ lỏng và ấm suốt bữa ăn. Bàn tiệc như thể có năm ngọn nến với ánh sáng lay động nhảy múa.

Charlie chụp hình cho Mạc và vợ chồng tôi tại bàn tiệc, rồi trước sân khấu trang hoàng đẹp mắt khi ban nhạc trình bày bản “Angel” (Thiên thần) tôi yêu cầu. Bài hát thay cho lời khấn vái bà mẹ do nhạc sĩ nhạc *rock* (nhạc kích động) Jimi Hendrix (1942 - 1970) viết và tự sản xuất ra đĩa trước khi qua đời vào tháng Chín năm 1970,

*Angel came down from heaven yesterday  
stayed with me long enough to rescue me  
And she told me a story yesterday  
about the sweet love between the moon and the deep blue sea.*  
(Thiên thần trên trời hiện xuống hôm qua  
ở lại với tôi đủ thời gian để cứu vớt tôi  
Và hôm qua bà kể tôi nghe  
về tình yêu ngọt ngào giữa mặt trăng và biển xanh sâu thẳm.)

Trên đường về, Quỳnh Châu ngợi khen,

“Chồng em thật giỏi! Đã đồng hóa ‘bà mẹ’ Quảng Bình là thần linh bảo vệ hài nhi thành ‘thiên thần’ trong tôn giáo tây phương và tổ chức lễ *khảm thánh* cho cu Mạc một cách tài tình.”

“Hừ, khen chồng khen cả ngày! Em quên chồng em một thời là khoa học gia, trí tưởng tượng không kém gì điều Albert Einstein (1879 – 1955) nói, ‘Tưởng tượng quan trọng hơn kiến thức,’ sao?”

Tôi mong mỗi Mạc lớn lên sẽ hấp thụ và dung hòa hai nền văn hóa Việt - Mỹ và sẽ không lúng túng như cha mẹ bé lúc này. Ba mươi năm sau, Mạc hoàn thành mơ ước đó trên mức mong đợi của tôi. Một vật lý gia tốt nghiệp Học viện Kỹ thuật Massachusetts (MIT), năm 2006 Mạc về Việt nam làm đạo diễn phim; Mạc viết truyện phim hay và làm phim Việt giỏi không thua kém đạo diễn sinh trưởng ở Việt nam nào. Chính tôi cũng không ngờ!

**Nguyễn Ngọc Hoa**

Ngày 9 tháng Mười Hai, 2020



# Đi Tìm Quê Hương

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Tôi gặp anh Dần lần đầu vào một đêm đầu tháng Tư, khi được cảnh sát gọi đi thông dịch khẩn cấp cho người đồng hương. Theo chỉ dẫn của cảnh sát, tôi đến một căn *duplex* (ngôi nhà gồm hai đơn vị gia cư có chung vách chính giữa). Hàng xóm sát vách gọi cấp cứu khi nghe tiếng xô xát và la hét trong căn *duplex* bên cạnh. Tôi chưa tới đây và cũng chưa gặp người đàn ông trung niên ra mở cửa bao giờ. Trông thấy tôi và hai viên chức cảnh sát, anh biết ngay mình gặp rắc rối lôi thôi và vội vàng nói,

“Vợ chồng lúc mưa lúc nắng, tụi *tui* cãi vã lớn tiếng chớ có đánh lộn *đánh lạo chi mô*. *Bả* có cái tật tru tréo như con heo bị cắt tiết làm hàng xóm tưởng chừng như *bả* sắp chầu tiên tổ đến nơi.”

Anh nói giọng Huế pha lẫn với một số tiếng miền Nam. Tôi dịch vắn tắt lời của anh, nhưng cảnh sát vẫn phải điều tra cặn kẽ. Người đàn ông dáng cao, tướng mảnh khảnh, và ăn nói từ tốn khai tên Dần; tôi đoán anh sinh năm Mậu Dần (1938) lớn hơn tôi mười tuổi. Chị vợ tên Sả cũng cao lớn không kém chồng, đầu tóc rối bù, mắt ti hí, và nói giọng Quảng Nam rất khó nghe. Chị một mực khai như anh Dần, nhưng cảnh sát chưa yên lòng. Rốt cuộc, anh vợ lấy bao thuốc lá bỏ vào túi và nhờ tôi,

“Anh nói với tụi *hắn*, *tui* sẽ ra khỏi nhà đêm nay và chuyện gấu ó sẽ không xảy ra nữa. Về nhà anh ngủ qua đêm được không?”

“Dĩ nhiên là được, *chật bụng chớ chật chi nhà*.”

Chiếc *xô-pha* trong phòng khách căn *apartment* một phòng ngủ của chúng tôi có lẽ không đủ chỗ cho anh Dần nằm thẳng người. Tôi lấy mền gối cho anh và trước khi đi ngủ, ái ngại nói,

“Anh rán ngủ để mai còn đi làm, tôi buồn ngủ rồi. Mai tôi đưa anh về nhà sớm.”

“Nhà có bia không anh *Ba Hoa*?” anh hỏi.

“Hôm kia tôi ghé tiệm rượu mua hai xâu (12 lon) bia Budweiser, nhưng chưa bỏ tủ lạnh. Anh uống bia nóng thì tôi lấy.”

“Không sao. Mình chỉ cần để bia ra ngoài cửa, ngoài trời giờ lạnh hơn tủ lạnh. Mười lăm phút sau là có bia lạnh uống. Anh đi ngủ đi, để tôi lo.”

Người đồng hương mới quen này dường như có nhiều sáng kiến hay. Sáng hôm sau, lúc tôi thức dậy thì anh Dần đã ra đi từ lúc nào, trong thùng rác có 12 lon bia trống. Tối thứ Bảy cuối tuần, anh trở lại, mang theo một két (24 lon) bia trả cho tôi. Tôi giữ anh nán lại chơi, và anh nhân cơ hội kể cho tôi nghe chuyện đời anh.

Anh Dần người làng Phú Tân là ngôi làng đánh cá nhỏ gần cửa biển Thuận An cách Huế chừng 15 cây số. Lấy vợ năm mười tám tuổi, năm sau anh bị gọi đi quân dịch như nhiều thanh niên khác dưới thời Đệ nhất Cộng hòa và được chọn qua binh chủng Hải quân. Năm hai mươi tuổi, anh có con đầu lòng, cô con gái lớn đó năm nay 18 tuổi. Sau đó vợ anh sinh thêm ba đứa: hai trai một gái, cô gái út năm nay lên năm. Đầu thập niên 1970 anh lên đến chức thượng sĩ

thường vụ đại đội, thường gọi là “thượng sĩ già,” là nhân vật số hai của đại đội, chỉ dưới sĩ quan đại đội trưởng.

Ngày 26 tháng Ba năm ngoái (1975), thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên thất thủ, trong khi đơn vị anh Dền tuần tiểu ngoài khơi Thuận An. Anh liêu mình lấy chiếc tiểu vận đĩnh LCVP loại hạng nhẹ chở được sáu người chạy về làng đón gia đình. Không may, vợ anh và cô gái lớn đã gánh cá lên chợ Đông Ba bán từ sáng sớm. Anh chỉ đón được ba đứa con nhỏ và “bà Mẹ” là bà cô già và thằng em họ đang sống cùng với gia đình anh.

Tôi đã đoán được một phần và cười cười hỏi thêm cho rõ,

“VẬY CHỚ CÁI BÀ *Quảng Nôm eng không eng təc đèng đi ngẩu*’ (Quảng Nam ăn không ăn tất đèng đi ngủ) là ai?”

“*Tui* thuộc loại đàn ông người Huế mình nói *miệng có quai* ăn nói dẻo quẹo, *mắt có đũa* đa tình hào hoa. Lại thêm làm lính Hải quân sống đời hải hồ rày đây mai đó. Trong một thời kỳ đóng quân tại Đà Nẵng, *tui* lẹo tẹo với bà Sả. *Bả* góa chồng, có đứa con trai 15 tuổi, hơn thằng lớn của *tui* một tuổi, và làm ăn khấm khá nhờ có tiệm cầm đồ và cho vay nặng lãi.”

“Trong lúc loạn lạc, làm sao anh chị rắp lại với nhau?”

“Ba ngày sau, ngày 29 tháng Ba, Đà Nẵng lọt vào tay địch, tàu Hải quân của *tui* còn lảng vảng ngoài cửa Hàn. Mẹ con *bả* chạy thoát ra biển và may được xà lan vớt lên tàu *tui*. *Tình cũ không rủ cũng tới*, tụi *tui* xấp lại cái ào rồi dắt díu nhau qua tới Mỹ. Lúc làm thủ tục di trú trong trại tỵ nạn Đồn Chaffee, khai là vợ chồng cho tiện việc; không ai hơi đâu mà thắc mắc!”

Tôi tiếp tục thắc mắc,

“Anh chị tới Bismarck hồi nào mà bây giờ tôi mới gặp?”

“Gần ba tháng rồi. Tụi *tui* là dân Công giáo, tháng Tám năm ngoái được nhà thờ Công giáo bảo trợ ra Shreveport, thành phố đông dân thứ ba của tiểu bang Louisiana. Nhà thờ xin cho *tui* làm việc chất hàng trong siêu thị; công việc *bữa đực bữa cái*, khi làm cả ngày, khi nửa buổi, có khi bị cho ở nhà.”

“Anh đang ở miền nam ấm áp, gặp cơ duyên nào mà tấp lên tận miền bắc này?”

“Em ruột của *tui* là thằng Bửu; anh gặp nó rồi, nhớ không?”

Anh Bửu cũng là cựu quân nhân Hải quân, được nhà thờ chánh tòa Bismarck bảo trợ và đến đây trước tôi, và làm việc cho Winger’s Cabinets là một xưởng chế tạo và thiết trí các tủ gắn vào tường trong nhà bếp và phòng tắm tại tư gia. Ông chủ Winger là người Mỹ gốc Đức mê làm việc và ưa chuộng thợ người Việt vì họ khéo tay, ít kèo nài quyền lợi, và nhất là làm việc *xả láng*, bất kể giờ giấc. Buổi sáng đem tủ đến nhà khách hàng, họ cặm cụi làm cho đến khi hoàn tất công tác mới về xưởng, có khi đến hai ba giờ sáng hôm sau; khách hàng rất thỏa dạ. Bù lại, nhờ làm việc nhiều giờ và được trả lương giờ phụ trội, họ lãnh lương cao gấp bốn gấp năm lần thợ nơi khác.

Anh Dền tiếp tục kể lể,

“Hồi Tết tây, *tui* đi xe đò lên đây thăm thằng Bửu và *xem dân cho biết sự tình*. Hai anh em nhậu say lướt khướt đêm Chủ Nhật, sáng thứ Hai nó đi làm, *tui* đi theo vì nằm nhà không



biết làm gì. Vô xưởng Winger thấy công việc dễ, *tui* xin làm thử. Cuối ngày, ông chủ nhận cho làm; *tui* ở lại luôn.”

“Ai giúp anh chị tìm nhà và lo cho mấy đứa nhỏ đi học?” tôi hỏi.

“Họ đạo nhà thờ chánh tòa *tốt vô số!* Họ tìm việc trong siêu thị cho *bả* và cho mấy đứa nhỏ vô học trường đạo mà không phải trả học phí hay tiền ăn trưa. Nhà *tui* có đến tám người, họ thuê căn *duplex* cho ở tạm – tiền nhà chính phủ trả – trong khi chờ đợi tìm được nhà có bốn hay năm phòng ngủ cho thuê.”

\* \* \*

Khoảng một tháng sau, anh Dần mời vợ chồng tôi đến thăm nhà “mới.” Anh rộng rãi và hiếu khách nên nhà anh là trung tâm ăn nhậu mà cuối tuần nào Phiến và hầu hết các thanh niên độc thân khác cũng tới nhậu *ké*. Bà Mẹ khoảng 65, 66 tuổi, lặng lẽ như chiếc bóng, suốt ngày lui cui một mình trong nhà bếp hay sân sau. Bé Sương con út của anh mới năm tuổi mà ăn nói lễ phép và khôn ngoan như người lớn, luôn quấn quýt bên cha. Thương em họ anh 16 tuổi, thân hình rắn chắc, và dạn dĩ như thiếu niên Mỹ. Anh Dần giới thiệu một người đàn ông khoảng 35, 36 tuổi có khuôn mặt dễ nhìn,

“Phúc cũng là người Thừa Thiên mình và phục vụ cùng một hải đoàn với *tui*, mới lên đây chừng ba tuần.”

“Anh từ đâu tới đây? Có đem gia đình theo không?” tôi hỏi, câu hỏi thường tình.

“*Tui* sang đây một mình, vợ con để lại cả bên nhà. Từ trại tỵ nạn Trại Pendleton, *tui* ra Los Angeles dưới vùng nam California. Bảo trợ chỉ chỗ đi làm bậy bạ và gần đây bị *layoff*,” anh Phúc nhỏ nhẹ trả lời; “*layoff*” là (xưởng hay công ty) giãn thợ, cho nghỉ việc.

“Phúc lên thăm anh em, vô trong hãng Melroe ráp và chế tạo đồ phụ tùng máy cày hỏi thử việc làm thì nó nhận *liền cái rụp*, cho làm trong xưởng dây chuyền lắp ráp. Phúc ở lại luôn,” anh Dần xen vào.

Anh Phúc ít lời, nhưng lại khoái kể chuyện tình dục của Thương. Khi biết cậu thiếu niên tuổi dậy thì không cha không mẹ, nhân viên sở Xã hội nửa khuyên nửa bắt buộc anh Dần cho Thương ở *foster home* (nhà cha mẹ nuôi tạm thời, tức là *foster parents*, sau một thời gian có thể nhận làm con nuôi chính thức). Nghĩ đến tương lai về lâu về dài của cậu em họ, anh Dần đồng ý ngay. Thương có tên Mỹ là Theodore, gọi tắt Teddy. Không biết bà mẹ nuôi đầu tiên thương yêu nựng nịu Teddy thế nào mà cậu ta đâm ra ghen lồng lộn với cha nuôi khi ông gần gũi vợ; ông đem Teddy trả lại cho sở Xã hội. Tại nhà cha mẹ nuôi thứ hai, một hôm ông chồng bắt gặp bà vợ húp lặn trên thân thể cường tráng của đứa con nuôi; Teddy lại chuyển qua *foster home* khác. Trước khi tốt nghiệp trung học, Teddy đã làm cha ba đứa bé với ba nữ sinh vị thành niên khác nhau. Anh Phúc quy lỗi cho,

“‘Bộ tam sự’ thằng nhỏ *to bành sự*, mặc quần cộm lên một đống như cái gò mả; cô Mỹ bà Mỹ nào ngó thấy mà không động lòng?”

Dân số người Việt ở Bismarck lên cao nhất vào mùa hè năm 1976. Những người ăn nên làm ra đua nhau đi mua xe hơi. Vốn là người khoái lác thích khoa trương, anh Bửu oai vệ bước vào phòng trưng bày xe hơi, chọn ngay chiếc Buick LeSabre đời 1977 màu huyết dụ lộng lẫy, kêu vợ lấy bọc tiền lỏi ra gần mười hai ngàn đô la (\$12,000) tiền mặt chồng liền cái cụp. Anh khoe,

“Tụi Mỹ kinh hồn thất sắc, xì xào với nhau rồi thằng nào thằng nấy chạy có cờ!”

Nhân viên đại lý bán xe xôn xao không phải vì chưa bao giờ thấy món tiền lớn như thế, mà vì luật liên bang bắt buộc các cơ sở thương mại khi nhận tiền mặt \$10,000 trở lên phải làm giấy tờ khai báo để ngăn chặn những vụ rửa tiền do hoạt động bất hợp pháp. Chị Sả không thể “mất uy tín” vì thua kém ông em chồng. Một buổi chiều đi làm về, chị ghé đại lý, chọn một chiếc xe Ford mới bé bé xinh xinh, chồng tiền mặt, và *xăm mình* leo lên ngồi vào ghế tài xế. Nắm trong tay cái bằng lái xe, nhưng từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ chị chưa hề đụng tới cái bánh lái xe hơi. Tuần trước chị nhờ Phiến thi thế lấy bằng lái xe, Phiến xuất trình Thẻ Ghi Đến - Đi (mẫu I-94 do sở Di trú và Nhập tịch cấp) của chị để thi, và giám khảo không hay biết vì mẫu I-94 không có hình và tên Việt nam nào cũng lạ hoắc như nhau. Lái đường thẳng chỉ gần một dặm Anh mà chị mất hơn nửa tiếng đồng hồ.

Anh Phúc khiêm tốn hơn, chịu mua chiếc xe Chevrolet cũ. Vài tuần sau, theo xe anh Dần và vài người khác, anh lái xe “mới” đi nông trại chơi. Giữa đường máy xe nóng bốc khói nghi ngút, phải nằm đường. Tôi gọi xe cần trục *câu* xe về xưởng sửa xe, thợ cho biết xe bị cháy máy, tiếng Việt gọi là *lột vên* tức là hư cây then chuyền trong máy (tiếng Pháp “bielle”), vì đã hết sạch nhớt. Đám sở hữu chủ mới của những chiếc xe cũ và mới nhốn nháo cả lên: Xe hơi phải cần có nhớt mới chạy được! Rồi họ thay nhau đem xe đến cho tôi kiểm nhớt máy.

\* \* \*

Ba năm sau, khi đời sống tương đã ổn định, những người này lại lũ lượt rời thành phố. Bất thần như khi đến, anh Dần đưa *bà Mẹ* và ba đứa con về Sacramento thuộc tiểu bang California. Anh “cưới” bà vợ mới trẻ hơn chị Sả, “về hưu non,” và hàng ngày uống rượu hưởng nhàn và chờ người mời đi ăn đám cưới. Chị Sả và đứa con trai dọn đi Houston thuộc tiểu bang Texas, cậu ta vừa lên đại học. Anh Phúc trở lại Los Angeles chung sống với người bạn gái mới gá nghĩa có ba đứa con nhỏ không cha và bà mẹ già. Anh vui thú điền viên và ngày đi uống cà-phê, tối đi uống rượu với bạn bè. Anh Bửu và những người khác cũng dần dần ra đi.

Trong những năm đầu tiên dung thân ở đất nước này, nhiều người tỵ nạn quyết định dời nơi cư ngụ bất ngờ, gần như bốc đồng và tụ lại ở những nơi đông người đồng hương. Một nhà nghiên cứu xã hội người Mỹ gọi đó là hiện tượng người Việt “*đi tìm quê hương*.” Chỉ có tôi ngoan cố nằm miết nơi xứ lạnh đáng yêu này.

**Nguyễn Ngọc Hoa**

Ngày 23 tháng Mười Hai, 2020

# Cuộc Đời Phỏng Có Bao Lâu

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Sau bữa cơm chiều, thấy tôi lấy áo quần sáng mai mặc đi làm để ra sẵn, Quỳnh Châu tinh nghịch cười chúm chím,

“Ba cu Mạc nhớ mặc áo quần đẹp và mang cái cà-vạt lụa em mua cho anh hồi Tết nghen.”

“Sao hôm nay cô vợ dễ thương *nhiều chiện dzậy?* Ma nào mà thèm để ý đến y phục của chồng em,” tôi ngạc nhiên trả lời.

“Sáng mai em đi họp ban giáo sư trên Đại học Cộng đồng Bismarck, phải đem cu Mạc đi gửi nhà giữ trẻ.”

“Vậy thì họp xong em ghé đón anh đi ăn trưa ngoài tiệm, ăn xong đón con về nhà. Anh sẽ diện cái cà-vạt *vía* để xứng đào xứng kếp với người đẹp Bích-Mạc thôn của *nòng* (lòng) anh,” tôi đoán ý định của nàng và đề nghị.

“Chồng em dạy quá *nhời* (lời), nhưng không phải vậy,” nàng cười khanh khách, “Thay vì đi ăn trưa với cô vợ *nhiều chiện*, chồng sẽ vinh hạnh gặp gỡ người đẹp Mạnh-Đan thôn là chị Yến Anh. *Chỉ* cần anh thông dịch để đo mắt làm kính. Văn phòng bác sĩ đo mắt ở cạnh sở anh, đi qua bãi đậu xe là tới.”

Bích-Mạc và Mạnh-Đan là tên chúng tôi Việt hóa cho có vẻ thơ mộng của hai thành phố “sinh đôi” Bismarck và Mandan cách nhau bảy dặm Anh. Mandan nhỏ hơn và là “thị xã phòng ngủ” vì ban ngày phần lớn dân chúng làm việc và giao dịch thương mại ở Bismarck và buổi chiều trở về nhà. Tôi chưa gặp Yến Anh, nhưng chuyện đồn đại về chị thì nghe đầy tai trong các buổi nhậu cuối tuần ở nhà anh Dần. Tôi neho mắt đùa với Quỳnh Châu,

“Chim én và anh vũ (‘yến anh’) của em có phải là ‘phòng nhì’ của ‘ông Mẫn hai vợ?’”

“Chồng đừng nói bậy mà tội nghiệp *chỉ*. Em hứa giúp *chỉ* trước khi biết phải đi họp, và ông bác sĩ đo mắt này đông khách nên không hẹn lại qua bữa khác được. Anh rán giúp và cũng đừng nên hỏi chuyện đời tư của *chỉ*.”

Theo lời anh Phúc, ông Mẫn nhỏ bé như con nhái bèn mà giọng nói to như con ếch ương và làm việc cùng với anh trong xưởng dây chuyền lắp ráp của hãng Melroe ráp và chế tạo đồ phụ tùng máy cày. Ông có vợ hai con, vợ ông là em ruột Yến Anh. Ngày ở Việt nam ông làm sở Mỹ, chồng Yến Anh là trung sĩ Quân cụ. Đầu tháng Tư năm ngoái (1975), các cơ quan dân sự Hoa kỳ di tản nhân viên Việt nam và gia đình ra khỏi Sài gòn, chồng Yến Anh gửi chị và bốn đứa con từ năm đến 12 tuổi đi với gia đình ông Mẫn, và anh quyết định ở lại đến ngày cuối cùng.

Trong những ngày tháng buồn chán của trại tỵ nạn, ông Mẫn đâm ra táy máy . . . chân tay và chơi trò *đánh hoa đánh cá cùm*. Kết quả của cuộc vui lén lút trên giường bố trong lều vải nhà binh là Yến Anh mang thai và một bé gái ra đời sau cu Mạc khoảng một tháng. Cả đại gia đình được một nhà thờ Công giáo ở Mandan bảo trợ lên đây từ tháng Bảy, nghĩa là trước tôi hai tháng. Trước mặt bạn nhậu, anh Dần khề khà cầm lon bia đưa lên miệng và nửa đùa nửa thực khen,

“Thằng cha Mẫn vậy mà giỏi! Ở chung một nhà với hai ‘bà chằng’ và ba dòng con mà trên ầm dưới êm, không một lời oán thán. Không như *tui* đây, chỉ có một *mụ* mà lắm khi te tua, *chịu đời không thấu.*”

“Ông Mẫn hai bà, anh một bà, và anh Phúc không bà nào suốt đêm vác ‘bộ đồ nghề’ chạy rông; ai sướng hơn, ai khổ hơn?” Phiến, một thanh niên trẻ độc thân tới nhậu *ké*, cười cười hỏi móc.

“Cái thằng Phiến này, mày cũng xách ‘củ cải’ đi rông ngoài đường chớ hay ho gì hơn tao?” anh Phúc tức giận la lớn.

\* \* \*

Đối với một thiếu phụ năm con, Yến Anh tuy vóc dáng hơi đầy đà nhưng còn nét hấp dẫn của một thời con gái với mái tóc dài, nước da trắng, và khuôn mặt thanh tú. Tôi kiên nhẫn ngồi bên chị, dịch lại lời ông bác sĩ đo mắt đứng tuổi, và giúp chị chọn mua kính rồi đứng nán lại trong lúc chị đợi người đến đón. Chị dịu dàng khơi chuyện,

“Vợ chồng *tui* người Nha Trang; ở ngoài đó đến năm 1965, sau khi có thằng con đầu lòng, anh Giang mới xin chuyển vào Sài Gòn.”

“Vậy anh Giang bây giờ đâu?” tôi vờ như không biết.

“Cả năm nay *tui* tưởng *anh* bị kẹt lại,” chị cười sung sướng, “Không dè tối qua chú Phiến ghé lại nhà đưa cho *tui* coi lời nhắn tin của *anh* trên bản tin tỵ nạn của hội Hồng thập tự. *Anh* đi được và đang ở tiểu bang North Carolina dưới miền Nam.”

Khoảng một tháng sau, Phiến đưa anh Giang và bốn đứa con đến nhà anh Dần chơi. Anh Giang dong dỏng cao, ốm như que củi, và mặt xương xẩu. Đứa con đầu 12 tuổi có nước da đen bóng và tóc quăn tít, trông đích thực là một cậu Mỹ đen. Ba đứa kia, hai gái một trai, nhỏ nhất sáu tuổi, mỗi đứa một khuôn mặt, và đứa nào cũng xinh xắn như mẹ. Phiến cho biết gia đình bảy người của anh Giang chia làm hai; chính phủ thuê nhà cho anh và bốn đứa lớn ở, cấp *apartment* trong khu nhà chính phủ cho Yến Anh và bé út, và trợ cấp đầy đủ cho cả đôi bên.

Cảm tình thương mến ban đầu của nhóm người Việt đối với anh Giang tan biến khá nhanh. Khi họ mời anh đến nhà chơi, anh mang theo cả bốn đứa con, xem việc săn sóc chúng là bổn phận đương nhiên của chủ nhà, và điềm nhiên ăn uống như người ngoại cuộc. Các đứa bé không biết sợ ai, chạy nhảy phá phách lung tung, và trơ mắt nhìn chủ nhà thách thức khi bị ngăn lại; anh Giang không muốn con nói tiếng Việt vì sợ làm “hư tiếng Anh” của chúng. Chúng lắc đầu quày quạy chê đồ ăn Việt nam, mỗi đứa đòi một món đồ ăn Mỹ khác nhau, và chủ nhà cắn răng chiều lòng, tự nhủ sẽ không có lần sau.

Rốt cuộc chỉ một mình tôi chơi với anh. Anh ít lời, tính ngoan cố; tự hào có tay nghề sửa xe hơi hàng hoàng, không phải là “tay ngang” như những người kia; và cho mình có học thức, không thuộc loại “*i tờ rít*” như họ. Anh thường vung tay quá trán, đầu tháng nhận được chi phiếu *welfare*, chi tiêu thả giàn, con đòi gì cũng mua ngay không ngần ngại. Đến giữa tháng thì bắt đầu chật vật, than thở túng thiếu. Tôi đem cái triết lý Quảng Bình “liệu cơm gắp mắm” của mẹ ra khuyên anh, nhưng anh gạt ngang,

“Anh Ba Hoa ơi, cuộc đời phỏng có bao lâu mà đợi chờ! Cứ hưởng đi rồi trời sinh voi, sinh cỏ. Việc gì mà lo âu quá đáng?”

Trong hoàn cảnh của anh – mọi thứ đều do chính phủ đài thọ, anh lạc quan như thế là hợp lý. Tôi tự hỏi anh lấy ý câu nói đó từ câu hát “*Cuộc đời đó có bao lâu mà hưởng hờ*” trong bài “Mưa Hồng” của Trịnh Công Sơn (1939 - 2001), hay từ câu nói của William Shakespeare (1564 - 1616), *Life is too short . . . , so live your life to the fullest.* (Cuộc đời quá ngắn ngủi . . . , vậy hãy sống cho hết mình.)

\* \* \*

Khoảng một năm sau, tôi không còn đến nhà anh Dần ăn nhậu cuối tuần. Một hôm tôi gặp Phiến đi mua đồ trong thương xá; Phiến mách tin,

“Anh Phúc dzọt về California mất đất rồi!”

“Hồi nào, sao tôi không hay biết gì cả?”

“Mới tuần rồi thôi,” Phiến làm ra vẻ bí mật.

“Anh ấy bị Melroe *lay off* và thành ra ‘bảy nghề’ (thất nghiệp) chứ gì?”

“Không, chuyện ly kỳ hơn nhiều! Anh Phúc độc thân nên ‘giàu lòng nhân đạo,’ thấy chị Anh cô đơn chiếc bóng tội nghiệp bèn lui tới thăm viếng an ủi. *Chỉ* cảm mối thịnh tình của *anh*, ban đầu mời ở lại ăn cơm, dần dần kêu ngủ lại chuyện trò qua đêm, và cuối cùng biểu dọn tới ở chung cho tiện, khỏi mất công đi tới đi lui.”

Nhìn quanh không thấy Quỳnh Châu đứng gần, tôi cười khà khà,

“*Ở đời muôn sự của chung, hơn nhau một tiếng ‘ai dùng’ mà thôi!*”

“Anh Phúc ăn và ở *chùa* lú lo cả năm nay mà không ai hay. Hai tuần trước, anh Giang được hãng Melroe nhận vào làm, và oái oăm thay, *anh* và anh Phúc và ông Mẫn được cất đặt làm cùng một đơn vị dây chuyền lắp ráp. Ba chàng đã từng hay đang ‘cày một đám ruộng’ nay ngày tám tiếng ngó nhau chằng chằng, lòng *hận thù đặng đặng*.”

“Tại vậy mà anh Phúc bỏ đi California?”

“Không biết ai báo với sở Xã hội mà ban đêm họ cho người khám xét *apartment* của chị Anh và bắt gặp *anh* tại trận. Họ ra tối hậu thư, nếu *anh* không dọn đi ngay thì sẽ cúp trợ cấp của *chỉ* và có thể truy tố hai người ra tòa. *Mất ăn một miếng lộn gan lên đầu, anh* dùng dùng nổi giận bỏ việc làm, *bai-bai* (bye-bye) North Dakota.”

Ngay sau khi lãnh tấm chi phiếu tiền lương đầu tiên của Melroe, anh Giang nhờ tôi tới hãng bán xe Ford cũ giúp anh mua chiếc *station wagon* (xe kiểu gia đình) Country Squire đời 1964 anh sục sạo tìm kiếm lâu nay. Xe đã chạy gần 60,000 dặm Anh, và bảng giá viết tay gắn trên kính xe ghi \$2,899.99 (dưới mức tài sản hạn định \$3,000 để vẫn hội đủ điều kiện hưởng *welfare*), trong lúc Sách Xanh Kelly ghi giá xe không tới một nửa con số đó. Sách Xanh Kelly là cuốn sách bìa màu xanh dương do công ty Kelly Blue Book ấn hành, liệt kê giá cả mọi thứ xe cũ và mới, và dùng làm mẫu mực trong việc mua bán xe cộ. Tôi xúi anh trả giá thì anh khăng khăng không chịu, sợ người bán xe phật lòng mà bán xe cho người khác. Tôi chỉ cho anh các chỗ rỉ sét dưới sàn xe và bốn chiếc lốp xe đã mòn hết vân, anh nói anh là dân sửa xe chuyên nghiệp, “*nhằm nhò gì ba*

*chuyện lẻ tẻ.*” Người bán xe thấy bộ xun xoe nâng niu chiếc *station wagon* của anh Giang, biết ngay cá đã cắn câu, và tung ra đòn tối hậu,

“Hôm nay chúng tôi có *sale* (bán hạ giá) tiền cho vay để mua xe. Ông không phải trả trước đồng nào mà lại được tính lãi suất rất nhẹ.”

Được lời như cời tấc lòng, anh Giang bằng lòng mua lập tức vì trong túi anh thực sự không có tiền trả trước. Hợp đồng vay nợ ghi lãi suất 27 phần trăm một năm, dưới mức tối đa 29 phần trăm luật tiểu bang cho phép, nhưng không phải “rất nhẹ.”



Băng đi một dạo, tôi nghe nói anh mua nhà bên Mandan và sau đó bật vô âm tín. Tôi gọi cho anh thì hệ thống điện thoại cho biết số đã bị ngắt, không còn dùng nữa. Đồng thời, tôi liên tiếp nhận được điện thoại của công ty Fairbanks Financial ở tiểu bang New Jersey đòi phải trả tiền nợ và hăm dọa nếu không trả ngay sẽ gánh chịu hậu quả trầm trọng. Tôi trả lời không biết họ là ai và không thể nào mắc nợ họ, dù chỉ một xu; nhưng họ cả quyết tôi nói dối và tiếp tục quấy rầy ngày đêm.

Theo lời khuyên của bạn trong sở, tôi gọi trình báo với văn phòng Bảo vệ Người Tiêu thụ của tiểu bang. Hai ngày sau, luật sư của văn phòng gọi lại cho biết,

“Fairbanks Financial là cơ sở cho vay có môn bài, nhưng hoạt động dưới dạng *loan shark*, và chuyên dụ dỗ khách hàng ngoài tiểu bang vay tiền.” “Loan shark” là kẻ cho vay cắt cổ, lấy tiền lời vô cùng cao, và thường dùng đến hành động bất hợp pháp để đòi nợ; “shark” là cá mập.

“Ở Hoa Kỳ, cho vay cắt cổ mà có môn bài hợp pháp hay sao?” tôi ngạc nhiên.

“Mọi tiểu bang đều có luật giới hạn lãi suất người cho vay có thể bắt khách hàng phải chịu. Ngặt một điều họ ở New Jersey mà khách hàng ở ngoài tiểu bang đó nên không bị luật tiểu bang nào chi phối, họ tha hồ chặt chém tùy thích.”

“Tại sao họ quấy nhiễu tôi suốt tuần qua?” tôi tức tối.

“Một người Việt có họ giống như anh vay món tiền lớn rồi biến mất, không để lại địa chỉ liên lạc. Họ nói tìm thấy tên anh trong niên giám điện thoại và gọi nhầm người; nhưng tôi biết họ cố tình gọi anh để áp đảo tinh thần và làm anh hoảng vía rồi tiết lộ tung tích người kia. Tuy nhiên, họ hứa từ nay sẽ không làm phiền anh nữa.”

Tôi chợt hiểu ra. Anh Giang đã bị bọn “cá mập” dụ dỗ vay tiền mua nhà. Số tiền rất lớn mà với tiền lời cắt cổ, lời mẹ đẻ thêm lời con, làm sao anh trả lại cho nổi? Chỉ không tới một tuần sau, tờ *Bismarck Tribune* đăng tin cảnh sát điều tra về cái chết của anh. Người ta tìm thấy xác anh, bầm dập tơi tả, ở một cánh đồng cách Mandan chừng 10 dặm Anh. Thủ phạm không thể là ai

khác hơn bọn *Mafia* đó. Với quan điểm “cuộc đời phỏng có bao lâu mà đợi chờ,” anh đánh đổi tính mạng của mình để lấy

*Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối,  
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm.*  
(Xuân Diệu – “Giục Giã”)

Tôi không biết mình nên buồn hay không.

***Nguyễn Ngọc Hoa***

*Ngày 30 tháng Mười Hai, 2020*

# “Anh Làm Cho Đời Em Sáng Ngời”

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Trong số những người Quỳnh Châu giúp đi xin *welfare* và *food stamps*, Thu Trường hay được nàng nhắc nhở với nhiều ái ngại nhất. Người thiếu phụ 22 tuổi ấy là mẹ của hai cô bé năm và ba tuổi, và không có chồng. Năm 16 tuổi, Thu Trường có bầu với cậu bạn trai cùng xóm, và cậu ta bị bà Vui mẹ nàng bắt phải cưới. Nàng bỏ học, ở nhà tập tành làm mẹ; chồng tình nguyện đi lính Nhảy dù, lâu lâu ghé về thăm một lần; và nàng sinh thêm bé gái thứ hai. Bà Vui trạc bốn mươi, góa chồng, và có thêm hai cậu con trai 14 và 12 tuổi. Bà làm tài xế cho cơ quan dân sự Hoa kỳ nên đầu tháng Tư năm ngoái (1975), gia đình được di tản ra khỏi nước bằng máy bay. Đến Bismarck, bà và Thu Trường tách ra thành hai gia đình riêng rẽ để hưởng trợ cấp chính phủ cao hơn, họ thuê *apartment* ở gần nhau.

Trong các buổi tiệc nhậu, đi *picnic*, cắm trại, câu cá, hay thăm viếng nông trại cuối tuần, các tay độc thân bàn tán lao xao về hai mẹ con bà Vui. Với các chàng trai trẻ tuổi, Thu Trường là mẫu người lý tưởng: xinh xắn với mái tóc dài, da trắng, dáng người thon thả, và tình trạng tài chánh ổn định nhờ lãnh lương . . . Tổng thống Ford. Với mấy kẻ sồn sồn như anh Cấp, bà Vui là mục tiêu sáng giá: nhan sắc nửa nạc nửa mỡ chưa phai tàn mà vốn liếng tiền bạc lại rủng rỉnh. Ngày vừa di tản sang đến đảo Guam, bà được cơ quan cũ bồi thường bằng cách mua lại số tiền Việt nam Cộng hòa (“VNCH”) mang theo, trong lúc tiền VNCH của tôi và đa số những người tỵ nạn khác trở thành mớ giấy lộn vô giá trị.

Anh Cấp là cựu hạ sĩ quan truyền tin, ăn nói mạch lạc khôn khéo, tóc quăn đẹp, và mặt mày sáng sủa dễ nhìn. Anh tuổi Thìn con Rồng, năm nay 36 tuổi; sách tướng số nói đàn ông tuổi Thìn có số sung sướng mãn đời. Anh làm *ca* đêm trong xưởng dây chuyền lắp ráp máy cày, ban ngày rảnh rỗi lái xe đi chơi loanh quanh, thường ghé lại nhà mẹ con bà Vui giúp sửa chữa lật vặt, và khi xong việc, được ân cần mời nán lại dùng cơm. Phiến, người bạn trẻ vui tính, chắc hẳn anh Cấp sẽ “*dzô*” bà Vui nên trêu chọc bằng bài hát “Tình Cho Không” nhạc Pháp (“*L’amour c’est pour rien*”) lời Việt của Phạm Duy (1921 – 2013),

*Tình cho không, biếu không*  
*Ân tình ai cũng cho được nhiều*  
*Tình cho không, biếu không*  
*Chớ nên mua bán tình yêu.*  
(*L’amour, c’est pour rien*  
*Tu ne peux pas le vendre*  
*L’amour, c’est pour rien*  
*Tu ne peux l’acheter.*)  
(Pascal-René Blanc & Enrico Macias)

Tôi gặp bà Vui lần đầu ở văn phòng bác sĩ đo mắt gần sở tôi. Người Việt khác nhau ông bác sĩ đứng tuổi này mát tay và tận tâm nên đưa nhau hẹn đo mắt làm kính, và đương nhiên tôi được giao nhiệm vụ thông dịch khi họ đi khám mắt. Trong phòng tối, ông chiếu lên tường một bảng



gồm nhiều dòng chữ cái cỡ từ lớn đến nhỏ để bệnh nhân đọc thử. Khi thử mắt, ông lần lượt đặt hai mắt kính có độ phóng đại kế tiếp nhau trước mắt bệnh nhân và hỏi, “Một hay Hai?” “Ba hay Bốn?” “Năm hay Sáu?” v.v., để biết mắt kính nào giúp đọc rõ hơn.

Phần thử nghiệm đơn giản đó của bà Vui, ông bác sĩ toát mồ hôi hột mới hoàn tất. Hoặc bà không có khả năng phân biệt mắt kính nào thấy rõ hơn, hoặc bà biết mà không thèm nói thật để bác sĩ đoán mò chơi cho bõ ghét. Khi chọn mua kính đeo, bà lưỡng lự bỏ cái này chọn cái kia và rốt cuộc lấy đại hai cái kính mắt tiền nhất. Tôi ngạc nhiên hỏi,

“Sao bác lấy đến hai cái kính? Mỗi lúc, bác chỉ cần đeo một cái thôi mà.”

“Cái anh này vớ vẩn! Một cái đeo thường ngày, một cái để *xơ-cua*. Có thể mà không biết,” bà mắng vào mặt tôi; “*xơ-cua*” do tiếng Pháp “*secours*” là trừ phòng hờ.

“Sao bác không đợi cái kính đầu tiên gãy hay vỡ rồi hẳn mua cái thứ hai?”

“*Welfare* nó cho mua hai cái, tội gì không lấy? Mỹ giàu có, nó thiếu gì tiền của mà nhà anh phải *lo bò trắng răng*.”

Lời nói trích thượng của bà Vui làm tôi tức ầm ách. Tôi đi làm (và đóng thuế cho chính phủ) được công ty trả lệ phí bảo hiểm y tế, nhưng trên thị trường không có bảo hiểm thị lực nên đi khám mắt phải lấy *đồng tiền liền khúc ruột* trong túi ra trả và chỉ dám chọn một cái kính hợp với túi tiền nhất. Không . . . sang trọng như bà!

Dù không mong gặp lại bà Vui, ba hôm sau tôi được cảnh sát gọi nhờ thông dịch và khi đến bót cảnh sát, bà và cậu con trai lớn đã có mặt ở đó. Bà đay nghiến mắng nhiếc cậu con đã để cho bị tóm cổ khi ăn cắp đồ trong cửa hàng bách hóa. Cậu biết tiếng Anh, nhưng cảnh sát không tin tưởng cậu mà bắt chờ tôi đến. Tôi dịch lại điều cảnh sát muốn bà hiểu và chấp nhận trước khi ký tên bảo lãnh cậu về,

“Con bà phạm pháp, nhưng lần đầu chúng tôi bỏ qua. Nếu phạm pháp nữa, chúng tôi sẽ truy tố ra tòa án thiếu nhi. Xin bà hiểu là thiếu nhi phạm tội có thể bị gửi vào trại giáo hóa thiếu nhi tới năm 18 tuổi.”

Anh Cấp thành công trong việc chinh phục con tim Thu Trường và hãnh diện trình diện người yêu trẻ đẹp trong một buổi đi chơi và ngủ đêm ở nông trại. Thu Trường vô tư tung tăng vui đùa, trong khi hai đứa con, bé lớn lì lợm không ai nói được và bé kia khóc nhè từ đầu mùa đến cuối mùa. Thu Trường cho biết nàng mê xi-nê, không bỏ qua phim mới nào. Nàng cũng rất khoái đi *ba* (bar), nhưng không chỉ để uống rượu mà để nghe nhạc, nhảy đầm, và hòa mình vào đám người thác loạn sống động trong *ba*. Đêm đó, nàng và Phiến sôi nổi hát bài dân ca trữ tình nổi tiếng “You Light Up My Life” (*Anh làm cho đời em sáng ngời*) của Joseph Brooks (1938 – 2011),

*So many nights I'd sit by my window  
Waiting for someone to sing me his song  
So many dreams I kept deep inside me  
Alone in the dark but now you've come along.  
And you light up my life  
You give me hope to carry on  
You light up my days and fill my nights with song.*

(Bao đêm em ngồi bên cửa sổ  
Chờ ai đó hát cho em nghe  
Bao giấc mơ em giữ sâu trong tim  
Một mình trong bóng tối, nhưng bây giờ anh vừa đi đến.  
Và anh làm cho đời em sáng ngời  
Anh truyền hy vọng cho em tiếp tục  
Anh soi rạng ban ngày và lấp đầy ban đêm của em bằng bài ca.)

Anh Cấp cho biết thêm Thu Trường ưa thích *barhop* (đi uống rượu từ *ba* này sang *ba* khác, “hop” tiếng Anh là nhảy lò cò) để tìm không khí khoái hoạt mới, uống loại bia đặc biệt ở *ba* kia, hay kéo dài thời gian vui chơi khi *ba* này đóng cửa sớm hơn; có khi anh phải lái xe hàng chục dặm Anh sang thị trấn khác. Con người nàng chứa chan nhiệt tình ham sống đáng yêu của một thiếu nữ Mỹ mới lớn, nhưng thiếu vắng đức tính của một bà mẹ Việt nam có hai đứa con . . . rười. Bụng bầu của nàng đã hơi tròn, khoảng bốn hay năm tháng.

Anh Cấp đưa Thu Trường đi thuê nhà (nàng đứng tên thuê), và họ dọn vào sống chung với nhau. Tổ uyên ương là căn *apartment* dưới tầng hầm, chủ nhà ở tầng trên, có *driveway* và lối ra vào riêng, và cách xa nhà bà Vui. Họ mở tiệc mời bạn bè đến “ăn tân gia”; chúng tôi nâng ly chúc mừng “đôi trẻ,” kể chuyện tiếu lâm chông già vợ trẻ và cười hề hả, và uống say túy lúy.

Ràng buộc gia thất không cầm chân anh Phúc ở nhà, anh vẫn dự các buổi tiệc nhậu cuối tuần một mình và đôi khi kể lể tính nết của “bà vợ” mới. Thu Trường thức sáng đêm coi *ti-vi* trong lúc anh đi làm, và ban ngày ngủ vùi, bỏ mặc hai đứa con và hai con mèo. Khi xem *ti-vi* hay nằm ngủ, nàng rút dây điện thoại ra khỏi ổ cắm điện thoại để khỏi bị quấy rầy; người gọi tới chỉ nghe chuông reo mà không ai trả lời. Khi thức dậy muốn gọi điện thoại, nàng gắn dây lại vào ổ cắm trên tường và say sưa nói chuyện hàng giờ; người gọi tới nghe tiếng “tít tít” liên tục cho biết điện thoại bận. Nghe anh Cấp phàn nàn, Phiến có dịp cười nhạo,

“Anh ăn và ở *chùa*, *cơm no bò cỡi* đã đời, giờ lại mơ ‘bà vợ’ giỏi giang hiền thực, công dung ngôn hạnh đầy mình. Phần nào thôi chứ!”

Ngày bé Danny ra đời, mọi người mừng rỡ nghĩ rằng nhờ đứa con chung, cuộc sống lứa đôi của anh Cấp và Thu Trường sẽ tốt đẹp hơn. Nhưng đại họa xảy đến lúc bé chưa tròn ba tháng. Chiều hôm ấy, trong lúc anh Cấp nằm ngủ để lấy sức tối đi làm, Thu Trường một tay ẵm bé cho bú sữa và tay kia nấu *cơm tối*. Đồng thời nàng lu bu quát mắng hai đứa con lớn đang đánh nhau, đuổi hai con mèo ăn vụng thức ăn, và ôm điện thoại nói chuyện với bạn. Vai phải nàng vươn lên để kẹp ống nghe vào cằm và má. Đột nhiên, hai con mèo rượt nhau chạy băng qua chân Thu Trường khiến nàng giật mình. Cái ống nghe sẩy rời ra rơi xuống, và sợi dây nối vướng vào cán chiếc *soong* đang nấu canh, kéo *soong* xuống hất nguyên nồi nước sôi sục vào mặt và thân hình Danny. Bé tắt thở trên tay mẹ, không kịp khóc.

Sau đám tang bé Danny, tôi không còn gặp anh Cấp hay Thu Trường. Một hôm đi siêu thị mua đồ ăn tôi gặp Phiến; Phiến chua chát báo tin,

“Anh Cấp ca bài *sayonara* với cô Trường rồi.” “*Sayonara*” tiếng Nhật là từ biệt.

“Sao *cơm không lành canh không ngọt* nhanh vậy?” tôi hỏi nhưng không ngạc nhiên.

“Sở Xã hội và ty Cảnh sát gửi người tới điều tra cái chết của thằng Danny. Tuy *cổ* không bị kết tội ngược đãi trẻ em, nhà *cổ* bị theo dõi rất kỹ, không thể tiếp tục chứa chấp *người dưng khác họ ở ké*. *Ảnh* bèn thu dọn chiến trường và rút quân về ở chung với *tui*.”

“Anh Cấp thành *độc thân vui tính* như Phiến hả?” tôi hỏi đùa.

“*Sức mẩy!* Mất hậu cứ là cô con gái, *ảnh* nắm vững tiền đồn là bà mẹ *cổ*, mẹ già như *chuối bà hương*, như *xôi nếp một như đường mía lau*.”

“Anh Cấp *dzô* bà *Dzui* có *dính* không?” tôi không tin tai mình.

“Sao lại không? *Bả* đang kêu *ảnh* dọn tới ở chung để xây tổ ấm mà.”

Không tới một tuần sau, tôi “*bị*” gặp bà Vui lần thứ ba. Sáng sớm Chủ Nhật, tôi còn nằm trên giường thì chuông điện thoại reo, cảnh sát gọi nhờ tôi đến nhà bà giúp họ thông báo một tin rất quan trọng. Vị cảnh sát đưa chiếc ví xách của Thu Trường cho bà và nói với giọng nghiêm trọng,

“Chúng tôi rất tiếc báo cho bà biết cô Trường con bà và bạn trai là ông Cấp đã thiệt mạng đêm qua trên Xa lộ Liên bang I-94 cách Bismarck chừng 15 dặm Anh về phía tây. Hiển nhiên, xe chạy tới khúc đường vòng vèo mà không giảm tốc độ, ông Cấp lác tay lái, xe đâm thẳng xuống vực và tông mạnh vào một thân cây lớn. Hai người mất mạng tại chỗ. Máu của cả hai chứa lượng rượu cao gấp mấy lần mức độ say luật định.”

Trong lúc bà Vui vừa khóc vừa nguyên rủa “*thằng khốn nạn*” đã phản bội bà, tôi thắc mắc hỏi ông cảnh sát,

“Làm sao ông biết anh Cấp là bạn trai của cô ấy?”

“Chúng tôi tìm thấy hai người trong tư thế giao hợp tình dục: Khi tai nạn xảy ra, cô ấy làm *khẩu giao* (oral sex) trong lúc ông ta ngồi lái xe. Còn một điều nữa, chúng tôi sẽ ghi trong biên bản tai nạn, nhưng không thể kết luận tại sao.”

“Dạ, ông cứ nói,” tôi gật đầu.

“Chìa khóa mở máy xe ở vị trí ‘Off’ (tắt). Tôi không biết chắc chuyện gì đã xảy ra, nhưng nếu xe đang chạy mà bất ngờ vặn tắt máy, tài xế sẽ không còn điều khiển được tay lái và sau hai hay ba lần đạp thắng, mất luôn khả năng hãm xe lại. Vì tay lái và bộ thắng điều khiển bằng điện.”

Tôi nhớ ra trong một phim xi-nê mới chiếu tháng trước, bà vợ làm *dụ* cơn lo lắng trong lòng chồng bằng *khẩu giao* trong lúc ông ta lái xe, gây ra tai nạn lưu thông. Chắc hẳn Thu Trường đã lấy ý từ phim đó và trên đường *barhop*, cố tình tạo nên tai nạn để hai người chết chung. Tôi đoán nàng chiều chuộng anh Cấp như thế để làm anh *đê mê*, không còn tâm trí ngăn cản khi nàng đưa tay vặn chìa khóa tắt máy xe. Tình có thể *cho không, biếu không*, anh có thể đã *làm cho đời em sáng ngời*, nhưng sự phản bội vô liêm sỉ phải trả bằng tính mạng.

Sách tương số nói không sai. Đến phút lâm chung, anh Cấp còn hưởng khoái lạc trần gian.

**Nguyễn Ngọc Hoa**

Ngày 6 tháng Giêng, 2021

# Bão Tố Đời Mẹ

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Sau Tết tây, tôi làm việc ròn rã năm tháng dài mới có ngày nghỉ lễ: lễ Chiến sĩ Trận vong (trước gọi là lễ Gắn Huy chương) cử hành vào thứ Hai cuối cùng của tháng Năm, năm nay (1976) nhằm ngày 31 cuối cùng của tháng Năm, để tưởng niệm những quân nhân Hoa kỳ đã bỏ mình khi thi hành nhiệm vụ trong quân ngũ. Ngày này người Mỹ mang hoa ra nghĩa trang thăm mộ thân nhân, tương tự như người Việt đi tảo mộ, bất luận người đã khuất là cựu chiến binh hay không. Từ nay kể như mùa hè bắt đầu: Trường học nghỉ hè, người làm việc nghỉ phép đưa gia đình đi chơi xa, và các sinh hoạt như cắm trại, câu cá, và chơi thể thao ngoài trời bắt đầu.

Ba ngày *cuối tuần dài* đi qua thật nhanh. Tối thứ Hai, khi tôi lấy áo quần sáng mai mặc đi làm để sẵn, Quỳnh Châu nhắc tôi,

“Mai là tháng Sáu rồi đó anh.”

“*Bây giờ mấy tháng rồi hỡi em, anh đi tìm nhà thương em năm*. Ba tuần nữa đến tiết hạ chí ngày dài đêm ngắn nhất do quả đất quay gần mặt trời, bắt đầu mùa hè. Tháng Sáu có cả mùa xuân lẫn mùa hè, vợ anh thích mùa nào?” tôi hát nhại bài “*Bây Giờ Tháng Mấy*” của Từ Công Phụng và nói loanh quanh để trêu nàng.

“Chồng chỉ có mỗi một cô vợ dễ thương này mà cứ ðe ra gheo hoài. ‘Người ta’ nói chuyện ðang hoàng mà *ông dông* quen thói ba lơn, cu Mạc cười cho rán chịu,” nàng làm bộ giận ðối.

“Vợ mình mình gheo cho vui ðời chứ có gheo vợ hàng xóm để buông lời ong bướm trăng hoa ðâu mà sợ. Anh biết em nói chuyện ðưa cu Mạc về thăm *ông mẹ*, o Bình, và các chú nên mới nêu ra tiết hạ chí là tới kỳ cu Mạc ðược ba tháng mười ngày. Lúc ðó em hết phong long, muốn ðem con ði thì *đường ta, ta cứ ði*, anh không cản nữa ðâu.”

Ngay sau khi Mạc ðầy tháng, Quỳnh Châu ðã tỏ ý muốn ðồng con về ra mắt ông bà nội, “Cu Mạc có tội gì với cha mà sợ?” Tôi ðưa cả hai bàn tay lên ngăn và ðùa với nàng bằng câu thơ *Lục Vân Tiên* của Nguyễn ðình Chiểu (1822 - 1888),

“*Khoan khoan ngồi ðó chớ ra, nàng là phận gái, ta là phận trai*. Em có biết cha mê bài bạc và tin dị ðoan *một cây*? Anh ðã từng thấy cha ði ðánh bài mà ra ðường gặp phụ nữ là vội vàng lộn vào nhà.”

“Tại sao vậy?”

“Vì tin rằng ra ðường gặp gái là ðiềm xấu, phải tránh ðể khỏi bị xui xẻo.”

“Em ðồng cu Mạc tới thăm, cha có ra ðường ðâu mà sợ xui?”

“Người Việt cho rằng ðàn bà ðẻ trong ba tháng mười ngày ðầu mang khí trược như ứ ðưa tới vận ðen lớn cho người khác, gọi là ‘phong long’ hay ‘phòng long.’ Kể ‘phạm phong long’ ði thi sẽ hỏng, buôn bán lỗ lã, và làm gì cũng thất bại. Nếu em ðem con gặp cha trước khi hết phong long, mọi chuyện không ðắc ý của cha sẽ *trăm ðâu ðổ ðầu tằm* và chồng em *lãnh ðủ* vì hiện nằm trong ‘sổ ðen’ của cha,” tôi giải thích thêm về tục dị ðoan này.

Hồi xưa đàn bà đẻ phải đợi ba tháng mười ngày (tức là 100 ngày tính theo tháng âm lịch) mới ra ngoài. Tuy nhiên, sau lễ *khảm tháng* của con, người ta có thể “bán phong long” bằng cách đem một tàu lá chuối ra ngã ba đường cái, trên tàu lá chuối để 12 miếng cau trầu tượng trưng cho 12 bà mẹ nặn ra em bé và vài đồng tiền để khách qua đường lấy dùng. Trong thời gian *nằm cũ* (hay *nằm bếp*), sản phụ được các bà nuôi để giã củ nghệ thoa bóp khắp thân hình cho chắc da thắm thịt và mau lành cửa mình. Do đó, các cô gái quê Huế có câu hò trêu chọc mấy anh học trò xứ Nghệ,

*Hò ơi, ơi anh ơi, ba tháng mười ngày mới hết phong long.  
Anh cho em một chút để em xoa trong bóp ngoài.*

\* \* \*

Mẹ và em Bình rất đổi vui mừng khi mẹ con Quỳnh Châu đến thăm. Mẹ tặng tiu Mạc và khen “thằng chó” bụ bẫm tốt tướng, dễ thương, và không sợ người lạ. Bình giành ẵm bé, trong khi các chú vuốt má và sờ các ngón tay tí teo của bé rồi đứng ra xa khi thấy cha lại gần. Cha nhìn bé chăm chú và hỏi Quỳnh Châu vài ba câu thông thường, nhưng không thềm hỏi han tới “thằng con bất hiếu bất mục” là tôi. Từ đó, cứ đôi ba bữa hay lâu lắm là một tuần, Quỳnh Châu lại *na* (mang dờ đi một cách khó khăn) Mạc tới cho *mệ, o*, và mấy chú nựng nịu.

Bình đang học khóa hè và bán hàng một phần thời gian trong cửa hàng bách hóa. Cha làm việc tạm thời cho nha Thuế vụ tiểu bang vì nay là mùa khai thuế, sở thuế bận rộn và cần thêm người phụ giúp. Hàng năm người Mỹ làm việc có lợi tức phải tự mình (hay thuê người) tính thuế lợi tức và gửi bản khai thuế về cơ quan thuế vụ tiểu bang và liên bang trước ngày 15 tháng Tư.

Ba tuần sau khi gặp Mạc lần đầu, mẹ phải đương đầu với cơn bão tố xảy tới bất chợt. Hôm ấy cha đi gửi thư, bỏ thư vào trong cái thùng thư trước ty Bưu điện cách nhà hai khu phố, và vô ý “gửi” luôn cái ví đựng tiền và giấy tờ vào thùng. Không biết vì cha “sợ” nói tiếng Anh hay *ôcc dồcc* (mắc cỡ) về sơ ý ấu trĩ của mình mà thay vì vào bên trong nhờ nhân viên Bưu điện ra lấy ra, cha ba chân bốn cẳng chạy về nhà tìm mấy đứa con sai đi lấy. Chỉ có mẹ và Bình ở nhà; em đang sửa soạn đi làm nên xin cha đến hôm sau em ra ty Bưu điện. Cha là dân nhà binh quen thói một khi đã ra lệnh thì lệnh không thể cải dời và phải thi hành ngay lập tức, trong gia đình ai làm khác đi kể như . . . *đời tàn trong ngõ hẹp*. Cha *lên cồ lộng mợc* (sùng sộ hung hăng) nắm tay giơ lên cao,

*“Tổ cha mi, đồ con gái mất dạy! Cha mi nói mà không thềm nghe lời.”*

Thấy con gái cứng sấp bị đánh, mẹ xót con vội vàng la lên can thiệp. Lời can ngăn của mẹ khiến cơn giận của cha cháy bùng như lửa đổ thêm dầu, cha hung hăng chửi,

*“Đ. m. con thằng Hà nhà quê thất học ngu đần, không biết dạy con, còn cả gan bênh đứa con gái hư.”* “Hà” là tên ông ngoại tôi, *ông* mất khi mẹ mới lên năm.

*“Ông là người có ăn học làm tới ông nọ ông tê (kia) mà ăn nói thô bỉ và đối xử tệ bạc với vợ con thua cả tụi cu-li xe kéo ngoài làng quê Quảng Bình. Sống uống cơm Trời, chết quách đi cho rồi,”* con giun xéo lấm cũng quẩn, mẹ vùng lên mắng trả.

“Bèo ơi là Bèo, *mi* đội mồ sống dậy coi con *mi* là thứ đàn bà lẳng loàn *chưởi* chồng, phá hoại gia cang *tê* (kia). *Chừ tau* chỉ có cách giết hết, đập hết mới *đã nư*,” cha làm bộ khóc lóc để bêu diếu mẹ; “Bèo” là tên bà ngoại tôi; *mẹ* mất ngoài làng vào cuối thập niên 1950.

“Nói cho *ông* biết, *chừ tui* biết gọi cảnh sát cấp cứu rồi. *Ông* mà *xú xớ* (láng cháng) đụng tới một sợi lông *chừn* của *tui* hay đập phá cái *chi* trong nhà *ni*, *tui* kêu *hẩn* tới cùm đầu *ông* vô tù cho đẹp mặt đẹp mày thứ đàn ông vũ phu tồi bại. Đồ đạc của nhà thờ cho gia đình thẳng *Ba Hoa*, không phải *chi* của *ông* mà làm oai làm tướng đập nát hết, *chừ* không còn cái chén lành hay đĩa nguyên để ăn cơm,” mẹ chỉ tay hăm he.

Cha tức uất người nhưng sợ bị “cùm đầu” nên không dám dờ ngón sờ trường khổ luyện bao nhiêu năm nay là *thượng cẳng tay hạ cẳng chân* với mẹ và đập phá đồ đạc trong nhà, mà chỉ huơ chân múa tay đánh võ mồm, quanh đi quẩn lại với mấy câu *chưởi* rửa tục tằn cũ rích cũ rang cha chế ra trước thời tôi ra đời. Mẹ chán ngán không thèm *đoái hoai đoái quở*, nấu ăn dọn cơm và dọn dẹp như thường ngày.

Hôm sau, bưu tá phát thư mang trả lại cha cái ví nguyên vẹn giấy tờ và tiền bạc. (Hôm trước, sau khi bị cha mắng, trong khi làm việc, Bình gọi điện thoại nhờ ông bảo trợ Gardner giúp. Ông gọi ra ty Bưu điện xác nhận tên và địa chỉ chủ chiếc ví đi lạc; nhờ vậy *vật hoàn cố chủ*.) Sáng sớm ngày kế tiếp, cha gọi tắc-xi chở ra phi trường, lẳng lẳng ra đi không một lời giã biệt với mẹ.

Cha đi rồi mẹ mới biết cha đã xin nghỉ việc sở thuế, đóng trưng mục ngân hàng, mua vé máy bay, và sửa soạn hành lý từ tuần trước. Thấy mẹ u sầu với đôi mắt thâm quầng, Quỳnh Châu an ủi,

“Mẹ đừng buồn, mẹ còn cả bầy con cháu hết lòng thương yêu mẹ.”

“*Tau* có buồn *mô*, chỉ giận con người bạc bẽo như *vôi nớ*. *Tau* luôn luôn nhớ lời hứa với *mẹ* nội thẳng *Ba Hoa*. *Mẹ* mất khi *hẩn* chưa đầy hai tuổi, *mẹ* trăng trối giao bốn phần cai quản gia đình dòng họ cho *tau*. Nếu *tau* không cản rặng đi hết con đường khổ ải *ni*, mai mốt xuống dưới suối vàng, mặt mũi *mô* mà thấy *mẹ*?” mẹ lấy khăn chấm nước mắt.

“Con chắc cha sẽ hồi tâm trở về với mẹ,” Quỳnh Châu vuốt tay mẹ.

“*Hẩn* đành đoạ vợ vét lặn theo mấy ngàn bạc mẹ con dành dụm chắt chiu lâu nay, làm *rặng* có chuyện hồi tâm *nớ*? Nhưng trước sau *chi* cũng *nướng* vô sòng bài, và khi hết tiền không ai chứa chấp nữa thì *đục đầu* về. *Mụ* Cẩn gọi điện thoại cho *tau* nói *hẩn* đánh bạc thâu đêm mần ngày, quên ăn bỏ ngủ.”

“*Mụ* Cẩn” là bác Cẩn gái bạn của mẹ; cha xuống Los Angeles ở nam California và ở nhà hai bác Cẩn. Bác trai là bạn của cha từ thuở để chỏm ngoài Quảng Bình, gia nhập quân đội cùng một lần, và học cùng một khóa Võ bị Liên quân Đà Lạt với cha. Ở Việt nam mấy năm về sau, trong lúc cha về Sài gòn nghỉ hưu thì bác thăng tiến như điều gặp gió, lên chức tướng, và được bổ nhiệm làm thứ trưởng một bộ chủ chốt của chính phủ. Trên đường di tản, tôi gặp bác trên tàu Green Wave từ vịnh Subic đi đảo Guam, hai bác và hai cô con gái khệ nệ khiêng một rương vàng nặng, và anh em tôi hết mình đứng ra giúp bảo vệ gia đình bác và rương vàng. Khi tàu cập bến đảo Guam, bác quên bếng lời hứa “bác cháu mình đi đâu cũng có nhau” và lẳng lẳng đưa gia đình xuống tàu trước, bỏ mặc anh em tôi.

Cha thua bạc hết tiền như mẹ tiên đoán, nhưng chưa về ngay mà viết thư cho tôi theo địa chỉ ở sở. Sau hai, ba câu thăm hỏi, cha đi vào vấn đề,

*Từ lúc xuống đây, việc tìm việc của cha rất khả quan. Cha sắp đi làm mà ở thành phố này, không có xe làm phương tiện di chuyển thì kể như bị chặt chân. Con cố gắng thu xếp gửi cho cha một ngàn đô la (\$1,000) để mua chiếc xe cũ đi làm.*

*Con rán giúp cha và cần nhất không được nói cho vợ con biết. Cha mong tin con.*

Một ngàn đô la là nguyên tháng lương của tôi; sau khi trừ thuế, chỉ mang về nhà hơn \$700. Tôi lại nợ ngập đầu với các món nợ vay khi mới đến, cộng thêm nợ để chi dùng và mua sắm khi ra ở riêng. Khi đó, chúng tôi có vốn vụn hai cái bao rác thồn đầy quần áo và vật dụng cá nhân, và chiếc rổ đựng đồ giặt chứa các thứ lặt vặt. Khó xử hơn là cha dặn phải giấu Quỳnh Châu, điều mà từ khi lấy nàng tôi chưa bao giờ làm. Nhưng những ràng buộc của văn hóa Khổng Mạnh, bài học *Luân lý Giáo khoa Thư*, gương hiếu thảo trong *Nhị Thập Tứ Hiếu*, v.v. đã ăn sâu vào tâm khảm, tôi không thể không tuân lời cha, mặc dù biết chắc số tiền đó rồi cũng sẽ *cúng* vào sòng bài. Kẻ thua bạc luôn luôn cần thêm tiền để gỡ thua.

Tôi mượn anh Phúc \$1,000 và dùng thẻ tín dụng mua vé máy bay một chiều từ Los Angeles về Bismarck với tên cha là hành khách, ngày đi để ngỏ, và không cho trả lại lấy tiền. Tôi viết bức thư ngắn *"xin cha nhận món tiền này để mua xe đi làm"* rồi ra Bưu điện mua bưu phiếu gửi cho cha cùng với tấm vé máy bay. Quỳnh Châu không hay biết vì tính nàng vô tư và rộng rãi, phó mặc tôi lo chuyện tiền nong chi tiêu trong nhà. Một tuần sau, Quỳnh Châu cho biết cha đã về nhà và cư xử như thể chưa hề đang tâm bỏ mẹ ra đi. Mẹ thì thầm với nàng,

*"Ông già' mi mặt mày xất bất xang bang vì thiếu ăn, thiếu ngủ, và thiếu tiền đánh bạc."*

Suốt đời làm vợ cha, mẹ phải luôn luôn chuẩn bị ứng phó với những hồi bão tố phũ phàng như thế. Tôi tự hỏi có bao giờ mẹ mong muốn cuộc đời mẹ đổi khác đi – như tôi hằng mong.

**Nguyễn Ngọc Hoa**

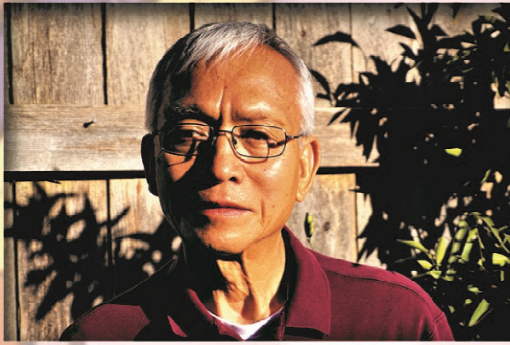
Ngày 10 tháng Hai, 2021

# NGUYỄN NGỌC HOA

Nguyễn Ngọc Hoa là bút hiệu của một kỹ sư hồi hưu với quá trình học hành bao gồm các lãnh vực khoa học và kỹ thuật, quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế. Về mùa hè sống ở North Dakota, một tiểu bang miền bắc Hoa kỳ, và về mùa đông làm cư dân Texas, một tiểu bang miền nam. Đạo mới vào đời, sống ở Sài gòn mười năm, đi học, dạy học, và làm việc đến tháng Tư 1975 thì bỏ nước ra đi. Viết để kể lại cho bạn bè nghe những câu chuyện của một quãng đời xa xưa và và trau dồi Việt ngữ sau những năm dài sống xa quê hương.

- Sinh năm 1947 ở Quảng Bình, di cư vào Nam năm 1954, và hầu như lớn lên ở Huế.
- Học trung học ở Huế và Ban Mê Thuật; kỹ thuật điện ở Trung tâm Quốc Gia Kỹ thuật, Sài gòn; và điện tử và viễn thông ở Đại học Khoa học Sài gòn.
- Giảng viên vật lý và kỹ thuật điện tại một số đại học y khoa và kỹ thuật ở Sài gòn.
- Đồng tác giả cuốn sách giáo khoa *Giải Tích Mạch Điện* gồm hai tập, xuất bản tại Sài gòn năm 1974 và 1975.
- Sang Hoa kỳ tỵ nạn năm 1975; định cư tại Bismarck, North Dakota; và làm chuyên viên kế hoạch cho một công ty tiện ích đến năm 2012 thì về hưu.
- Lần lượt học quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế ở University of North Dakota ở Grand Forks, North Dakota.
- Phụ trách mục “Đố Vui Để Học” và viết bài về khoa học và kỹ thuật trong Tạp chí Lửa Việt, nguyệt san chống Cộng xuất bản ở Toronto, Canada từ 1980 đến 1993.





## NGUYỄN NGỌC HOA

là bút hiệu của một kỹ sư hồi hưu với quá trình học hành bao gồm các lãnh vực khoa học và kỹ thuật, quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế. Về mùa hè sống ở North Dakota, một tiểu bang miền bắc Hoa Kỳ, và về mùa đông làm cư dân Texas, một tiểu bang miền nam. Đạo mới vào đời, sống ở Sài Gòn mười năm, đi học, dạy học, và làm việc đến tháng Tư 1975 thì bỏ nước ra đi. Viết để kể lại cho bạn bè nghe những câu chuyện của một quãng đời xa xưa và và trau dồi Việt ngữ sau những năm dài sống xa quê hương.

### Trích trong truyện ngắn “**QUÊ HƯƠNG CỦA CON TÔI**”:

**M**ột buổi sáng đầu tháng Mười, khi xuống cầu lạc bộ nghỉ giải lao, tôi cảm thấy có điều gì khác lạ. Người chung quanh nhìn tôi thì thầm bàn tán. Đột nhiên, anh bạn Charlie xuất hiện, cô thư ký Charlotte theo sau, đẩy xe chở chiếc bánh sinh nhật cắm 29 cây nến nhỏ đã thấp lên. Mọi người đứng dậy vỗ tay và hát bài “Happy Birthday to You” để mừng sinh nhật “Nhà Toán học của Công ty” – hàng chữ trang hoàng trên bánh. Tôi khựng lại một giây rồi nhớ ra. Hôm nay là ngày sinh nhật thứ 29 của tôi. Đó là chiếc bánh sinh nhật đầu tiên trong đời của tôi.

Trước sự thương yêu và kính nể của bạn bè nơi đất mới, tôi xúc động thực tình, nước mắt chảy dài trên má. Tôi nghĩ tới bé Mạc và nhớ lại lời bài hát của người bạn cũ là nhà du ca Nguyễn Đức Quang (1944 - 2011),

*Xin nhận nơi này làm quê hương dẫu cho khó thương.*

*... Xin nhận nơi này làm quê hương dẫu chưa thanh bình.*

Nơi này rất dễ thương và thanh bình đã lâu. *Quê hương của con tôi mà!*

**GIÁ BÁN: \$US 25.00**